

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH  
TẬP 190

TRUYỆN  
CAO TĂNG PHÁP HIỂN

高僧法顯傳  
T 2085

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH  
TẬP 190

TRUYỆN CAO TĂNG  
PHÁP HIỂN

SỐ 2085

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2085

## TRUYỆN CAO TĂNG PHÁP HIỂN

*Thời Đông Tấn, Sa-môn Thích Pháp Hiển  
tự ghi mọi sự trong chuyến vân du Tây vức.*

Ngày trước, khi đang ở Trường An, ngài (Pháp Hiển) bùi ngùi nghĩ đến sự suy tàn và khuyết thiếu của Luật tạng. Năm Kỷ Hợi (399) tức năm Hoảng thứ hai, Ngài cùng các Sa-môn Tuệ Cảnh, Đạo Chính, Tuệ Ứng, Tuệ Ngồi..., là đồng bạn đi Thiên trúc tìm cầu giới Luật.

Mới đầu, phát xuất từ Trường An, vượt qua đất Lũng đến nước Càn Quy, dừng lại an cư Kiết Hạ. Sau khi mãn Hạ, các ngài đến nước Nhục Đàn, vượt qua núi Dương Lô đến trấn Trương Dịch, tại Trương Dịch loạn lạc, đường sá tắt nghẽn, vua Trương Dịch ân cần lưu giữ ở lại và phát tâm lâm Đàn Việt. Ở đó, ngài gặp lại các Sa-môn Trí Nghiêm, Tuệ Giản, Tăng Thiệu, Bảo Vân, Tăng Cảnh..., vô cùng vui mừng bởi đồng chí hướng, các Ngài bèn ở lại An cư Kiết Hạ. Sau khi mãn Hạ, lại tiếp tục đến Đôn Hoàng, có một vùng ven từ đông sang tây dài tám mươi dặm, từ nam đến bắc bốn mươi dặm. Các ngài cùng nhau dừng lại hơn một tháng. Ngài ..., cả thầy năm người theo Kẻ Sứ dẫn đường đi trước, lại cùng các Sa-môn Bảo Vân ..., giả biệt nhau tại Đôn Hoàng. Thái Thú Lý Hạo cung cấp môi thứ để vượt qua sông Cát. Trong sông cát có nhiều ác quỷ, gió nóng. Nếu gặp phải đều phải chết, không một ai được toàn mạng, trên không chim bay, dưới không thú chạy. Trông khắp hết tầm mắt muốn định hướng để vượt qua thì trọn không nơi phủng định, chỉ lấy cốt xương khô của người đã chết để làm mốc hiệu. Đi suốt mười bảy ngày được khoảng một ngàn năm trăm dặm thì đến được nước Thiện Thiện. Đất Xứ đó đồi núi gập ghềnh xấu kém, con người ăn mặc thô sơ đồng như tại đất Hán (Trung Hoa), chỉ có gựa bện

vãi thô là khác. Vua Xử đó kính phụng Phật Pháp, chư Tăng có hơn bốn ngàn vị đều học theo Pháp Tiểu thừa. Người thế tục và Sa-môn ở các nước đều thực hành theo pháp của Thiên Trúc, chỉ có sự tinh thô khác nhau. Từ đó, theo hướng tây trải qua các nước đại loại đều như vậy. Chỉ có mỗi mỗi nước nói tiếng Hồ chẳng đồng. Nhưng người xuất gia đều tập học theo sách Thiên Trúc, nói tiếng Thiên Trúc. Nghỉ ở lại đó một tháng, lại theo hướng tây bắc đi suốt mười lăm ngày đến nước Ô Di. Tại nước Ô Di, Tăng chúng cũng có hơn bốn ngàn vị đều học theo pháp Tiểu thừa, phép tắc rất tề chỉnh. Các Sa-môn ở đất Tần sang đó đều chẳng dự hàng chúng Tăng. Ngài cùng gặp lại các Sa-môn Bảo Vân...tại nước Ô Di. Dân chúng ở đó chẳng tu lễ nghĩa nêu đối đãi với khách rất lạnh nhạt. Các Sa-môn Trí Nghiêm, Tuệ Giản, Tuệ Ngôi bèn trở hướng đến cao xương muốn tìm kiếm tư lương hành trang. Ngài... được Phù Công Tôn cung cấp nên cứ thẳng hướng đến tây nam. Giữa đường đi không có dân chúng ở nên trải qua lắm gian nan. Mọi nỗi khổ giảm trải, lễ đời khó sánh, phải suốt một tháng năm ngày mới đến được nước Vu Điền.

Đất nước Vu Điền rất phong phú, dân chúng hưng thịnh đông đúc và đều kính phụng Phật Pháp, lấy Pháp lạc để cùng vui. Chư Tăng có vài muôn người, phần nhiều là học theo Pháp Đại thừa, đều có chúng thực. Dân chúng nước đó sống về ban đêm, trước mỗi mỗi cửa nhà đều có tạo dựng một ngôi tháp nhỏ, ngôi nào nhỏ nhất cao khoảng hai trượng, xây phòng Tứ phương Tăng để tiếp đãi cung cấp khách Tăng, ngoài ra mọi sự cần thiết đều do Quốc chủ sắp xếp cung cấp. Ngài... ở lại trong một Tăng-già lam tên là Cù Ma Đế, đó là chùa Phật giáo Đại Thừa. Có đến ba ngàn vị Tăng, cùng đánh kiền chú mà thọ thực, lúc vào Trai đường, oai nghi tề chỉnh theo thứ tự mà ngồi, tất cả đều im lặng, không có tiếng muống bát va chạm, các hàng Tịnh nhân dùng thức ăn, không mở lời kêu bảo chỉ đứ tay làm dấu hiệu. Các Sa-môn Tuệ Cảnh, Tuệ Chính, Tuệ Đạt đi trước đến nước Kiệt Xoa, còn Ngài ... vì muốn xem biết pháp hành tượng nên dừng ở lại ba tháng. Trong nước Vu Điền có bốn ngôi già Lam lớn, còn chùa nhỏ thì nhiều vô số. Từ ngày mồng một tháng bốn, trong thành lo việc quét tước sửa sang đường sá đến cả các ngõ hẻm, trên cửa Thành đô những treo màn trướng lớn, mọi sự đều nghiêm sức. vua và Phu nhân Thế nữ đều ở bên trong. Chư Tăng ở chùa Cà Ma Đế đều học theo Pháp Đại Thừa, rất được vua kính trọng. Việc đầu tiên rong Pháp Hành tượng là cách Thành khoảng ba đến bốn dặm làm bốn xe luân tượng cao hơn ba thước, tưởng trạng như

Điện đang đi, dùng bảy món báu để trang nghiêm, treo các phan lọng. Tôn tượng đứng ở trong xe, có hai vị Bồ-tát đứng hầu, làm các trời theo hầu, đều dùng vàng bạc khắc chạm ánh ở treo giữa không trung. Tôn tượng đến cách cửa chừng trăm bước, vua cởi bỏ mũ Trời đổi mặc áo mới, đi chân không, tay bưng hoa hương chấp cánh theo ra cửa Thành để nghinh đón Tôn tượng, đem cả đầu mặt đánh lễ sát chân Tôn tượng, rải hoa đốt hương. Lúc Tôn tượng vào Thành, Phu nhân đứng trên cửa lầu cùng với thể nữ từ xa tung rải các thứ hoa lẫn lộn rơi xuống. Cúng dường đầy đủ trang nghiêm như thế mỗi mỗi xe mỗi khác. Một ngôi Tăng già Lam thì một ngày hành Tượng. Từ ngày mồng một tháng bốn là bắt đầu và kết thúc vào ngày mười bốn tháng bốn. Sau khi lễ pháp hành tượng xong xuôi, vua cùng Phu nhân mới trở về trong cung, ở phái tây thành đồ cách chừng tám dặm có một ngôi già Lam tên là chùa Vương Tân. Từ khi khởi công làm suốt tám năm trải qua ba đời vua mới hoàn thành, cao hai mươi lăm trượng, khắc chạm điêu vắn, vàng bạc phủ trên, các món báu hợp thành. Phía sau Tháp là điện Phật trong nghiêm diệu hảo, rường cột cửa nẻo đều dùng vàng phết mỏng, riêng làm Tăng phòng cũng oai nghiêm tráng lệ chỉnh trang, không lời nào có thể diễn tả hết. Các vua sáu nước vùng lãnh đông có những vật báu quý giá phần nhiều đều đem cúng dường, người sử dụng thì ít. Đã qua bốn tháng trông xem pháp hành Tượng, một mình Sa-môn Tăng Thiều theo một Đạo nhân người Hồ đi đến nước Kế Tân. Còn ngài ... thẳng đến nước Tử Hợp.

Phải trải qua hai mươi lăm ngày đường mới tới nước đó. Vua nước đó rất tinh tấn, Tăng chúng có hơn ngàn vị, phần nhiều là học Pháp Đại Thừa. Dừng ở lại đó mười lăm ngày, rồi theo hướng nam đi suốt bốn ngày vào núi thông Lãnh, đến an cư tại nước Huy. Sau khi mãn Hạ, lại đi suốt hai mươi lăm ngày đến nước Kiệt Xoa. Ngài gặp lại Sa-môn Tuệ Cảnh ... gặp lúc vua nước đó làm Ban - Già - Việt - Sư, Ban - Già - Việt - Sư tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là “Đại Hội Năm Năm”, lúc khai mở hội thỉnh mời các Sa-môn ở tứ phương đều đến nhóm tập. Sau khi đã nhóm tập mới trang nghiêm chỗ ngồi của chúng Tăng, treo các phan lọng, làm các hoa sen bằng vàng bằng bạc xếp đặt sau tòa. Bày toạ cụ thanh tịnh. Vua và quần thần đều như pháp mà cúng dường, hoặc một tháng, hai tháng, hoặc ba tháng, phần nhiều là trong mùa xuân. Vua làm hội ấy rồi lại khuyên Quần Thần thiết bày các thứ cúng dường, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, năm ngày cho đến bảy ngày, cúng dường đều xong, vua đem ngựa yên dấm của mình đang cưỡi tự xứng khiến các trọng Thần trong nước cưỡi đó. Và các giạ đệm sắc trắng cùng các thứ

trâu báu, vật Sa-môn cần dùng mà cùng các Quân Thần phát nguyện cúng thí chúng Tăng. Cúng thí rồi lại theo chúng Tăng chuộc bỏ nơi đất. Ở đó núi lạnh chẳng sang mọc các thứ lúa thóc, chỉ có ăn dùng mỳ chín. Chúng Tăng mãi Hạ đã, sáng đó liền sương, nên vua nước đó mỗi lúc mời thỉnh chúng Tăng phải bảo làm mỳ chín, sau đó mới giải hạ. Trong nước đó có ống nhổ của Đức Phật được làm bằng Đá, sắc màu tựa như Bình bát của Đức Phật. Lại có một chiếc răng của Đức Phật, dân chúng trong nước tạo dựng Tháp để phụng thờ. Ở nước đó có hơn ngàn vị Tăng, đều học theo pháp Tiểu thừa. Từ núi đó đi xuống phái đông, dân chúng vẫn mặc thô sơ như ở đất Tần, cũng có khác ở điểm giặt bện vải thô. Các Sa-môn dùng pháp ưu thắng không thể ghi chép hết đây đủ. Nước đó ngay trong Thông lãnh. Từ Thông Lãnh trở về trước trái cây thật đều khác, chỉ có ba thứ cây Trúc, An Thạch lựu và Cam già là đồng như ở đất Hán vậy.

Từ phái tây đô thẳng đến bắc Thiên Trúc, mất một tháng trời đi qua Thông Lãnh. Trên đỉnh núi quanh năm đều có tuyết, lại có rông độc, nếu không để ý thì rông phun gió độc mưa tuyết bay cát sỏi đá. Gặp phải nạn đó thì muôn người chẳng còn được một. Mọi người xứ đó đều gọi là núi tuyết vậy. Đã qua khỏi Thông Lãnh, đến bắc Thiên Trúc, mới đầu vào nơi ranh giới, có một nước nhỏ tên là Đà Lịch, cũng có chúng Tăng đều học theo pháp Tiểu thừa. Tại nước đó xưa kia có một vị A-la-hán dùng sức Thần túc dẫn một người thợ lên cung trời Đâu-suất trông xem dáng mạo nahn sắc thân hình cao thấp thế nào của Bồ-tát Di-lặc rồi trở về dùng gỗ tạc tượng. Trước sau có đến ba lần lên xuống trông xem, sau đó mới hoàn thành Tôn tượng cao tám trượng mu chân rộng tám thước. Những ngày Trai Tôn tượng ấy thường có toả phóng ánh sáng, vua ở các nước đua nhau đến cúng dường, đến nay vẫn hiện còn ở đó.

Theo hướng tây nam đỉnh núi đi suốt mười lăm ngày, đường sá ở đó còn cheo leo hiểm trở cách ngăn. Núi đó chỉ có vách đá dựng đứng cao ngàn nhận, ai đến đó đều mờ loà mắt, muốn bước tới thì không chỗ đặt chân. Có một dòng sông tên là sông Tân Đầu. Xưa kia có người đục Đá làm đường thông, làm thêm cấp bên cạnh có đến bảy trăm cấp, qua khỏi thêm cấp rồi phải bước nhẹ trên dây treo hổng mà vượt qua sông, hai bên bờ sông cách nhau gần tám chục bộ. Theo sự ghi nhận của Cửu Dịch thì Trương mạch Cam Anh ở đất Hán đều không đến đó. Chư Tăng hỏi ngài rằng: “Phật Pháp truyền sang phương đông bắt đầu từ qua đó có phải chăng”. Ngài đáp: “Không hỏi người ở xứ đó, thì đều nói là các

bậc lão túc tương truyền từ khi dựng Tôn tượng Bồ-tát - Di-lặc, sau đó mới có các Sa-môn từ Thiên Trúc mang kinh Phật đi qua sông đó. Tôn tượng ấy được dựng lập sau Phật nhập Niết Bàn khoảng ba trăm năm. Tính ra từ khoảng trong đời vua Bình Vương (Cơ Nghi Cửu bảy trăm bảy mươi - bảy trăm mười chín trước Tây Lịch) thời Đông Chu ở Trung Hoa. Do đó mà nói thì Phật Pháp được hoàng tuyên lưu bố bắt đầu từ Tôn tượng ấy. Nếu chẳng phải là Đại Sĩ Di-lặc tiếp nối khuôn phép của đức Thích-ca Thế Tôn thì ai là người có khả năng khiến Tam bảo tuyên lưu hoàng thông cho người xứ biên địa được biết chánh Pháp ư?. Nên biết khai mở vận ngầm vốn chẳng phải việc của con người, thì giấc mộng của vua Minh Đế (Lưu Trang năm mươi bảy - bảy mươi sáu) thời Đông Hán thật có nguyên do rõ ràng vậy”.

Vượt qua sông đó thì đến nước Ô Trường. Nước Ô Trường ở chánh bắc Thiên Trúc đều sử dụng ngôn ngữ của Trung Thiên Trúc. Trung Thiên Trúc có nghĩa là chính giữa nước Thiên Trúc (bằng trung tâm xứ Ấn Độ). Người thế tục vận mặc ăn uống đều đồng như tại Trung Hoa, Phật Pháp rất hưng thịnh, gọi nơi chuáng Tăng ở là Tăng-già Lam. Ở đó có năm trăm ngôi Tăng-già Lam và chư Tăng đều học theo Pháp Tiểu thừa. Như có khách Tăng Tỳ-kheo đến thầy đều cúng dường trong ba ngày, qua sau ba ngày mới bảo hãy tìm sự an ổn. Có lời tương truyền rằng: Xưa kia Đức Phật đến bắc Thiên Trúc tức đến nước đó, Phật lưu lại một dấu chân tại đó, thấy hoặc dài hoặc ngắn hoặc lớn hoặc nhỏ đều do tâm niệm của mỗi người, đến nay vẫn hiện còn. Và tảng đá nơi Đức Phật hong phơi y, nơi Phật hóa độ rồng ác độc thầy đều hiện còn. Tảng đá đó cao một trượng bốn thước, rộng hai trượng, một bên bằng phẳng. Ba vị Sa-môn Tuệ Cảnh, Tuệ Đạt và Đạo Chính đi trước đến nước Na Kiệt; cảnh đất Phật. Còn ngài ..., dừng lại ở nước đó an cư.

Sau khi mãn Hạ, theo hướng nam, Ngài... xuống đến nước Túc - ha - Đa, Phật Pháp tại nước đó cũng hưng thịnh. Xưa kia có vị trời Đế Thích muốn thử Bồ-tát nên hóa làm chim ưng rượt đuổi bắt chim Bồ Câu, Bồ-tát vì lóc thịt cân lường để chuộc lấy chim Bồ Câu. Sau khi Đức Phật đã thành Đạo, Ngài dẫn các đệ tử du hành, đế đó, ngài bảo “Đó là nơi đời trước Tôi lóc thịt cân lường để chuộc mạng chim Bồ Câu”. Dân chúng trong nước từ đó mới biết, và dựng lập bảo Tháp dùng các thứ vàng bạc... trang nghiêm cúng dường.

Từ đó, theo hướng đông đi xuống qua năm ngày là đến nước Kiên Đa Vệ, là nơi trị vì của An Dục Vương tử Pháp Ích. Xưa kia lúc Đức Phật còn tu hạnh Bồ-tát cũng ở tại nước đó mà mọc mắt dâng tặng người. Tại

nơi đó cũng có xây dựng ngôi tháp lớn, trng nghiêm bằng các thứ vàng bạc. Mọi người ở nước đó phần nhiều học theo pháp Tiểu thừa. Từ đó cũng đi về hướng đông qua bảy ngày đường có một nước tên là Trúc - Sát - Thi - La, Trúc - Sát - Thi - La tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là Tiệt Đầu (bằng Cất Đầu). Khi Đức Phật còn tu hạnh Bồ-tát ở tại xứ đó đem Đầu ban thí cho người, do nhân duyên ấy mà đặt tên nước như vậy. Lại đi theo hướng đông qua hai ngày đường là đến nơi đời trước Đức Phật ném thân mình ném cho cọp đói. cả hai nơi đó cũng có xây dựng Tháp lớn và đều dùng các vật báu để trang nghiêm. vua tôi dân chúng ở nước đua nhau đến cúng dường, rải hoa đốt hương liên tục không ngừng dứt. Cũng như hai ngôi Tháp trước, dân chúng ở xứ đó đều xưng gọi là bốn ngôi Tháp lớn vậy.

Từ nước Kiền Đà Vệ, theo hướng nam đi qua bốn ngày đường là đến nước Phất Lâu Sa. Xưa kia Đức Phật cùng các Đệ Tử du hành đến nước đó, Đức Phật bảo ngài A-nan rằng: “Sau khi Tôi nhập Niết Bàn sẽ có một vị Quốc Vương tên là Kế - Nị - Già tạo dựng Bảo Tháp tại xứ này”. Về sau, vua Kế Nị Già ra đời lúc Vân du trông xem, trời Đế Thích muốn mở tâm ý vua nên hóa làm đứa trẻ nhỏ chằng Trâu ở giữa đường làm Tháp. Vua đi ngang đến, hỏi rằng: “Tốt lành thay!”. Từ đó vua liền ngay trên chỗ đứa trẻ làm Tháp mà tạo dựng ngôi Tháp cao hơn bốn mươi trượng dùng các vật báu để trang nghiêm. Trên bước đường trải qua trông thấy các Tháp miếu tráng lệ oai nghiêm không nơi nào sánh bằng Tháp ấy. Tương truyền rằng các Tháp trong Diêm Khù Đề chỉ có Tháp đó là cao lớn hơn hết. Khi vua tạo dựng ngôi Tháp ấy đã hoàn thành, liền tự bên cạnh xuất hiện ngôi Tháp ở phía nam cao ba thước.

Bình Bát của Đức Phật hiện tôn thờ tại nước đó. xưa kia vua nước Nguyệt Chi dẫn đầu binh lính đông đảo đến chiếm nước đó, muốn lấy bình Bát của Đức Phật. Đã dẹp yên nước đó rồi, vua nước Nguyệt Chi rất sùng tín Phật Pháp muốn nghinh thỉnh Bình Bát đi nên thiết lễ cúng dường lớn. Cúng dường Tam bảo xong mỗi trang sức một con voi lớn, tôn trí Bình Bát lên trên, con voi ấy liền quy nằm nơi đất, không thể đi được. vua lại làm bốn chiếc xe lớn để thỉnh chở Bình Bát, dùng tám con voi cùng kéo cũng không thể đi bước nào. vua biết duyên của vua nghinh thỉnh Bình Bát của Đức Phật chưa đến nên rất tự hổ thẹn buồn than, và liền tại nơi đó xây dựng ngôi Tháp và Tăng-già Lam, đồng thời để người ở lại gìn giữ, dùng các thứ cúng dường. Chư Tăng ở đó có hơn bảy trăm vị. Mỗi ngày sắp đến trưa chư Tăng thỉnh Bình Bát ra, các hàng cư sĩ dâng cúng mọi vật. Sau đó, mới dùng bữa trưa. Đến chiều tối,



lúc đốt hương cũng lại như vậy. Bình Bát ấy có thể dung chứa được hai đấu. Sắc màu xen tạo mà phần nhiều là màu đen, bốn phía rõ ràng, dày khoảng hai phân trong ngoài sáng đượm. Những người nghèo khổ dùng ít hoa rải vào trong liền đầy. Có một người rất giàu có muốn dùng nhiều hoa để cúng dường, dâng rải cả trăm ngàn vạn học mà trọn chẳng đầy.

Các Sa-môn Bảo Vân, Tăng Cảnh chỉ cúng dường nơi tôn thờ Bình Bát của Đức Phật rồi trở về. Các Sa-môn Tuệ Cảnh, Tuệ Đạt, Đạo Chính đi trước đến nước Na Việt cúng dường nơi tôn thờ Răng Đức Phật và Cốt đảnh Đức Phật. Sa-môn Tuệ Cảnh cảm mắc bệnh, nên Sa-môn Đạo Chính phải ở lại chăm sóc, chỉ một mình Sa-môn Tuệ Đạt trở về lại nước Phất Lâu Sa, cùng gặp mà các Sa-môn Tuệ Đạt, Bảo Vân, Tăng Cảnh bèn trở về đất tần (Trung Hoa). Còn Sa-môn Tuệ Cảnh thị tịch tại chùa tôn thờ Bình Bát của Đức Phật, nên chỉ một mình ngài (Pháp Hiển) đi đến chỗ tôn thờ Cốt đảnh của Đức Phật.

Theo hướng tây, từ đó đi khoảng mười sáu do điền là đến thành Toan La ranh giới của nước Na Kiệt. Trong thành có tinh xá tôn thờ Cốt đảnh đầu Đức Phật đều dùng vàng dát mỏng và bảy vật báu trang nghiêm. vua nước đó rất kính trọng Cốt đảnh đầu Đức Phật lo sợ có người gian cướp mất, mới chọn lấy tám người thuộc dòng họ sinh quý trong nước, mỗi người giữ một chiếc ấn, ấn phong gìn giữ. Mỗi mỗi sáng sớm mai cả tám người đồng đến, và mỗi tự xem nhìn ấn đó sau mới mở cửa. Mở cửa rồi, dùng nước hương thơm rửa tay, nghinh thỉnh Cốt đảnh đầu của Đức Phật ra tôn trí ở trên tòa cao ngoài tinh xá, dùng bảy vật báu chễm quanh phái dưới chễm, phái trên dùng chén lưu ly đầy lại đều dùng các thứ châu ngọc để trang sức. Cốt đảnh sắc màu vàng trắng, vuông tròn bốn tấc, phía trên dần phát lớn. Mỗi ngày sau khi nghinh thỉnh rồi, người thì lên trên lầu cao đánh trống lớn, thổi loa địch, bảng đồng. vua nghe xong thì đến nơi tinh xá dùng hương hoa cúng dường, cúng dường xong lần lược đội trên đỉnh đầu mà đi vào cửa phía đông ra cửa phía tây. Mỗi mỗi sáng sớm vua đều cúng dường để bái như thế, sau đó mới nghe tấu trình việc Quốc Chính. Các hàng cư sĩ Trưởng giả trước tiên mỗi ngày cũng cúng dường xong rồi mới lo liệu việc nhà. Mỗi mỗi ngày thấy đều như vậy trọn không biếng trễ. Cúng dường xong rồi mới nghinh thỉnh Cốt đảnh vào trong tinh xá.

Lại có Thập giải thoát bảy báu, hoặc đóng hoặc mở, cao năm trượng, dùng đựng đầy trong đô. Trước cửa tinh xá mỗi sớm mai thường có người bán hoa hương, phàm ai muốn cúng dường cứ đến đó mua các thứ. vua các nước khác cũng thường sai sứ đến cúng dường. tại nơi

ting xá vuông rộng bốn mươi bộ, tuy trời có chuyển động, đất có sụp đổ nhưng ở nơi đó vẫn không chuyển động. Từ đó theo hướng bắc đi khoảng một do diên là đến thành của nước Na Kiệt. Đó là nơi đời trước Bồ-tát dùng tiền bạc mua năm cành hoa sen cúng dường Đức Phật Định Quang. Trong thành cũng có Tháp tôn thờ rằng Đức Phật, pháp thức cúng dường cũng như nơi Tháp tôn thờ Cốt đảnh đầu của Đức Phật vậy.

Từ đó theo hướng đông bắc đi khoảng một do diên là đến một cửa hang, nơi có Tích tượng của Đức Phật, cũng xây tinh xá mà cúng dường. Tích tượng đó đúng bằng các vật nguừ đầu chiên đàn mà làm nên dài một trượng sáu. Tôn trí trong cây gỗ rỗng, giả sử có trăm ngàn người dất cũng không di chuyển. Vào trong hang đi theo hướng tây đến nơi có y Tăng-già Lê của Đức Phật, cũng xây tinh xá mà cúng dường. Tại nước đó những lúc nắng hạn, dân chúng cùng nhau đến nghinh thỉnh y ra lễ bái cúng dường, tự nhiên trời liền mưa lớn.

Từ thành Na Kiệt về hướng nam cách khoảng nửa do diên có Thạch thất núi lớn, tại đó theo hướng tây nam là đến nơi Đức Phật lưu lại Di ảnh. Trong đó đứng cách xa hơn mười bộ nhà trông nhìn tựa như hình thật của Đức Phật, sắc màu vàng ròng tương tốt chói sáng rực rỡ, càng đến gần càng phảng phất như có. Vua các nước khác sai bảo các thầy thợ họa vẽ tài giỏi phỏng theo đồ họa sang chảnh thể sánh kịp. dân chúng ở đó tương truyền rằng: “Ngàn Đức Phật đều lưu lại hình ảnh tại đó”. Cách đó khoảng trăm bộ, khi Đức Phật còn tại thế cạo tóc cắt móng tay, Đức Phật tự dùng các đệ tử đồng tạo dựng ngôi Tháp cao bảy - tám trượng, lấy làm Tháp pháp tương lai, đến nay vẫn hiện còn. Bên cạnh có ngôi chùa, trong chùa có hơn bảy trăm vị Tăng, tại xứ đó có đến số ngàn ngôi Tháp của các vị La Hán, Bích Chi Phật.

Dừng ở lại đó mất mùa đông ba tháng. Ngài... cả thầy ba người lại theo hướng nam vượt qua núi tuyết nhỏ. Quanh năm núi ấy đều có tuyết phủ, vào trong phía bắc núi gặp lúc gió lạnh bộc phát, mọi người đều cứng miệng. Sa-môn Tuệ Cảnh chẳng thể tiến bước được, trong miệng trào nước dãi mà nói cùng Ngài rằng: “Tôi không thể sống lại nổi, nên gấp rút mà đi, chớ cùng phải chực chết”. Và bèn thị tịch, Ngài vỗ về buồn khóc: “Ước muốn chưa thành tựa, mạng sống sao phải thế này !?”.

Rồi gắng dốc sức đi qua đảnh núi, theo hướng nam đến nước La Di, gần đó có ba ngàn vị Tăng tụ tập cả Pháp Tiểu thừa lẫn Đại Thừa. Dừng lại an cư kiết hạ, sau khi mãn Hạ, lại theo hướng nam đi suốt mười

ngày là đến nước Bạt Na. Ở đó cũng có khoảng ba ngàn vị Tăng đều học theo Pháp Tiểu thừa. Từ đó theo hướng đông, đi mất ba ngày lại vượt qua sông Tân Đầu, hai bên bờ đất đều bằng phẳng. Qua khỏi sông có một nước tên là Tỳ Trà. Tại đó Phật Pháp rất hưng thịnh, mọi người học cả Pháp Tiểu thừa lẫn Đại Thừa. Thấy Đạo nhân ở đất Tần đến mới xót thương nói rằng: “Cớ sao người ở biên địa có thể biết xuất gia làm Đạo, từ xa đến tìm cầu Phật Pháp?” Và đều cung cấp mọi thứ cần dùng, tiếp đãi đúng như pháp.

Từ đó theo hướng đông nam đi gần tám mươi do diên, trên đường ngang qua có lăm chùa chiền, chư Tăng có cả muôn vị. Qua xứ đó rồi đến một nước tên là Ma Đầu La. Lại vượt sông Bồ Na, hai bên bờ sông có hai mươi ngôi Tăng gia Lam, và có khoảng ba ngàn vị Tăng, Phật Pháp ở xứ đó lại càng hưng thịnh. Phàm các nước từ sông Cát trở về phía tây Thiên Trúc, các vị vua chúa đều rất sùng kính Phật Pháp cúng dường chúng Tăng. Đến lúc thì cõi bỏ mũ trời cùng các thân thuộc trong giòng tộc, tự tay làm các thức ăn, làm xong trải nệm giạ nơi đất, đối trước Thượng toạ mà ngồi trước chúng Tăng, chẳng dám ngồi trên sàng toạ. Xưa kia, khi Đức Phật còn tại thế, pháp thức cúng dường của các vua vẫn được tương truyền mãi đến ngày nay.

Từ đó trở về hướng nam gọi là trung tâm của đất nước. Tại trung tâm đất nước Ấn Độ, nắng mưa đều hòa, không có sương tuyết. dân chúng đông đúc, không lập hộ tịch quan pháp, chỉ có người cày đất vua mới nộp lợi tức của đất. Ai muốn đi thì đi, muốn ở thì ở. vua quan xử trị không dùng hình phạt chém chặt. Nếu người có tội thì chỉ phạt tiền tùy tội nặng nhẹ. Tuy có kẻ mưu mô lăm điều phản nghịch, chẳng qua cũng chỉ cắt tay phải mà thôi. Người hầu hai bên của vua đều có cung lộc. Dân chúng cả nước đều không giết hại, không uống rượu, không ăn dùng các thứ tanh nồng như hành họ, chỉ trừ hàng Chiên - Trà - La. Chiên - Trà - La nghĩa là người ác, sống cách biệt với mọi người. Nếu có vào trong thành thị thì phải đeo mang cây gỗ để tự làm khác, khiến mọi người biết đó mà lánh xa chẳng phải bị xung đột. Trong nước không nuôi dưỡng các vật heo gà, chẳng bầu vật sống. Chợ không quán thịt và người buôn bán rượu. Mua bán đổi chác toàn dùng bằng bối xỉ, chỉ có hàng Chiên - Trà - La và những người săn bắn chài lưới bán thịt vậy. Từ sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, các hàng vua chúa Trưởng giả, cư sĩ vì chúng Tăng mà lập dựng tinh xá, cung cấp ruộng vườn ... nhà dân, trâu bò, quyển sắt sách tập, các vua về sau tương truyền không dám phế bỏ, mãi đến nay vẫn không ngưng nghĩ.

Chúng Tăng tại nước đó đều ở phòng nhà, sàn giường chần gối y phục uống ăn không thiếu vật gì, nơi nơi như vậy. Chúng Tăng chỉ lo tạo công đức làm việc chính cho đến tưng kinh toạ thiền. Như có khách Tăng mới đến thì những vị Tăng cũ nghinh đưa tiếp đón, thay thế mang bưng y bát, cấp nước rửa chân, cấp dầu thoa chân và sữa uống phi thời, chốc lát nghỉ ngơi rồi hỏi han về hạ lạp, tùy theo thứ tự mà cấp phòng nhà ngoạ cụ, mỗi mỗi đều đúng như pháp. Chúng Tăng ở xứ đó tạo dựng Tháp các tôn giả Xá Lợi Phất, Mục-kiền-liên, A-nan và Tháp kinh luật A Tỳ Đàm. Sau khi an cư một tháng các nhà mang cầu phước khuyến hóa cúng dường. Chúng Tăng làm sữa uống phi thời, chúng Tăng thiết lập Đại hội giảng pháp. Giảng pháp rồi cúng dường Tháp tôn giả Xá Lợi Phất bằng các thứ hương hoa, đốt đèn suốt đêm, bảo kỹ nhạc đóng làm Xá Lợi Phất vốn là người Bà-la-môn lúc đến cầu xin Đức Phật mà xuất gia. Và các Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca Diếp cũng đều như vậy. Chúng Tỳ-kheo Ni phần nhiều cúng dường Tháp tôn giả A-nan, vì tôn giả A-nan là người cầu xin đức Thế Tôn cho hàng nữ nhân xuất gia. Còn hàng Sa Di thì phần nhiều cúng dường Tháp tôn giả La Vân (La Hầu La). Các luận sư A-tỳ-đàm thì phần nhiều cúng dường Tháp A-tỳ-đàm, các luật sư thì cúng dường luật. Mỗi năm có một lần cúng dường, mỗi tự có một ngày ấn định. Những vị học Pháp Đại Thừa thì cúng dường Bát Nhã Ba La Mật, các vị Bồ - Tát Văn-thù-sư-lợi, Quan Thế Âm ... Sau khi chúng Tăng tự tử xong, các hàng Trưởng giả, cư sĩ Bà-la-môn ... mỗi tự đem các thứ y vật mà Sa-môn cần dùng để cúng dường chúng Tăng. Chúng Tăng thọ phạm rồi mỗi mỗi cũng tự bố thí. Từ khi Đức Phật đã nhập Niết Bàn trở lại, mọi sở hành Thánh chúng luôn giữ oai nghiêm phép tắc tiếp thừa không dứt. Từ đó, qua sông Tân Đầu đến Nam Thiên Trúc suốt đến Nam Hải khoảng bốn - năm muôn dặm, biển bình lặng, không có núi sông lớn.

Từ đó theo hướng đông nam đi khoảng mười tám do diên có một nước tên là Tăng-già Thi, là nơi Đức Phật xưa kia lên cung trời Đao-lợi suốt ba tháng vì Thánh Mẫu mà giảng pháp trở xuống. Khi Đức Phật lên cung trời Đao-lợi dùng sức thần thông khiến các hàng Đệ Tử không một người nào biết. Sau bảy ngày, Đức Phật mới phóng ánh sáng thần túc. Tôn giả A Na Luật dùng Thiên nhãn xa trông thấy Đức Phật liền nói cùng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên rằng: “Tôn giả nên lên cung trời Đao-lợi để thăm hỏi đức Thế Tôn”. Tôn giả Mục-kiền-liên liền lên cung trời Đao-lợi, đem đầu mặt đánh lễ sát chân Đức Phật, cung kính thăm hỏi. Hỏi han xong, Đức Phật bảo tên hỉa Mục-kiền-liên rằng: “Bảy ngày

sau, Ta sẽ trở xuống lại cõi Diêm Phù Đề”. Tôn giả Mục-kiền-liên trở về trước. Bấy giờ, các vị Đại Vương ở tám nước cùng các thần dân trải qua nhiều ngày không trông thấy Đức Phật nên đều sinh Tâm Khát ngưỡng, cùng tụ hội tại nước đó để chờ đợi Thế Tôn. Khi ấy Tỳ-kheo Ni Ưu Bát La liền tự suy nghĩ rằng: “Ngày nay các hàng Quốc Vương thần dân đang chờ đợi đón Đức Phật, mà Ta là người nữ làm sao để thấy Đức Phật trước?” Và liền vận dụng sức thần tức hóa làm chuyển luân Thánh Vương đến đứng trước hết để đợi đánh lễ Đức Phật. Đức Phật từ trên cung trời Đao-lợi trở xuống. Lúc xuống, hóa làm ba đường thêm cấp bằng vật báu. Đức Phật đi tại đường giữa giẫm bước trên thêm cấp bằng bảy báu, Trời Phạm Thiên cũng hóa làm đường thêm cấp bằng bạc trắng tại phía hữu cầm nắm phát trần trắng mà đứng hầu. Trời Thiên Đế Thích cũng hóa làm đường thêm cấp bằng vàng tía tại phía tả cầm nắm lọng bảy báu mà đứng hầu, các trời đông vô số theo Phật cùng đi xuống. Đức Phật đã đi xuống, ba đường thêm cấp đều ẩn chìm xuống đất chỉ còn lại bảy thêm cấp hiện trên mặt đất. Về sau, vua A Dục muốn biết được ngần mé dưới chân thêm cấp, bảo người đào bới để trông xem. Đào bới xuống tận suối vàng mà ngần mé của thêm cấp vẫn chưa hết. Do đó vua càng sinh Tâm kính tin, liền ngay trên thêm cấp mà xây dựng tinh xá, tại đường thêm cấp giữa tạo tôn tượng Đức Phật đứng cao trượng sáu. Phía sau tinh xá dựng một trụ đá cao hai mươi khuỷu tay. Trên đầu Trụ đá làm hình sư tử. Bốn phía trong trụ có tôn tượng Phật, trong ngoài sáng suốt sạch tợ lưu ly. Có một Luận sư ngoại Đạo tranh giành trụ xứ đó với một vị Sa-môn. Khi ấy vị Sa-môn bị đuổi lý, bèn cùng nhau lập lời thề rằng: “Nếu nơi này là trụ xứ của Sa-môn thì ngay đây có sự linh nghiệm ứng hiện”. Nói lời ấy rồi, tượng đá Sư Tử trên đầu trụ liền rống lớn tiếng hiện điềm ứng nghiệm. Do đó luận sư ngoại Đạo kinh sợ, tâm phục mà rút lui. Đức Phật suốt ba tháng thọ nhận thức ăn cõi trời nên khắp thân mình toả mùi hương thơm khác hẳn thế gian. Sau khi Đức Phật tắm rửa, tại nơi Đức Phật tắm rửa mọi người liền xây nhà tắm, Nhà tắm vẫn hiện còn. Và nơi Tỳ-kheo Ni Ưu Bát La đánh lễ Đức Phật trước tiên, hiện nay cũng tạo dựng ngôi Tháp. Lúc Đức Phật còn tại thế có tạo Tháp cao tóc và cắt móng tay chân. Và nơi kinh hành, nơi ngồi thiền của ba Đức Phật thời quá khứ cũng với Đức Thế Tôn và nơi làm hình tượng chư Phật đều có tạo dựng Tháp, đến nay vẫn hiện còn, nơi trời Đế Thích và Phạm Thiên Vương theo Đức Phật đi xuống cũng có tạo dựng Tháp.

Tại xứ đó, Tăng Ni có khoảng ngàn vị đều đồng chúng thực, tập

học lẫn lộn vừa Đại Thừa vừa Tiểu thừa. Tại xứ đó có một con rồng lở tai trắng làm đàn Việt cho chúng Tăng ở đó, khiến trong nước mùa màng tươi tốt, mưa nắng đúng mùa, không các thứ tai hại, và khiến chúng Tăng được bình an. Chúng Tăng cảm ân huệ đó nên tạo nhà rồng đặt để nơi chỗ ngồi, lại vì rồng mà thiết hội tạo phước cúng dường. Mỗi ngày trong chúng Tăng đặt cử ra ba vị đến thọ trai trong nhà rồng. Mỗi năm đến lúc mãn Hạ xong, Rồng liền hóa mình làm con rắn nhỏ hai bên lở tai sắc trắng khiến chúng Tăng nhận biết đó, dùng chén Đồng đựng đầy vàng sữa đem đặt trong nhà rồng từ Thượng toạ cho đến Hạ toạ đều làm như vậy, khắp đủ rồi bèn biến hóa đi. Mỗi năm xuất hiện một lần. Đất nước đó rất sung túc, dân chúng hưng thịnh đông đúc, an lạc không đâu sánh bằng. Người ở các nước đến, đều được cung cấp mọi thứ cần dùng.

Phía bắc chùa đó cách khoảng năm mươi do diên lại có một ngôi chùa tên là Đại Phần. Đại Phần tức là tên của ác quỷ. Vốn do Đức Phật giáo hóa ác quỷ đó, nên người đời sau ở xứ đó tạo dựng tinh xá tại đó. và chỗ cúng dường nước cho vị A-la-hán rửa tay, nước rỏ giọt nơi đất, chỗ ấy vẫn hiện còn. Có các quỷ thần tu tạo việc thiện luôn quét tước, mới đâu không cần đến công sức của người. Có một vị Quốc Vương tin theo Tà Kiến bảo rằng: “Người có khả năng làm như thế, Ta sẽ dẫn binh lính đông nhiều đến đây vung vãi phần uế để xem thử người có khả năng dọn dẹp chẳng?”. Quỷ thần liền nổi gió lớn thổi hết khiến nơi đó thấy điều sạch sẽ thanh tịnh. Có hàng trăm ngôi Tháp nhỏ, có người trọn ngày tính đếm mà trọn không biết đúng số lượng. Nếu người có ý chí muốn thật sự biết bèn bên cạnh Tháp đặt để một người rồi lại lần lượt tính đếm, nhưng mỗi người tính đếm hoặc nhiều hoặc ít, trọn chẳng thể biết được. Có một ngôi Tăng-già Lam, chúng Tăng ở đó khoảng sáu bảy trăm vị. Trong đó có chỗ thọ thực của vị Bích Chi Phật thuần toàn đất bùn lớn như bánh xe, chung quanh các nơi cỏ đều sinh mọc tươi tốt chỉ riêng chỗ đó cỏ không sinh mọc. Và chỗ đất phơi y cũng không sinh mọc cỏ, các điều y dính nơi đất đến nay dấu vết vẫn hiện còn. Ngài (Pháp Hiển) ở lại an cư kiết hạ tại tinh xá có nhà Rồng lở tai trắng.

Sau khi mãn hạ, theo hướng đông nam đi bảy do diên là đến Thành kế Nhiêu Di, Thành đó tiếp liền với sông Hằng, có hai ngôi Tăng-già Lam đều học theo Pháp Tiểu thừa. Cách Thành về hướng tây khoảng sáu - bảy dặm ở bờ phía bắc sông Hằng là nơi Đức Phật vì các Đệ Tử giảng pháp. Tương truyền tại đó Đức Phật giảng các pháp Vô Thường, Khổ, Không, giảng về thân như bọt bóng... Tại đó có xây dựng Tháp

đến nay vẫn hiện còn. Vượt qua sông Hằng, theo hướng nam đi khoảng ba do diên là đến một thôn ấp tên là Ha Lê, nơi Đức Phật ở trong thôn đó giảng pháp kinh hành đều có tạo dựng Tháp. Từ đó theo hướng tây đi khoảng mười do diên là đến nước Sa Kỳ, ra Thành Sa Kỳ theo cửa hướng nam rồi đi về đường hướng đông vốn là nơi xưa kia Đức Phật nhắm cảnh dương xong cắm xuống nơi đất liền sinh lớn cao hơn bảy thước, không thêm không bớt, các hàng ngoại Đạo, Bà-la-môn sinh tâm ganh ghét hoặc chặt phá hoặc bẻ gãy đem vất bỏ nơi xa, nhưng tại đó vẫn sinh mọc lại như cũ. Trong đó cũng có bốn chỗ Đức Phật kinh hành tọa Thiền đều xây dựng Tháp và hiện còn. Từ đó hướng nam đi khoảng tám do diên là đến thành Xá Vệ nước Câu Tát La.

Dân chúng trong thành Xá Vệ hiếm ít rộng thoáng chỉ có khoảng hai trăm nhà, tức là thành do vua Ba Tư trị vì xưa kia. Nơi tinh xá cũ của Tỳ-kheo Ni Đại Ai Đạo, nơi vách giếng của Trưởng giả Tu Đạt, nơi Ương Quạt ma la đắc Đạo nhập Niết Bàn thiêu thân đều tại trong thành đó và người đời sau đều có dựng lập Tháp tại các nơi đó. Các hàng ngoại Đạo Bà-la-môn sinh tâm ganh ghét muốn huỷ hoại, trời liền nổi dậy sấm sét bão tố đùng đùng khiến không không thể phá hoại. Ra khỏi cửa phía nam của Thành cách khoảng một ngàn hai trăm bộ theo đường hướng tây là đến nơi Trưởng giả Tu Đạt dựng xây tinh xá. Cửa tinh xá mở về hướng đông, hai bên cửa đều có hai trụ đá. Trên đầu trụ đá bên Tả làm hình tượng bánh xe, trên đầu trụ đá bên Hữu làm hình con Trâu. Hai bên tinh xá đều có ao chảy nước trong sạch, cây rừng còn tươi tốt, các giống hoa thuần sắc vàng um tùm rất đáng ưa thích, tức nơi thường gọi là tinh xá Kỳ Hoàn vậy.

Khi Đức Phật lên cung trời Đao-lợi suốt chính mười ngày giảng pháp cho Thánh mẫu ma gia, vua Ba-tư-nặc nghĩ ngợi trông mong được nhìn thấy Phật, nên liền khắc chạm tôn tượng Đức Phật bằng gỗ ngũ đầu chiên đàn mà tôn trí tại chỗ Đức Phật thường ngồi. Khi Đức Phật từ cung trời Đao-lợi trở về tinh xá, tôn tượng ấy liền lánh khỏi tòa ra nghinh đón Đức Phật. Đức Phật bảo Tôn tượng: “Hãy trở lại chỗ ngồi. Sau khi Tôi nhập Niết Bàn có thể vì bốn bộ chúng mà làm pháp thức”. Tôn tượng ấy liền trở lại chỗ ngồi. Đó là Tôn tượng đầu tiên của mọi Tôn tượng Phật. Người đời sau đều theo pháp thức đó mà tu tạo Tôn tượng Phật. Từ đó, Đức Phật dời sang ở một tinh xá nhỏ bên cạnh phía nam cách khác nơi Tôn tượng đó khoảng chừng hai mươi bộ. Tinh xá Kỳ Hoàn vốn có bảy tầng, vua chúa dân chúng các nước đua nhau đến cúng dường, treo các thứ phan lọng rải hoa đốt nhóm hương đèn liên tục

sáng rực thường ngày không ngưng dứt. Thử Hàm đốt đuốc thiêu cháy các thứ hoa phan lọng cho đến tinh xá bảy tầng đều rụi hết, các hàng vua chúa dân chúng đều rất buồn đau khổ não cho rằng Tôn tượng chiên đàn ấy chắc đã bị đốt cháy, qua sau bốn - năm ngày, mở cửa nơi một tinh xá nhỏ ở phía đông, bỗng nhiên thấy Tôn tượng còn nguyên vẹn tại đó, mọi người đều rất vui mừng, cùng nhau sửa sinh tinh xá được hai tầng rồi nghinh thỉnh Tôn tượng về lại chỗ cũ.

Lúc mới đến tinh xá Kỳ Hoàn, Ngài cùng Sa-môn Đạo Chính nghĩ nhớ ngày xưa Đức Thế Tôn thường trú tại đó suốt hai mươi lăm năm, mà tự xót thương mình sinh ở chốn biên địa cùng các bạn đồng chí hướng du lịch các nước, mà hoặc có người trở về lại, hoặc có người vô thường mất mạng giữa đường, ngày nay đến được xứ Phật thì rỗng không, thật đáng thương tâm ! Chư Tăng ở đó ra hỏi ngài rằng: “Các vị là người ở nước nào đến đây?” Ngài đáp: “Vốn từ đất Hán (Trung Hoa) đến đây.” Chư Tăng đó ngợi khen rằng: “Kỳ đặc thay ! Người ở đất nước biên địa mà có thể đến đây cầu pháp !” Và tự cùng nói với nhau rằng: “Các Thầy Hòa thượng của chúng ta trải qua nhiều đời truyền thừa mãi đến nay chưa thấy có Đạo Nhân đất Hán đến đây cầu pháp như thế này !”

Cách tinh xá về hướng tây khoảng bốn dặm có một khu rừng tên là Đắc Nhân. Xưa kia vốn có năm trăm người mù nương tựa tinh xá mà sống tại đó. Đức Phật vì họ mà giảng pháp khiến mắt sáng trở lại. Họ rất vui mừng cắm gậy nơi đất gieo cả năm vốc đầu thành đảnh lễ Đức Phật, các cây gậy bèn lớn tươi tốt. Người đời kinh trọng đó nên không ai dám chặt phá, bèn thành rừng và nhân đó mà gọi tên là rừng Đắc Nhân vậy. Chúng Tăng ở tinh xá Kỳ Hoàn, mỗi ngày sau bữa cơm trưa, phần nhiều đều sang rừng đó để tọa Thiền. Cách tinh xá Kỳ Hoàn về phía đông bắc khoảng sáu - bảy dặm là nơi Tỳ - Xá - Khư - Mầu dựng lập tinh xá thỉnh Đức Phật và chúng Tăng đến ở, nơi đó vẫn hiện còn. Nơi viện lớn tinh xá Kỳ Hoàn mỗi mỗi đều có hai cửa, một cửa về hướng đông, một cửa về hướng bắc. Vườn đó tức là nơi Trưởng giả Tu Đạt trải tiền vàng để mua đất. tinh xá dựng ngay chính giữa. Đức Phật thường trú tại đó rất lâu. Các nơi giảng pháp độ người, kinh hành, tọa thiền, mỗi mỗi đều có tạo dựng Tháp và đều có đặt tên hiệu. Cho đến cả nơi Tôn Đà Lợi giết hại thân mình phỉ báng Đức Phật.

Ra cửa phía đông tinh xá Kỳ Hoàn, đi theo hướng bắc khoảng bảy mươi bộ về đường hướng tây là nơi xưa kia Đức Phật cùng chín mươi sáu hàng ngoại Đạo luận nghị. Các hàng Quốc Vương Đại thần cư sĩ dân chúng đều cùng nhau tập để nghe. Bấy giờ có một nữ ngoại Đạo



tên là Chiên - Già - Ma - Na khởi tâm ganh ghét Đức Phật mới ôm áo đặt trước bụng tựa như người mang thai đến trong chúng hội phỉ báng cho là Đức Phật làm điều phi pháp. Liền đó, trời Đế Thích hóa làm bốn con chuộc bạch cắn đứt dây eo, dây đứt nên áo độn bụng rơi vãi nơi đất, đất liền nứt nẻ và người nữ đó sa đoạ vào thẳm Đại ngục. Và nơi điều đạt độc hại lẫn đá làm tổn thương móng chân Đức Phật mà bị sa đoạ vào Địa ngục, người đời sau đều có làm dấu hiệu. Tại chỗ Đức Phật cùng luận nghị có xây dựng một tinh xá cao sáu trượng, bên trong tinh xá có Tôn tượng Đức Phật ngồi. Tại đường đó về phía đông có một ngôi chùa của ngoại Đạo thờ trời tên là Ảnh Phủ, đối xứng cặp đường với tinh xá nơi Đức Phật luận nghị, cũng cao bằng sáu trượng. Sở dĩ gọi tên Ảnh Phủ, bởi vì thường ngày lúc mặt trời ngã về hướng tây, ảnh bóng tinh xá đức Thế Tôn che phủ lên chùa ngoại Đạo thờ trời, nhưng lúc sáng sớm mặt nhật còn tại phía đông thì ảnh bóng của chùa ngoại Đạo thờ trời nghiêng về hướng bắc trọn không thể che phủ ánh sáng nơi tinh xá Phật Luận nghị vậy. Các ngoại Đạo thường cất dặt người giữ gìn chùa thờ trời đó, quét tước, trông đốt hương đèn cúng dường. Đến sáng sớm thì các hương đèn ấy dời sang trong tinh xá Phật. Các Bà-la-môn tức giận bảo là “Các Sa-môn lấy đèn của chúng ta tự đem về cúng dường Phật”. Sự việc cứ mãi như thế không thôi, do đó, ban đêm, các Bà-la-môn dò xét thấy Thần trời mà họ đang phụng thờ bưng đèn sang nhiều quanh tinh xá thờ Phật trong ba ngày và cúng dường. Cúng dường xong bỗng nhiên ẩn mất không còn trông thấy. Các Bà-la-môn mới biết Phật lớn hơn Thần, bèn bỏ nhà vào Đạo.

Tương truyền rằng, gần lúc có việc thiêu đốt tinh xá Kỳ Hoàn ấy, có đến chín mươi tám ngôi Tăng-già Lam và mỗi mỗi đều có chư Tăng thường trú. Chỉ có một ngôi không có. tại trong nước đó có chín mươi sáu thứ ngoại đạo đều biết được việc đời nay và đời sau, đồng thời đều có đồ chúng, cũng điều đi khắc thực, chỉ không trì Bình, cũng lại cầu phước, dựng lại nhà phước đức bên cạnh đường đi đồng trống. Cung cấp mọi thứ phòng nhà giường chõng các thứ ăn uống cho người đi đường người xuất gia, hành khách qua lại. Chỉ có sự mong cầu là khác vậy. Điều Đạt cũng có Đồ chúng, cũng thường cúng dường ba Đức Phật thời quá khứ, chỉ không cúng dường đức Thích-ca Thế Tôn.

Cách Thành Xá Vệ khoảng bốn dặm về hướng đông nam là nơi vua Tỳ Lưu Ly muốn đánh chiếm nước Xá Di, nơi Đức Thế Tôn đứng bên cạnh đường, đều có dựng lập Tháp. Từ Thành theo hướng tây đi khoảng năm mươi dặm là đến một ấp tên là Đô Duy là nơi bản sinh của

Đức-Phật Ca Diếp, nơi cha con cùng gặp nhau, nơi nhập Niết Bàn, đều có tạo dựng Tháp. Nơi xá lợi toàn thân Đức Ca Diếp Như Lai cũng tạo dựng ngôi Tháp lớn. Từ Thành Xá Vệ theo hướng đông nam đi khoảng mười hai do diên đến một ấp tên là Na Tỳ Giả là nơi bản sinh của Đức Phật Câu Lưu Tần. Nơi cha con cùng gặp nhau, nơi nhập Niết Bàn, cũng đều có tạo dựng Tháp. Từ đó theo hướng bắc đi gần một do diên là nơi bản sinh của Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, nơi cha con cùng gặp nhau, nơi nhập Niết Bàn, đều có tạo dựng Tháp. Từ đó theo hướng tây đi gần một do diên là đến Thành Ca Di La Vệ. Trong Thành đều không còn có vua dân, toàn là gò hoang, chỉ có chúng Tăng. Hộ dân chỉ vài mươi nhà mà thôi. Nơi cung cũ của vua Bạch Tịnh, tạo hình Thái Tử và Thánh Mẫu, và lúc Thái Tử cưỡi bạch tượng vào thai mẹ, Thái Tử ra cửa Thành phía đông thấy người bệnh... các nơi đều có dựng lập Tháp. Nơi A Di cùng Thái Tử và Nam Đà... đánh voi bắn tên, mũi tên bay về hướng đông nam cách ba mươi dặm găm cắm xuống đất khiến nước suối tuông vọt. Người đời sau sửa làm thành giếng để người đi đường dùng uống. Nơi Đức Phật sau khi đã đắc Đạo trở về thăm phụ Vương, năm trăm vị trong giòng học Thích xuất gia đến nơi Ưu Ba Ly để tác lễ, mà đất dấy khởi sáu cách chấn động. Nơi Đức Phật vì chư Thiên giảng pháp, bốn vị Thiên Vương gìn giữ bốn cửa khiến phụ Vương không được vào. Nơi Đức Phật ngồi dưới gốc cây Ni Câu Luật xoay mặt về hướng đông, Tỳ-kheo Ni Đại Ai Đạo dâng cúng Phật y Tăng-già Lê, cây ấy đến nay vẫn hiện còn. Nơi vua Tỳ Lưu Ly giết hại giòng họ Thích, mọi người trong giòng họ Thích đã chết chững đắc quả Tu Đà Hoàn đều có dựng lập Tháp, đến nay vẫn hiện còn. Cách Thành về hướng đông bắc khoảng vài dặm là nơi vua Tịnh Phạm dự lễ Hạ điền, Thái Tử ngồi dưới gốc cây trông xem người cày ruộng. Cách Thành về hướng đông khoảng năm mươi dặm có một khu vườn của vua, vườn ấy tên là Luận Dân, khi Phu Nhân (Thánh Mẫu Ma Gia) vào ao tắm rửa, ra bờ ao phía bắc cách khoảng mười bước đưa tay vịn cành cây xoay mặt về hướng đông thì sinh hạ Thái Tử. Thái Tử vừa lọt lòng mẹ bước đi bảy bước, có hai Long Vương tắm gội cho Thái Tử. Nơi Thái Tử được tắm gội bèn làm thành giếng, và trên bờ ao nơi tắm rửa, ngày nay chúng Tăng thường lấy nước đó để uống.

Phàm, chư Phật có bốn xứ thường cố định: một là nơi thành Đạo, hai là nơi chuyển pháp luân, ba là nơi giảng pháp luận nghị, hàng phụ ngoại Đạo và bốn là nơi lên cung trời Đạo lợi vì Thánh Mẫu mà giảng pháp xong rồi trở xuống, ngoài ra các nơi đều tùy thời mà thị hiện. Tại

nước Ca Di La Vệ vô cùng hoang vắng, dân chúng ít ỏi, đường đi ghê sợ, đến nỗi các loài Bạch Tượng, Sư Tử cũng không dám vọng hành. Từ nơi Đức Phật đản sinh theo hướng đông đi khoảng năm do diên có một nước tên là Lam Mạc, vua nước đó thỉnh được một phần Xá lợi của Phật đem về tạo dựng Tháp để cúng dường gọi là Tháp Lam Mạc. Bên cạnh Tháp có một ao hồ, trong ao có một con rồng thường gìn giữ Tháp đó, đêm ngày cúng dường. Đến thời vua A Dục muốn phá tám ngôi Tháp để xây dựng tám mươi bốn ngàn ngôi Tháp, phá được bảy ngôi Tháp kia rồi, tiếp đến muốn phá Tháp ấy, Rồng bèn hiện thân dẫn vua A Dục vào trong cung trông xem các thứ cúng dường xong rồi nói cùng vua A Dục rằng: “Nếu ông cúng dường hơn được như thế thì có thể tự tiện phá Tháp thỉnh Xá lợi đi, Tôi không cần phải tranh luận với ông.” vua A Dục biết các thứ cúng dường đó trong thế gian không sao có được, do đó bèn trở về. Trong đó hoang vắng không người quét tước, thường có một đàn voi dùng vòi hút nước đến phun rước nơi đất, dùng các thứ hương hoa lẫn lộn mà cúng dường Tháp. Có Đạo nhân ở nước khác đến muốn lễ bái Tháp đó, gặp voi nên khiếp sợ, bèn nương tựa cây cối mà tự ngăn che thân mình, trông thấy voi đứng như pháp mà cúng dường, Đạo nhân ấy rất tự buồn cảm. Trong đó không có Tăng-già lam nên cúng dường Tháp ấy, mới khiến voi quét tước. Đạo nhân ấy bèn tự Xả Đại giới, trở lại làm vị Sa Di tự kéo cây cỏ sửa sang nơi chốn bằng phẳng khiến được sạch sẽ khuyên hóa vua chúa tạo dựng nơi thường trú của chư Tăng, và chính mình tự làm chủ chùa, đến nay hiện có chỗ chư Tăng nương trú. Việc ấy rất gần, và mãi từ đó đến nay thường là vị Sa Di làm chủ chùa ấy.

Từ đó theo hướng đông đi khoảng ba do diên là đến nơi Thái Tử sai bảo Xa nặc đem ngựa trắng (kiền trặc) trở về, cũng có tạo dựng Tháp. Từ đó theo hướng đông đi khoảng bốn do diên là đến nơi Tháp Than cũng có ngôi Tăng-già Lam. Lại theo hướng đông đi khoảng mười hai do diên là đến Thành Câu Di Ni Kiệt, phía bắc Thành là sông Thọ gian bên cạnh sông Hy liên Thuyền, Đức Thế Tôn đến đó gối đầu về hướng bắc mà nhập Niết Bàn, và cũng là nơi Tôn giả Tu Bạt Đà La đắc đạo người Đệ tử cuối cùng trong cuộc đời giáo hóa của Đức Phật. Nơi dùng kim quan cúng dường Đức Thế Tôn bảy ngày, nơi các thần kim cang lực sĩ phóng chày vàng rồng, nơi tám vua phân chia Xá lợi. Các nơi ấy đều có tạo dựng Tháp và có Tăng gia Lam đến nay vẫn hiện còn. Dân chúng trong Thành đó cũng thưa thớt, chỉ có hộ dân chúng Tăng. Từ đó theo hướng đông nam đi khoảng mười hai do diên là đến nơi Lê

Xa muốc thúc giục Đức Phật nhập Niết Bàn, mà Đức Phật chưa hứa khả, bèn luyến mộ Đức Phật mà chẳng chịu đi, Đức Phật bèn hóa làm một hầm hố sâu rộng không thể vượt qua, và Đức Phật trao cho Bình Bát để làm tin, đồng thời bảo trở về nơi nhà dựng lập trụ đá, trên đầu trụ có đề bài minh.

Từ đó theo hướng đông đi khoảng mười do diên là đến nước Tỳ Xá Ly. Phía Thành Tỳ Xá Ly là rừng Đại Lâm nơi có tinh xá Trùng Các. Nơi Phật ở và Tháp nữa thân hình của Tôn giả A-nan. Trong Thành đó vốn là nhà của yêm Bà La Nữ vì Đức Phật mà tạo dựng Tháp, đến nay vẫn hiện còn. Từ Thành đó theo hướng nam khoảng ba dặm đi đường đến hướng tây là nơi yêm Bà La Nữ đem vườn đất cúng thí Đức Phật làm nơi Phật ở. Khi Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, dẫn cùng các Đệ Tử đi ra cửa phía tây của Thành Tỳ Xá Ly mà bảo cùng các Đệ Tử rằng: “Đây là nơi hành xứ cuối cùng của Tôi !” Người đời sau ở xứ đó cũng tạo dựng ngôi Tháp.

Từ Thành đó theo hướng tây bắc đi khoảng ba dặm có một ngôi Tháp tên là Phóng Cung Trượng (buông bỏ cung tên và roi gậy). Sở dĩ có tên gọi ấy là vì ở thượng lưu sông Hằng có một Quốc Vương, phu nhân nhỏ của vua sinh nở một bào thai khối thịt, phu nhân lớn ganh ghét đó mà bảo rằng: “Người sinh ra điềm không tốt lành.” và bèn để vào trong hộp gỗ, ném vất giữa dòng sông Hằng. Ở Hạ lưu có vị Quốc Vương đang dạo chơi, thấy hộp gỗ trên dòng sông bèn vớt mở ra trông xem thấy ngàn đứa trẻ con đáng vẻ đoan chánh đặc thù. Vua liền đem về nuôi dưỡng, bèn liền to lớn trưởng thành rất dũng kiện, đi đánh chiếm không xứ nào chẳng khiếp phục, lần lược đến đánh nước của phụ Vương. vua rất buồn rầu, phu nhân nhỏ mới hỏi vua rằng: “Cớ sao buồn bả vậy?” vua đáp: “vua nước kia có ngàn người kia rất lớn mạnh không ai sánh bằng muốn đến đánh nước Ta, vì vậy mà đang lo buồn.” Phu nhân nhỏ bảo rằng: “vua chớ nên buồn lo, nếu đến phái đông Thành lầu cao, khi giặc đến để Tôi lên trên lầu đó, thì Tôi có thể dẹp giặc đó.” vua bèn y theo lời ấy mà thực hành. Đến lúc giặc đến, phu nhân nhỏ đứng trên lầu đó bảo cùng giặc rằng: “Các người là con của Ta, cớ sao làm việc phản nghịch?” Giặc nói: “Người là người nào? mà dám nói là mẹ của chúng Tôi?” Phu nhân nhỏ bảo: “Nếu các người không tin thì cứ ngửa mặt về đây và há miệng ra.” Đồng thời phu nhân nhỏ đưa hai tay dặt lấy hai vú sữa, mỗi bên làm thành năm trăm dòng sữa và đều rơi thẳng vào trong miệng của ngàn đứa con. Giặc mới biết đó là thật là mẹ của mình, bèn liền buông bỏ cung tên gậy trượng. Hai bậc phụ

Vương do đó mà Tư duy bền đều chứng đắc Quả Bích Chi Phật. Tháp của hai vị Bích Chi Phật ấy đến nay vẫn hiện còn. Sau khi Đức Thế Tôn thành Đạo bảo cùng các Đệ Tử: “Đó là nơi xưa kia Ta buông bỏ cung tên gây trượng.” Người đời sau được biết ở xứ đó mà vì tạo dựng Tháp, nên gọi tên như vậy. Đức Phật đến bên cạnh Tháp phóng cung trượng, bảo cùng A-nan rằng: “Ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết Bàn.” Khi đó bị ma vương quấy nhiễu nên Tôn giả A-nan không hay biết để thỉnh cầu Đức Phật ở lại nơi đời.

Từ đó, theo hướng đông, đi khoảng ba - bốn dặm có một ngôi Tháp, sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn khoảng một trăm năm, có vị Tỳ-kheo ở Tỳ Xá Ly đặt bày hành giới luật, nói mười sự chứng và cho Phật dạy như thế. Khi ấy các vị A-la-hán và những Tỳ-kheo chuyên hành trì luật có đến bảy trăm vị đồng kiểm xét lại luật tạng. Người đời sau ở xứ đó cũng xây dựng Tháp đến nay vẫn hiện còn. Từ đó theo hướng đông đi khoảng bốn do điền là đến nơi nhóm hợp của năm dòng sông xứ Ấn Độ. Tôn giả A-nan từ nước Ma Kiệt đến Tỳ Xá Ly muốn nhập Niết Bàn, chư Thiên mách bảo cùng vua A Xà Thế. vua A Xà Thế liền từ trong nghiêm xa giá dẫn các dân dĩ đến nghinh đón trên bờ sông. Bên kia, các Lê Xa nghe Tôn giả A-nan đến cũng cùng lại trên bờ sông để nghinh đón. Tôn giả A-nan bền tư duy rằng: “Nếu đi đến phía trước thì vua A Xà Thế rất hận, cò đi lui thì Lê Xa lại oán!” Bền ngay giữa dòng sông, Tôn giả nhập Hoả quang Tam muội tự thiêu đốt thân mình mà nhập Niết Bàn. Phân thân thành hai phần, mỗi phần mỗi bên bờ sông, do đó hai vua mỗi tự một nửa thân phần Xá lợi của Tôn giả A-nan, bền nghinh thỉnh trở về xây Tháp để cúng dường.

Vượt qua dòng sông, theo hướng nam đi xuống là đến ấp Ba Liên Phát thuộc nước Ma Kiệt Đề. Ấp Ba Liên Phát là Thành nơi vua A Xà Thế trị vì. Cung điện của vua ở trong Thành đều sai sử quỷ thần làm nhiều lớp đá dựng tạo tường vách cửa nẻo, khắc chạm hoa văn đường nét khác hẳn người đời làm nên, đến nay vẫn hiện còn. vua A Xà Thế có người con đã chứng đắc Đạo quả A-la-hán thường ở trong núi Kỳ Xà Quật, ưa thích sự tĩnh lặng, vua sinh tâm kính trọng muốn thỉnh mời về nhà để cúng dường, nhưng vì ưa thích sự tĩnh lặng ở núi nên chẳng nhận lời thỉnh mời. vua nói cùng Em rằng: “Chỉ cần nhận lời thỉnh mời thì Tôi sẽ vì Ông mà tạo núi ở trong Thành.” Và vua liền sắm sinh đủ các thứ ăn uống mời gọi các quỷ thần bảo rằng: “Sáng mai hẳn đã nhận sự thỉnh mời của Ta, nhưng ở đây toàn không có tòa tịch, mỗi mỗi đều phải tự mang đến.” Tối sáng sớm, các quỷ thần mỗi tự mang đến một

tảng đá lớn vuông bốn - năm bộ, ngôi xong liền sai quở thần chất nhiều đá lớn làm thành núi. Ở dưới đáy núi dùng năm tảng đá lớn làm một thạch thất dài ba trượng, rộng hai trượng, cao một trượng. Có một Bà-la-môn Tử tu theo Pháp Đại Thừa ở trong Thành đó, là người thông minh sáng tỏ lắm trí, không việc gì chẳng thông đạt, lấy sự thanh tịnh mà tự sống, vua rất sùng kính phụng thờ như bậc thầy, như có sang thăm hỏi trọn chẳng dám cùng ngồi. Giả sử vua có dùng tâm mến kính mà nắm tay, nắm tay rồi, Bà-la-môn tử ấy liền tẩy rửa, tuổi khoảng ngoài năm mươi mà cả nước nhà đều cùng chiêm ngưỡng, nhờ một người ấy hoằng dương Phật pháp mà các ngoại Đạo chẳng dám lấn lướt chúng Tăng. Ở bên cạnh Tháp vua A Dục tạo dựng một ngôi Tăng-già Lam rất trang nghiêm tráng lệ, cũng có chùa Tiểu thừa, hợp cả thầy có khoảng sáu bảy trăm vị Tăng, oai nghi tướng tự rất khả quan. Các bậc Sa-môn cao đức và những người học hỏi muốn tìm cầu nghiên lý, đều đến chùa đó. Thầy của Bà-la-môn Tử cũng tên là Văn Thù Sa Lợi. Các bậc Sa-môn Đại Đức, các vị Tỳ-kheo học Pháp Đại Thừa đều tôn sùng kính ngưỡng, cũng cùng ở trong Tăng gia Lam ấy. Dân chúng đông đúc hưng thịnh đua nhau làm mọi việc nhân nghĩa.

Thường năm vào mồng tám tháng hai tác lễ hành tượng, làm xe bốn bánh, buộc tre làm năm tầng, có nhân nhỏ vọt cao hơn hai trượng, hình trạng như Tháp, dùng bông tơ trắng buộc ở trên, sau đó mới họa vẽ làm tượng trời, dùng các thứ vàng bạc lưu li trang sức ở trên, treo các phan lọng ở bốn phía làm khảm, đều có tôn tượng Đức Phật ngồi, Bồ-tát đứng hầu. Có đến hai mươi xe, mỗi mỗi xe trang nghiêm mỗi khác. Đến ngày đó, các hàng Đạo tục khắp trong địa vực đều nhóm tập làm xướng kỳ nhạc, cúng dường trưng hoa. Bà-la-môn Tử đến nghinh thỉnh Phật, Tôn tượng Phật lần lượt vào Thành. Đã vào trong Thành trải qua vài ba đêm, suốt đêm đốt đèn xướng tác kỳ nhạc cúng dường, mỗi mỗi nước đều như vậy. Các hàng Trưởng giả cư sĩ trong nước đó đều đến trong Thành tạo dựng nhà thuốc thang phước đức, tất cả những người bệnh nghèo khổ cô quạnh không nơi nương tựa đều đến chữa trị tại Bệnh Xá đó, thầy thuốc khám bệnh, cung cấp mọi thứ tùy nghi uống ăn khiến đều được an lạc. Sau khi lành bệnh thì tự đi.

Lúc vua A Dục phá bảy ngôi Tháp để tạo dựng tám mươi bốn ngàn ngôi Tháp, ngôi Tháp lớn tạo dựng đầu tiên là cách Thành đó hơn ba dặm về phía nam. Trước Tháp đó có dấu vết xây dựng tinh xá Phật, cửa xoay về hướng Tháp. Ở phía nam của Tháp có một trụ đá chu vi khoảng trượng bốn - năm, cao hơn ba trượng. Trên đầu trụ Đá có đề

bài minh là: “vua A Dục đem cõi Diêm Phù về cúng thí chư Tăng mười phương, sau lại dùng tiền để chuộc.” Ba lớp ghi viết như thế. Cách Tháp khoảng ba bốn trăm bộ về phía bắc là nơi vua A Dục làm Thành Địa Ngục. Trong Thành Địa Ngục có một trụ Đá cao hơn ba trượng, trên đầu trụ có làm hình con sư tử. Và trên trụ cũng có bài minh ghi về nguyên nhân tạo dựng Tháp Địa Ngục, cũng như năm tháng ngày giờ.

Từ đó theo hướng đông nam, đi khoảng chín do diên là đến núi Nhất Tâm Cô Thạch. Trên đầu núi có Thạch Thất. Ở phía nam Thạch Thất xưa kia Đức Phật an tọa trong đó, là nơi trời Đế Thích đem các thứ nhạc trời như Ban già đàn cầm đến cúng dường. Trời Đế Thích nêu hỏi bốn mươi hai sự việc cùng Đức Phật, mỗi mỗi đều dùng ngón tay họa vẽ lên Đá, dấu vết họa vẽ vẫn còn như cũ. Trong đó cũng có ngôi Tăng-già Lam. Từ đó, theo hướng đông nam đi một do diên là đến tụ lạc Na La là thôn xóm quê cũ của Tôn giả Xá Lợi Phất. Tôn giả Xá Lợi Phất trở lại trong thôn xóm đó mà nhập Niết Bàn, mọi người xứ đó cũng có tạo dựng ngôi Tháp, đến nay vẫn hiện còn. Từ đó, theo hướng tây đi khoảng một do diên là đến Thành Vương Xá mới. Thánh mới đó là do vua A Xá Thế tạo dựng nên, trong đó có hai ngôi Tăng-già Lam. Ra khỏi cửa Thành phía tây khoảng ba trăm bộ là nơi A Xà Thế chia được một phần Xá lợi của Đức Phật mà tạo dựng Bảo Tháp để cúng dường. Tháp đó rất cao lớn nghiêm lệ. Ra khỏi cửa Thành hướng nam cách chừng bốn dặm, theo hướng nam vào hang, đến trong núi gồm năm ngọn. Năm ngọn núi ấy chu vi tướng trạng như Thành quách, tức là Thành xưa cũ của vua Tần Bà Sa. Hai phía đông tây của Thành rộng khoảng năm sáu dặm hai phía nam bắc của Thành dài khoảng bảy tám dặm. Là nơi Tôn giả Xá Lợi Phất và Mục-kiền-liên đầu tiên thấy Ất Bính, là nơi Ni Kiền tử làm hầm lửa cơm độc mà thỉnh mời Đức Phật thọ nhận, nơi vua A Xà Thế cho voi dữ uống rượu muốn hại Đức Phật.

Ở góc cong thuộc phía đông bắc của Thành xưa kia là trong vườn của Yêm Bà La xây dựng tinh xá để thỉnh mời Đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo để cúng dường, nay vẫn còn như cũ. Trong Thành đó hoang vu không có người ở. Vào hang men theo núi đi lên hướng đông nam khoảng mười lăm dặm là đến núi Kỳ Xà Quật. Chưa đến đầu núi khoảng ba dặm có một hang đá xoay mặt về hướng nam là nơi xưa kia Đức Phật thường tọa thiền, theo hướng tây bắc cách chừng ba mươi bộ lại có một hang đá là nơi Tôn giả A-nan thường tọa Thiền trong đó, Ma Ba Tuần hóa làm chim Điều Thứu đến đứng trước cửa hang khùng bố A-nan, Đức Phật dùng sức Thần túc cách vách đá

đuổi tay xoa chạm vai A-nan, sự khiếp sợ trong người A-nan liền ngưng dứt. Dấu vết nơi chim đậu và lỗ Đức Phật đuổi tay đến nay vẫn hiện còn. Nên gọi là hang núi Điều Thứu. Trước hang có bốn chỗ Đức Phật ngồi, lại cũng có chỗ của các vị A-la-hán mỗi mỗi thường toạ Thiền đến số trăm. Lúc Đức Phật kinh hành ở hai hướng đông tây trước Thạch Thất, Điều Đạt ở nơi hiểm hóc tại phía bắc núi xô đẩy lăn đá làm tổn thương ngón chân Đức Phật, tại nơi đó Tảng Đá vẫn hiện còn. Giảng đường nơi Đức Phật thường nói pháp đã hư nát chỉ còn lại nền móng vách tường gạch. Trên đỉnh núi đó xinh đẹp oai hùng là nơi cao nhất trong năm ngọn núi.

Ngài (Pháp Hiển) mua sắm các thứ hương hoa dầu đèn trong Thành mới rồi thỉnh nhờ hai vị Tỳ-kheo Kỳ cựu ở đó đưa dẫn đến núi Kỳ Xà Quật, dâng cúng hương hoa, chong đèn sáng rực rỡ liên tục, Ngài tự búi ngùi rỏ lệ mà nói rằng: “Xưa kia Đức Phật ở đây giảng nói kinh Thủ Lăng Nghiêm. Pháp Hiển con đây sinh đời không được gặp Phật, chỉ được tấy nơi di tích mà thôi !” Và liền ở trước hang đá, ngài trì tụng kinh Thủ Lăng Nghiêm. Dừng ở lại đó một đêm rồi trở về Thành mới. Ra phía bắc Thành cũ đi hơn ba trăm bộ đường về phía tây là nơi tinh xá Trúc Viên Ca Lan Đà, nay vẫn hiện còn. Có chúng Tăng quét tước tinh xá. Theo hướng đi khoảng ba bốn dặm là đến nơi có Thi - Ma - Sa - Na, Thi - Ma - Sa - Na Trung Hoa dịch nghĩa là Đồng ruộng mộ chôn bỏ người chết. Men theo hướng tây nam của núi đi khoảng ba trăm bộ có một Thạch Thất tên là Tân Bà La Quật, là nơi sau khi thọ trai Đức Phật thường toạ Thiền tại đó.

Lại đi theo hướng tây cách năm sáu dặm vào trong phía bắc của núi có một Thạch Thất tên là Xa Đế, là nơi năm trăm vị A-la-hán kết tập kinh điển sau khi Đức Phật vừa mới nhập Niết Bàn. Lúc kết tập Kinh Tạng, thiết bày ba tòa cao rất trang nghiêm, Tôn giả Xá Lợi Phất ngồi phía tả, Tôn giả Mục-kiền-liên ngồi phía hữu (1) [ Hai Tôn giả Xá Lợi Phất và Mục-kiền-liên đều tịch trước Đức Phật ]. Trong số năm trăm vị thiếu một vị A-la-hán, Tôn giả Đại Ca Diếp làm Thượng Toạ, khi ấy Tôn giả A-nan ở ngoài cửa thất không được vào. Tạo nơi đó cũng có tạo dựng ngôi Tháp đến nay vẫn hiện còn. Men theo núi cũng có những hang đá nơi các vị A-la-hán toạ Thiền rất nhiều. Ra khỏi phía đông bắc Thành cũ đi khoảng ba dặm, có hang Đá của Điều Đạt, cách đó năm mươi bộ có một tảng đá sắc đen vuông lớn, là nơi xưa kia có vị Tỳ-kheo kinh hành trên đó tư duy tự thân là Vô Thường, Khổ, Không, thành đạt pháp Quán Bất tịnh nên nhàm chán tự thân, liền nắm dao muốn tự giết



hại, lại suy nghĩ Đức Thế Tôn chế giới cấm không được tự giết hại, đồng thời quán xét tuy vậy nhưng ngày nay Ta chỉ muốn giết giặc ba độc, nên bèn tự giết thân mình, lác dao vừa mới lóc vào thịt liền chứng quả Tu Đà Hoàn, khi lác dao vào một nữa thì chứng quả A Na hàm, và khi cắt đứt nạng thịt thì chứng quả A-la-hán và bèn nhập Niết Bàn.

Từ đó đi theo hướng tây cách khoảng bốn do diên là đến Thành già Na. Trong Thành đó cũng hoang vắng trống không. Lại đi theo hướng nam khoảng hai mươi dặm là đến nơi xưa kia Bồ-tát suốt sáu năm tu hành khổ hạnh, nơi đó có rừng cây. Từ đó theo hướng tây đi khoảng ba dặm là đến nơi dòng nước Đức Phật xưa kia vào tắm rửa, trời hóa đặt cành cây, Đức Phật men theo đó mà ra được khỏi dòng sông. Lại theo hướng bắc đi khoảng hai dặm là đến nhà người nữ dâng cúng sữa và cháo như lên Đức Phật. Lại theo hướng bắc đi khoảng hai dặm là đến nơi Đức Phật ngồi trên Tầng Đá dưới gốc cây Đại Thọ xoay mặt về hướng đông mà ăn cháo. Cây và tảng đá đó đến nay vẫn hiện còn. Tại trung tâm Ấn Độ mưa nắng rất điều hòa nên cây cối sống đến cả ngàn năm. Có cây sống đến cả vạn năm. Từ đó theo hướng đông bắc đi khoảng nửa do diên là đến một hang đá, nơi xưa kia Bồ-tát vào trong đó xoay mặt về hướng tây ngồi kiết già mà tự tâm niệm rằng: “Như Ta được thành Đạo thì phải có Thần ứng linh nghiệm.” Liền đó trên vách đá có ảnh Phật hiện cao lớn ba thước, đến nay vẫn còn sáng rõ. Bấy giờ trời đất chấn động, các vị trời ở giữa không trung bạch cùng Bồ-tát rằng: “Đây không phải là nơi ở quá khứ ở tương lai chứng đắc Đạo Quả. Từ đây theo hướng tây nam đi khoảng gần nửa do diên đến dưới gốc cây Bối Đa đó là nơi chư Phật ở quá khứ ở tương lai chứng đắc Đạo Quả.” Các vị trời nói lời ấy rồi bèn dẫn đường đi trước, Bồ-tát đứng dậy đi theo, vừa cách khỏi gốc cây khoảng ba mươi bộ, trời trao cho ôm cỏ cát tường, Bồ-tát nhận lấy rồi đi khoảng mười lăm bộ, có một đàn chim tước sắc xanh năm trăm con bay nhiễu quanh Bồ-tát ba vòng mà đi. Bồ-tát đến dưới gốc cây Bối Đa, trải ôm cỏ Cát tường, xoay mặt về hướng đông mà ngồi. Khi ấy ma vương sai ba ngọc nữ từ phía bắc đến thử, ma vương từ phía nam lại thử, Bồ-tát đưa ngón chân ấn xuống đất, ma binh chạy lui tán loạn, ba ngọc nữ biến thành bà già. Trên đêy từ rừng, nơi Bồ-tát suốt sáu năm tu khổ hạnh và các nơi, người đời sau đều có tạo dựng Tháp tượng trong đó. Đến nay đều hiện còn.

Nơi, Đức Phật sau khi thành Đạo bảy ngày trông nhìn cây hướng thọ pháp lạc. Nơi Đức Phật ngồi trên tảng đá vuông xoay mặt về hướng đông dưới gốc cây Ni Câu Luật, các vị Phạm Vương đến thỉnh cầu Đức

Phật giảng pháp. Nơi chư Thiên hóa làm nhà bảy báu để cúng dường Đức Phật bảy ngày. Nơi văn lân rùa mù bảy ngày nhiễu quanh Đức Phật. Nơi bốn vị Thiên Vương dâng Bình Bát cúng dường Đức Phật. Nơi năm trăm người buôn bán dâng cúng bột gạo rang và mật. Nơi Đức Phật hóa độ ba anh em giòng họ Ca Diếp và cả thầy bảy thầy trò có một ngàn vị. Các nơi đó đều có dựng lập Tháp. Nơi Đức Phật thành Đạo có ba ngôi già Lam và đều có chư Tăng ở đó. Chư Tăng được dân chúng cung cấp mọi thứ rất đầy đủ không thiếu thốn gì. Chư Tăng hành trì giới luật trang nghiêm, oai nghi đi đứng ngồi nằm vào chúng đều đúng như pháp, kể từ thời Đức Phật tại thế mãi đến nay vẫn như vậy. Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn trở lại nay nơi bốn ngôi Tháp lớn đều vẫn tương tục tiếp nối không ngưng dứt, nơi bốn ngôi Tháp lớn là nơi Đức Phật đản sinh, nơi Đức Phật thành Đạo, nơi Đức Phật chuyển pháp luân và nơi Đức Phật nhập Niết Bàn.

Đời xưa trước, bấy giờ vua A Dục là một đứa trẻ đang vui đùa giữa đường, gặp Đức Phật Ca Diếp đi khát thực, đứa bé vui mừng vốc nắm đất bột dâng cúng Đức Phật, Đức Phật Ca Diếp đem về rải nơi thường ngày kinh hành, do duyên lành mà vua A Dục đời nay được làm Thiết luân Vương là vua cõi Diêm Phù Đề, nhân lúc Thiết luân Vương tuần du nơi Diêm Phù Đề thấy giữa khoảng hai núi Thiết Vi là nơi Địa Ngục trừng trị tội nhân. vua liền hỏi Quần Thần đó là nơi nào? Cá thần đáp: “Đó là nơi vua Diêm La trị tội người.” vua bèn tự suy niệm rằng: “Quý Vương còn có thể làm Địa ngục để trừng trị tội người. Ta là chúa trong loài người, Cớ sao không làm Địa ngục để trị tội người ư?” Và liền hỏi Quần Thần: “Ai là người có thể làm Địa ngục chủ để trừng trị người tội?” Quần thần đáp: “Chỉ có người cực ác mới có thể làm vậy.” vua liền sai bảo Quần thần đi khắp nơi tìm kiếm người ác. Thấy bên bờ ao có một người tướng trượng to lớn, sắc mặt sạm đen, tóc vàng mắt xanh, đưa cẳng chân câu bắt cá, miệng kêu hú các loài cầm thú, cầm thú lại bèn liền bắn giết không vật nào được thoát. Tìm kiếm được người ấy rồi dẫn đến cho vua. vua kín sai bảo người đó rằng: “Ông làm tường thành cao bốn phía, phía trong trồng các loại cây trái, làm ao tắm rửa xinh đẹp, trang trí các thứ nghiêm lệ khiến người khát ngưỡng, nơi lao ngục làm cửa đóng kín, có người nào vào liền bắt trị tội, khiến chẳng được thoát ra. Giả sử như Ta có vào cũng trị tội không tha. Nay trao phong cho Ông vì Ta mà làm chủ Địa ngục.” Khi ấy có vị Tỳ-kheo lần lượt đi khuất thực bước vào cửa đó, ngục tốt trông thấy bèn liền muốn trị tội. Vị Tỳ-kheo ấy kinh sợ, cầu xin cho hoãn đãi thời gian chừa bữa ăn,

chốc lát lại thấy người khác đi vào, ngục tốt bắt bỏ vào cối xay giã đâm trào nước dãi sặc đỏ. Trông thấy rồi vị Tỳ-kheo ấy tư duy “Thân này là vô Thường, là Khổ, là Không, chỉ như bọt bóng như nước dãi !” Và liền chứng đắc quả vị A-la-hán. Thế rồi ngục tốt bắt bỏ vào trong vạc nước sôi, vị Tỳ-kheo ấy tâm thức hỷ hoan bỗng nhiên lửa tắt nước mát lạnh, trong vạc mọc lên hoa sen, vị Tỳ-kheo ấy lên ngồi trên hoa sen. Khi ấy ngục tốt bèn sang tấu trình cùng vua: “Trong ngục có sự kỳ quái xin vua hãy sang đó trông xem.” vua bảo: “Ngày trước Ta có thể ước nay không dám sang.” Ngục tốt bảo: “Đây chẳng phải việc nhỏ, vua nên nhanh sang. Cần sửa đổi sự thể ước trước kia.” vua liền theo ngục Tốt đi vào. Vị Tỳ-kheo ấy vì vua mà giảng pháp. vua được tin hiểu, liền phá hoại Địa ngục, sám hối những việc tội ác ngày trước, do đó mà tin trọng Tam bảo, thường đến dưới gốc cây Bồ Đề sám hối lỗi quá tự trách chính mình, phát tâm thọ trì tám pháp trai giới. Phu nhân của vua hỏi vua thường đi đâu vậy? Quần thần đáp: “vua thường đến dưới gốc cây Bồ Đề.” Phu nhân bèn dò xét lúc không có vua đến đó liền sai bảo người chặt phá cây ấy đổ ngã. vua đến trông thấy được bèn mê loạn ngã té nơi đất, Quần Thần lấy nước rưới vào mặt, giây lát sau vua mới tỉnh lại, liền đem gạch chất nhiều lớp bốn phía dùng trăm bình sữa bò rưới vào rễ cây, vua buông xuôi thân mình nơi đất mà phát lời thề rằng: “Nếu cây không sống lại thì tôi sẽ không đứng dậy.” Phát lời thề ấy rồi, liền ngay trên rễ cây đâm cành nhánh, mãi đến ngày nay cây cao gần mười trượng.

Từ đó theo hướng nam đi gần ba dặm, đến một quả núi tên là Kê Túc. Hiện nay Tôn giả Đại Ca Diếp đang ở trong núi đó, bữa xuống núi để đi vào, nơi vào chẳng dung dạn, có người vào xuống rất xa, có lỗ hổng bên cạnh, toàn thân Tôn giả Đại Ca Diếp hiện ở trong đó, phía ngoài lỗ trống có chỗ đất nơi Tôn giả vốn rửa tay. Người ở xứ đó như có ai bị đau đầu dùng đất đó bôi thoa bèn liền khoẻ mạnh. Nếu người nào có tâm sâu dày, ban đêm liền có vị La - Hán đến cùng luận bàn giải thích mọi điều nghi, xong bỗng ẩn mất. Tại núi đó câu cối rậm rạp tốt tươi, lại có lấm sứt hổ lang, không thể vọng hành (tự tiện rảo đi).

Ngài (Pháp Hiển) trở về lại hướng ấp Ba Liên Phát, thuận theo hướng tây sông Hằng đi xuống khoảng mười do diên, có một ngôi tinh xá tên là Khoáng Dã, là nơi Đức Phật đã từng dừng ở, hiện nay cũng có chư Tăng. Lại theo hướng tây dọc bờ sông Hằng đi mười hai do diên là đến Thành Ba La Nại thuộc nước Ca Thi, ở phía đông bắc Thành cách chừng mười dặm là có tinh xá Tiên nhân lộc dã uyển. Trong vườn

(uẩn) đó vốn là nơi ở của vị Bích Chi Phật, thường có những con nai hoang dã đến nướng nấu qua đê. Xưa kia, lúc Đức Thế Tôn sắp thành Đạo, chư Thiên ở giữa không trung xuống lời rằng: “Con của vua Bạch Tịnh xuất gia học Đạo, sau đây bảy ngày sẽ thành Phật Quả.” Vị Bích Chi Phật ấy nghe lời đó rồi bèn nhập Niết Bàn nên gọi xứ đó là Tiên Nhân Lộc dã uẩn. Sau khi Đức Thế Tôn đã thành Đạo, mọi người ở xứ đó lập dựng tinh xá. Đức Phật muốn hóa độ Câu Lân ...cả thầy năm người. Năm người ấy cùng nói với nhau rằng: “Sa-môn Cù Đàm ấy sáu năm tu khổ hạnh mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè một hạt gạo còn chưa đắc Đạo, hưởng gì vào trong nhân gian phóng túa thân miệng ý, Đạo nào có vậy? Ngày nay nếu đến, thì chúng ta hãy thận trọng chớ cùng nói năng. Nói Đức Phật đến, năm người ấy đứng dậy lễ bái. Lại đi hướng bắc đi khoảng sáu mươi bộ là nơi Đức Phật xoay mặt hướng đông mà ngồi bắt đầu chuyển pháp luân hóa độ Câu Lân ...cả năm người. Phía bắc nơi đó cách khoảng hai mươi bộ là nơi Đức Phật vì ngài Di Lạc mà thọ ký. Phía nam cách đó khoảng năm mươi bộ là nơi y La Bát Long hỏi Đức Phật về lúc nào mới được thoát khỏi thân rồng ấy. Các nơi đều có tạo dựng Tháp, đến nay hiện còn. Trong đó có hai ngôi Tăng-già Lam đều có chúng Tăng ở.

Từ tinh xá Lộc dã uẩn theo hướng tây bắc đi khoảng mười ba do diên, đến một nước tên là Câu Diệm Di, trong đó có tinh xá tên là Cù Sư La Viên, là nơi xưa kia Đức Phật có dừng ở. Nay hiện có chúng Tăng, phần nhiều học theo Pháp Tiểu thừa. Từ đó theo hướng đông đi khoảng tám do diên, xưa kia Đức Phật vốn ở nơi đó hóa độ ác quỷ, và Đức Phật cũng từng ở nơi đó kinh hành toa Thiên, đều có tạo dựng Tháp, cũng có Tăng-già Lam và có khoảng hơn trăm vị Tăng thường ở đó. Từ đó theo hướng nam đi khoảng hai trăm do diên là đến một nước tên là Đạt Thần (bằng Sấn), có ngôi Tăng gia Lam trong đời quá khứ thời Đức Phật Ca Diếp, đục xuyên núi đá lớn mà làm thành, Tính Xá đó có năm tầng, tầng thấp cuối hết làm hình tượng, có năm trăm gian phòng nhà, ở tầng thứ hai làm hình tượng Sư Tử, có năm trăm Thạch Thất, ở tầng thứ ba làm hình tượng ngựa, có ba trăm gian phòng, ở tầng thứ tư, làm hình tượng trâu có hai trăm gian phòng. Trên hết có suối nước, mem theo Thạch Thất nhiều quanh trước các phòng mà chảy, xoay chuyển quanh co như thế xuống tầng thấp dưới cùng theo cửa tuông đổ ra. Chư Tăng ở trong thất nơi nơi đều đục đá làm cửa sổ để thông ánh sáng, trong phòng thất sáng rõ không bị tối tăm, bốn góc phòng thất đục xuyên đá làm thêm cấp để đi lên, nơi đó, người đời nay thân hình nhỏ có thể men theo thêm

cấp mà lên thẳng được một cảng chân người xưa nơi đầm đập, nhân đó mà gọi tên chùa đó là chùa Ba La Việt. Ba La Việt là tiếng Thiên Trúc, Trung Hoa dịch nghĩa là chim Cáp (Bồ Câu). Trong chùa đó thường có những vị La - Hán ở. Xứ đó đất đồi hoang vắng không dân chúng ở. Cách núi rất xa mới có thôn xóm, người trong thôn xóm ấy đều là người Tà Kiến không biết Phật pháp. Các hàng Sa-môn, Bà-la-môn và các vị dị học. Dân chúng nước đó thường thấy có người bay lại vào trong chùa ấy. Bấy giờ có các Đạo nhân ở nước khác muốn lại để bái chùa đó, người dân trong thôn xóm ấy bảo rằng: “Sao các Ông chẳng bay lại ư? Chúng tôi thấy các Đạo nhân ở đây đều bay ra vào.” Đạo nhân bèn phương tiện đáp: “Vì lông cánh chưa thành nên chưa bay được.” Ở nước Đạt Thẩn, đường xá hiểm trở khó khăn, mà biết nơi muốn sang cần phải mang tiền đút lót vua nước đó. Về sau vua nước đó mới sai người lần lược chỉ bày con đường tắt. Ngài (Pháp Hiển) trọn không sang được nơi đó, chỉ nghe người ở xứ đó nói nên trình bày lại như vậy.

Từ nước Ba La Nại theo hướng đông đi trở lại ấp Ba Liên Phát, Ngài (Pháp Hiển) vốn muốn đi tìm cầu giới luật, mà các nước thuộc bắc Thiên Trúc, các đời sư tử chỉ truyền miệng, không có văn bản ghi tả. Do đó Ngài phải xa giãm trải đến trung Thiên Trúc (trung tâm Ấn Độ), vào nơi một ngôi Tăng-già Lam Đại Thừa mới có được một bộ luật tức Bộ luật Ma-ha Tăng Kỳ. Khi Đức Phật còn tại thế, đại chúng hành trì Bộ luật ấy trước tiên, bản luật đó được truyền tại tinh xá Kỳ Hoàn. Ngoài ra mười tám bộ luật mỗi mỗi đều có thầy trò, phần lớn kết quy chẳng khác, nhưng các phần nhỏ có sự chẳng đồng, hoặc sử dụng mở bút chỉ bộ đó là hơn cả, lá Quảng thuyết đầy đủ cả thấy. Ngài lại gặp được một bộ luật sao có đến bảy ngàn kệ tụng, tức là bộ luật cúng chúng Tăng ở đất Tần (Trung Hoa) hiện hành trì, nhưng cũng đều qua các đời sư tử truyền miệng trao truyền lẫn nhau không ghi chép bằng văn tự. Lại ở trong chúng đó có được Bộ Tập A-tỳ-đàm Tâm có sáu ngàn kệ tụng, lại có được một bộ kinh có đến hai ngàn năm trăm kệ tụng, lại có được một quyển kinh phương đẳng Bát Niết Bàn có đến năm ngàn kệ tụng. Lại có được Ma-ha tăng Kỳ A-tỳ Đám, nên Ngài (Pháp Hiển) dừng ở lại đó suốt ba năm, học phạm thư phạm ngữ, ghi tả luật. Sa-môn Đạo Chính khi đã đến Trung Thiên Trúc, thấy phép tắc của hàng Sa-môn, oai nghi của chúng Tăng mỗi mỗi sự đều rất đáng ưa thích, mới nghĩ nhờ tự thân “ở đất Tần (Trung Hoa) là xứ biên địa, chúng Tăng khiếm khuyết giới luật.” Và phát lễ thề nguyện: “Từ nay trở đi cho đến ngày thành tựu quả Phật, nguyện chẳng sinh ở xứ biên địa.” Nên bèn dừng

ở tại Trung Thiên Trúc, chẳng trở về. Còn bản tâm Ngài (Pháp Hiển) muốn khiến giới luật lưu truyền rộng rãi ở Trung Hoa, nên đành một mình một bóng trở về.

Đọc theo hướng đông sông Hằng đi xuống mười tám do diên, bên bờ phía nam sông Hằng có một nước lớn tên là Chiêm Ba, trong nước đó có tinh xá nơi Đức Phật kinh hành và bốn nơi Đức Phật tọa Thiền thấy điều xây dựng Tháp và có chúng Tăng hiện ở tại đó. Từ đó theo hướng đông, đi gần năm mươi do diên là đến nước Ma Lê Đế tức nơi cửa biển. Nước đó có hai mươi bốn ngôi Tăng già Lam, đều có chư Tăng ở, Phật pháp cũng rất hưng thịnh. Ngài (Pháp Hiển) dừng ở lại đó hai năm, ghi tả các bộ kinh và họa Tôn Tượng. Từ đó, theo thuyền lớn của thương buôn trôi nổi theo đường biển, từ phía tây nam bờ biển ngay đêm đầu tiên gặp được gió đông thổi mạnh suốt mười bốn ngày đêm bèn về đến nước sư tử. Người ở xứ đó nói cách xa khoảng bảy trăm do diên. Nước đó vốn tại Châu Thượng, hai phía đông tây dài năm mươi do diên, hai phía nam bắc rộng ba mươi do diên, ở hai phía tả hữu các châu có đến số trăm, khoảng cách xa hoặc mười dặm, hai mươi dặm, hoặc đến hai trăm dặm tất cả đều phụ thuộc châu lớn, lưu xuất lắm nhiều châu ngọc quý báu, hoặc có cả ngọc ma Ni. Địa vực đó rộng khoảng mười dặm, vua sai bảo người gìn giữ, như có người nhặt được mười phần thì lấy lại ba phần. Nước đó vốn không có người dân, chỉ có Quỷ Thần và Rồng ở. Thương nhân ở các nước cùng đến trao đổi mua bán. Lúc trao đổi, Quỷ thần chẳng tự hiện thân, chỉ đưa ra vật báu và đề nêu giá trị, thương nhân thì y cứ theo trị giá mà mua lấy vật. Do đó mà thương nhân qua lại dừng ở, nên người ở các nước nghe xứ đó an lạc, thấy đều cùng đến, từ đó trở thành đất nước lớn. Tại nước đó khí tiết điều hòa không có đông hạ sai khác. Cây cỏ thường tươi tốt, ruộng đất gieo rồng tùy theo ý người không có thời tiết. Xưa kia, Đức Phật đến nước đó, muốn giáo hóa rồng ác độc, nên dùng sức Thần túc, một chân đạp trên phía bắc Thành vua, một chân đạp trên đỉnh núi. Hai vết dấu chân đó cách nhau khoảng mười lăm dặm. Trên dấu vết ở phía bắc Thành vua có tạo dựng một ngôi Tháp lớn cao bốn mươi trượng, dùng vàng bạc để trang nghiêm các vật báu hợp thành. Bên cạnh Tháp lại xây dựng một ngôi Tăng-già Lam đề tên là Vô Úy. Tại núi đó có năm ngàn vị Tăng cúng ở. Có xây dựng một điện Phật, dùng các thứ vàng bạc để khắc chạm và trang sức bằng các vật báu. Trong đó có một tôn tượng Phật bằng ngọc xanh cao ba trượng, khắp thân tôn tượng thấy đều là vật báu ánh ngời oai tướng nghiêm hiển, không ngôn từ nào có thể nói ghi hết được.

Trong lòng bàn tay phải có một viên Bảo Châu vô giá.

Vì đã nhiều năm xa rời Trung Hoa, và những nơi giao tiếp đều khác địa vực khác con người, núi sông cây cỏ khắp mắt không gì là quen cũ, lại thêm những người bạn đồng hành lần lược phân chiết, hoặc vị ở lại, hoặc vị qua đời, trông nhìn cảnh vật chỉ còn một mình nên trong lòng Ngài (Pháp Hiển) thường buồn thương, bỗng nhiên ở bên cạnh tôn tượng ngọc xanh ấy có người thương buồn dùng cuộn lụa quỳên trắng cúng dường, bất giác bụi ngài lệ trào hoen mỹ. vua trước của nước đó sai sứ đi đến Trung Thiên Trúc chiết lấy một cây con Bối Đa đem về trồng bên cạnh Điện Phật cao khoảng hai mươi trượng. Cây đó nghiêng về phía đông nam, vua sợ cây ngã đổ nên dùng tám - chín cây trụ tròn để chống đỡ cây, ở chỗ cây trụ chống đỡ bèn mọc xuyên qua trụ đâm xuống đất một cái rễ lớn khoảng hai thước. Cây trụ chống đỡ tuy bèn trong bị xé nứt nẻ song vẫn còn phía ngoài, mọi người cũng chẳng vất bỏ đi. Phía dưới cây có tạo dựng tinh xá, trong đó có một tôn tượng Đức Phật ngồi, các hàng Đạo tục thấy đều kính ngưỡng không chán mệt.

Phía trong Thành lại có xây dựng một tinh xá phụng thờ cốt rường Đức Phật, đều dùng bảy vật báu mà làm nên, vua tịnh tu phạm hạnh, tâm tánh dân chúng trong Thành kính tin cũng rất chí thiết. Nước đó từ lúc lập pháp trở lại không có nạn đói kém tan tóc loạn lạc, trong kho lẫm của chúng Tăng có lẫm nhiều châu báu ngọc ma ni vô giá. Vua đó vào trông xem trong kho của chúng Tăng, thấy ngọc ma ni liền khởi tâm tham, muốn đoạt lấy, ba ngày sau mới tỏ ngộ, liền đến trong chúng Tăng cúi đầu đảnh lễ chí thành sám hối tâm tội trước đó. Nhân đó thưa bạch chúng Tăng rằng: “Xin chúng Tăng nên lập chế định từ nay chớ về sau chớ cho vua vào nơi nhà kho trông xem, các vị Tỷ Kheo phải từ bốn mươi tuổi hạ trở về sau mới được vào nhà kho của chúng Tăng.” Trong Thành đó có nhiều cư sĩ Trưởng giả, Tát Bạt thương nhân sinh sống, nhà cửa rất tráng lệ, đường xá ngõ ngách bằng phẳng. Ở ngã tư đường lớn đều tạo dựng nhà giảng pháp. Mỗi tháng những ngày mồng tám, mười bốn, rằm, thiết bày tòa cao, các hàng Đạo tục bốn chúng đệ tử Phật đều nhóm tụ nghe giảng pháp. Người ở nước đó nói có khoảng sáu vạn vị Tăng, đều có chúng thực. vua riêng cúng dường trong Thành khoảng năm sáu ngàn vị. Chúng Tăng cần gì cứ trì Bát vào Thành để nhận lấy tùy Bát chứa đựng thấy đều đầy đủ mà trở về.

Mỗi năm, trong khoảng tháng ba thường nghinh thỉnh cốt rường Đức Phật ra khỏi cúng dường. Trước lúc chưa nghinh thỉnh khoảng mười ngày, vua trang sức một con voi lớn, sai người có khả năng tài giỏi nói

năng mặc y phục của vua cưỡi trên mình con voi ấy đánh trống xướng rằng: “Bồ-tát suốt ba A Tăng kỳ kiếp tu hành không tiếc lặn thân mạng, đem quốc thành vợ con, móc mắt cho người, lóc thịt để cứu chuộc chim Bồ Câu, cắt đầu để bố thí, ném mình cho hổ đói ăn, chẳng tiếc tuỷ não, tu hành các hạnh khổ như thế đều vì chúng sinh nên thành quả Phật. Trụ thế một bốn mươi lăm năm giảng pháp giáo hóa, khiến người không an được an, người không được hóa độ trở thành hòa độ. Đến lúc chúng sinh hết duyên, Đức Phật muốn nhập Niết Bàn. Từ khi Đức Phật nhập Niết Bàn trở lại nay đã trải qua một ngàn chín mươi bảy năm, mất sáng của thế gian bị đứt mất, chúng sinh buồn khổ lâu dài. Mười ngày sau cốt răng của Đức Phật sẽ nghinh đón đến tinh xá núi Vô Úy. Các hàng Đạo tục khắp trong nước, ai muốn gieo trồng phước đức, mỗi mỗi nên tự sửa sang đường xá, chỉnh trang cửa ngõ, thiết bày các thứ hương hoa để cúng dường.” Xướng lời ấy rồi, cặp theo hai bên đường đi, vua sai bảo làm năm trăm thân hình Bồ-tát từ trước trở về biểu hiện các thứ. Hoặc làm thân hình Thái Tử Tu Đại Noa, hoặc làm thân hình diêm biển, hoặc làm thân hình vua chúa, hoặc làm thân hình nai ngựa... các hình tượng như thế đều được họa vẽ nghiêm sức, tướng trạng như người sống. Sau đó, mới nghinh thỉnh cốt răng của Đức Phật ra theo giữa đường mà đi. Men theo dọc đường cúng dường đến trên Phật đường ở tinh xá Vô Úy. Các hàng Đạo tục nhóm tụ đốt hương chong đèn làm mọi Phật sự mất đem ngày không ngưng dứt, trải qua ba tháng mới nghinh thỉnh cốt răng của Đức Phật vào lại tinh xá trong Thành. Nơi tinh xá trong Thành đến ngày trai thì mở cửa kính lễ đúng như Pháp.

Từ tinh xá Vô Úy hướng đông đi khoảng bốn mươi dặm có một quả núi, trong núi đó có một ngôi tinh xá tên là Chi (Bạt) Đề, có khoảng hai ngàn vị Tăng cùng ở. Trong chúng Tăng có một vị Sa-môn Đại đức tên là Đạt Ma Cù Đề, dân chúng trong nước thấy đều kính ngưỡng. Ngài Đạt Ma Cù Đề ở reong thạch thất suốt bốn mươi năm, thường hành từ tâm, hóa cảm các loài rắn chuột, khiến cùng chung sống một nhà mà chẳng hề tổn hại nhau. Cách Thành khoảng bảy dặm đi về hướng nam có một tinh xá tên là Ma-ha Tỳ Khả La, có ba ngàn vị Tăng cùng sống ở đó, có một vị Sa-môn cao đức, giới hạnh rất thanh khiết, dân chúng trong nước đều nghi Ngài đã chứng quả A-la-hán. Đến lúc sắp thị tịch, vua nước đó đến hầu thăm, y cứ theo pháp nhóm tập chư Tăng mà hỏi ngài: “Tỳ-kheo đã đắc Đạo quả ư?” Ngài bèn như thật mà đáp: “Thật đã đắc quả A-la-hán.” Thế rồi sau khi thị tịch, vua bèn căn cứ theo kinh luật đúng như pháp mà an táng La Hán, nên cách phía đông tinh xá



khoảng bốn năm dặm nhóm chất cây củi lớn tốt rộng thoáng khoảng hơn ba trượng, cao cũng gần vậy. Phái trên chất các thứ gỗ hương trầm Thủy Chiên Đàn, bốn phía đều làm như thêm cấp, phía trên lại trải bông tơ trắng mới sạch, bao bọc chung quanh, làm chiếc kiệu lớn sàng kiệu tựa như xe mềm mại chỉ không có các thứ cá rồng. Đến lúc Trà-tỳ, vua cùng bốn chúng nhân dân trong nước đều nhóm tập dùng các thứ hương hoa để cúng dường, từ nơi kiệu ra đến chỗ Tháp mộ, vua tự tay cúng dường hương hoa, cúng dường xong, đặt kiệu lên trên sàng củi dùng dầu tô rưới chung quanh, sau đó mới châm lửa. Lúc lửa cháy rực, mọi người với tâm thành kính mỗi tự cõi bỏ các thứ y phục quý giá và vũ nghi tán lọng từ xa ném vào trong lửa để hỗ trợ Trà-tỳ. Trà-tỳ xong, thân nhật lấy di cốt, tạo dựng Tháp để cúng dường.

Ngài (Pháp Hiển) đến nước đó thì vị La Hán ấy không còn tại thế, chỉ thấy tang lễ an táng, khi đó vua rất sùng tín Phật Pháp, muốn vì chúng Tăng mà tạo dựng tinh xá mới, trước tiên thiết Đại trai hội, cúng dường chư Tăng thọ trai xong, mới chọn một cặp trâu bò béo tốt khoẻ mạnh nhất, đem các thứ vàng bạc vật báu trang sức trên sừng, làm lưỡi cày bằng vàng tốt đẹp, vua tự cày xới khai khẩn khuôn viên bốn phía thành quách, sau đó mới cất cấp ruộng vườn cho hộ dân, dùng quyển sắt để ghi chép đó. Từ đó trở về sau, đời đời nối tiếp không ai dám cải đổi.

Khi ở tại nước đó, Ngài (Pháp Hiển) nghe Đạo nhân người Thiên Trúc ngồi trên tòa cao đọc tụng lời kinh rằng: “Bình Bát của Đức Phật vốn ở Tỳ Xá Ly, nau hiện ở tại Kiên Đà Vệ, cuối cùng qua mấy trăm năm (Lúc ngài nghe đọc tụng có định rõ số năm, nhưng nay đã quên mất), rồi sẽ đến phía tây ở nước Nguyệt Chi, trải qua mấy trăm năm rồi sẽ đến nước Vu Điền, trải qua mấy trăm năm rồi sẽ đến nước Quạt Tỳ, trải qua mấy trăm năm rồi sẽ đến nước Sư Tử, trải qua mấy trăm năm rồi sẽ đến nước Trung Hoa, trải qua mấy trăm năm rồi sẽ trở về lại Thiên Trúc, và sẽ lên cung trời Đâu-suất. Đức Bồ-tát Di Lặc trông thấy mà tán thán rằng: “Bình Bát của đức Thế Tôn Thích-ca vẫn đến.” Và bèn cùng các trời cúng dường hương hoa suốt bảy ngày, qua sau bảy ngày, Bình Bát trở lại Diêm Bồ-đề, Vua rồng ở biển nghinh thỉnh vào cung rồng. Đến lúc Di Lặc sắp thành Đạo, Bình Bát trở lại phân làm bốn và trở lại trên núi Át Na. Sau khi đức Di Lặc đã thành Đạo, bốn vị Thiên Vương lại nghĩ nhớ Đức Phật như Phật pháp xưa trước. Ngàn khi Phật pháp trong thời hiền kiếp cùng sử dụng một Bình Bát ấy. Khi Bình Bát ấy nghinh thỉnh đi rồi thì Phật pháp dần giảm diệt. Sau khi

Phật pháp giảm diệt, thọ mạng con người dần ngắn lại, cho đến tuổi thọ chỉ còn năm năm. Lúc tuổi thọ có năm năm, lúa thóc tồ lạc đều biến diệt, dân chúng rất ác độc, cầm nắm cây cỏ thì biến thành dao gậy cùng làm thương hại nhau. Trong đó, những người có phước trốn lánh vào ở trong núi, những người ác độc giết hại nhau gần hết rồi, bèn lui tới qua lại với nhau, cùng nói với nhau rằng: “Người xưa tuổi thọ rất dài, chỉ vì quá ác nên làm điều phi pháp, nên tuổi thọ của chúng ta dần ngắn lại như vậy cho đến chỉ còn sống được năm năm. Ngày nay chúng ta phải cùng nhau làm mọi việc lành, khởi tâm từ bi, tu hành nhân nghĩa.” như vậy rồi mỗi người tự tu tạo mọi việc nhân nghĩa, tuổi thọ chuyển dần gấp bội, lẩn đến tám vạn năm. Lúc Đức Phật Di Lạc ra đời, lần chuyển pháp luân đầu tiên là hóa độ những Đệ Tử sống trong Di Pháp của Đức Phật Thích-ca, những người xuất gia, và người thọ trì tam quy ngã giới, thọ pháp bát quan trai, cúng dường Tam bảo... lần chuyển pháp luân thứ hai thứ ba là hóa độ những người có duyên. Bấy giờ, Ngài (Pháp Hiển) muốn ghi tả kinh ấy, nhưng Đạo nhân đó bảo: “Kinh đó không có bản văn, chỉ từ tâm miệng tôi đọc tụng vậy.”

Ngài (Pháp Hiển) dừng ở lại nơi đó hai năm, lại tìm cầu được bản luật Tạng Di Sa Tắc, được bộ kinh Trường A-hàm, Tạp A-hàm, được một bộ Tạp Tạng, những kinh luật đó tại Trung Hoa không có. Được các phạm bản ấy rồi bèn chuyên chở trên thuyền lớn của thương buôn có hơn hai trăm người, phía sau buộc kèm theo một thuyền nhỏ, lúc thuyền ra giữa biển gặp phải gian nguy hiểm trở, thuyền lớn bị hư hoại, có được tin lành gió đông hạ dần. Ba ngày sau bỗng gặp phải gió lớn, nước tràn vào đầy thuyền, các thương nhân muốn sang thuyền nhỏ. Người trên thuyền nhỏ sợ người sang lắm nhiều, liền cắt đứt dây lớn. Các thương nhân khiếp sợ vì mạng sống chỉ còn trong phút chốc, lo thuyền nước tràn vào đầy, nên lấy những vật của cải thô nặng ném xuống biển. Ngài Pháp Hiển cũng ném vất các vật quân trì, bồn tắm và những vật khác vào biển, chỉ lo sợ thương nhân vất bỏ kinh tượng. Nên ngài chuyên chủ nhất tâm xưng niệm Bồ-tát Quan Thế Âm và quy mạng chúng Tăng ở Trung Hoa, nghĩ nói thầm rằng: “Tôi đi xa tìm cầu kinh pháp, nguyện nhờ oai thần, trở về được đến nơi chốn.” Gió lớn cứ dôn dập như thế suốt mười ba ngày đêm bèn tấp đến bên bờ khu đảo nhỏ. Sau khi thủy triều rút cạn, trông nhìn khắp chung quanh thuyền nên vá đắp hoàn bị lại. Từ đó lại tiếp tục đi. Trong biển có nhiều giặc cướp bắt, nếu gặp ắc chẳng an toàn. Giữa biển lớn càng mênh mông không bờ bến nên chẳng thể nhận biết, ở hai phía đông tây chỉ nhìn mặt trời mặt trăng và

các ngôi sao mà đi tối, nếu gặp lúc mưa râm thì bị gió lùa đi cũng không chuẩn cứ. Đang lúc đêm tối chỉ sóng lớn vỗ đập loáng thoáng như ánh lửa, gặp phải các loài Thủy tộc như ngoan Đà quái lạ. Các thương nhân hoảng hốt lo sợ chẳng biết đi hướng nào, biển sâu không đáy, lại không chỗ đá dừng trú, đến lúc trời sáng mới nhận biết được hướng đông tây, trở lại theo hướng chánh mà đi, nếu gặp phải đá ngầm thì không còn đường sống. Như vậy trải suốt chín mươi ngày mới đến được một nước tên là Da Bà Đề. Ở nước đó có hàng ngoại Đạo Bà-la-môn rất hưng thịnh, Phật pháp chẳng có đủ trăm nhà.

Dừng ở lại nơi nước đó năm tháng, Ngài (Pháp Hiển) lại theo thuyền lớn của thương nhân khác để đi, trên thuyền có hơn hai trăm người, lương thực mang theo ăn dùng trong vòng năm mươi ngày, phát xuất từ ngày mười sáu tháng bốn, Ngài an cư tại trên thuyền đó, theo hướng đông bắc để đi về Quảng Châu. Trải qua hơn một tháng trời, có hai lần gặp phải gió dữ mưa bão, các khách thương buôn bán đều khiếp sợ, khi ấy Ngài (Pháp Hiển) cũng chỉ nhất tâm xưng niệm Bồ-tát Quan Thế Âm và cầu nguyện chúng Tăng ở Trung Hoa, mong nhờ oai thần gia hộ. Khi đã đến lúc trời sáng, các Bà-la-môn cùng bàn với nhau rằng: “Bởi vì chở theo các vị Sa-môn này nên khiến chúng ta không tiện lợi, gặp phải khổ nạn này. Nay nên thả vị Tỳ-kheo lại bên cạnh Đảo biển. Không lẽ chỉ vì một người mà khiến chúng ta phải chịu nguy hiểm.” Ngài (Pháp Hiển) nhờ có được một Đoàn Việt nhờ nói với các Bà-la-môn rằng: “Các ông nếu thả vị Tỳ-kheo này ở lại thì cũng nên thả Tôi ở lại, không như vậy thì hãy giết chết Tôi đi. Nếu Các ông thả bỏ vị Tỳ-kheo này ở lại, về đến đất Hán (Trung Hoa), Tôi sẽ tâu trình với vua việc Các ông làm. vua ở đất Hán cũng rất kính tin Tam bảo sùng trọng Tỳ-kheo Tăng.” Các thương nhân bèn do dự chẳng tiện thả bỏ ngài xuống. Bấy giờ trời trải qua nhiều ngày sấm tối, thầy tướng trông nhìn biển cả nhận đoán sai lầm, bèn trải qua hơn bảy mươi ngày, lương thực nước tương muốn hết, nên lấy nước muối biển làm thức ăn, phân chia nước ngọt cho mỗi người được hai thăng, bèn khiến muốn hết. Các thương nhân cùng nói với nhau: “Bình thường đi chỉ năm mươi ngày là đến Quảng Châu, nay đã trải qua kỳ hạn nhiều ngày cũng không đến ư?” Liên theo hướng đông bắc để tìm kiếm bờ bến, trải qua mười hai ngày đêm bèn đến bờ phía nam Lao Sơn thuộc ranh giới Quận Trường Quảng, bèn có được rau nước tốt lành, chỉ vì trải qua hiểm nạn lo sợ quá nhiều ngày, bỗng nhiên đến được nơi bờ đó, chỉ thấy rau lê rau hoắc y nhiên biết đó là thuộc đất Hán (Trung Hoa) nhưng chưa trông thấy người và hành tích nên

chứ không biết là tại châu quận nào? Hoặc có người bảo là chưa đến Quảng Châu, có người lại bảo là vượt qua xa. Liễn nương thuyền nhỏ đi vào bờ tìm kiếm người vì muốn hỏi xứ đó là đâu, gặp được hai người thợ săn sắp trở về, bèn bảo ngài phiên dịch tiếng mà hỏi Họ. Ngài an ủi Họ trước rồi chậm rãi hỏi: “Các ông là người ở đâu?” Hai người ấy đáp rằng: “Chúng tôi là Phật tử.” Ngài lại hỏi: “Các ông vào núi để tìm kiếm gì?” Hai người ấy liền đáp: “Sắp đến ngày mười lăm tháng bảy, chúng Tôi muốn kiếm sập đào cúng dường Phật.” Ngài lại hỏi: “Đây là nước nào?” Hai người ấy đáp: “Đây là ranh giới của quận Trường Quảng thuộc Thanh Châu, đang trong triều đại nhà Tấn.” Các thương nhân nghe nói thế rồi rất vui mừng, liền xin của cải sai bảo người đưa sang quận Trường Quảng. Thái thú Lý Nghi rất kính trọng Phật pháp, nghe có vị Sa-môn mang kinh tượng nương theo thuyền trôi nổi đường biển mà đến, liền dẫn người ra tận bờ biển để nghinh đón kinh tượng, trở về đến quận Trị, các thương nhân bèn trở lại Dương Châu để đền Thanh Châu. Mà thỉnh mời Ngài dừng ở lại đó suốt một mùa đông mùa hạ. Đến sau khi mãn Hạ, vì cách xa thầy bạn đã lâu năm nên Ngài muốn trở về Trường An liền, chỉ vì mọi sự mang theo công kênh nặng nhọc, nên bèn men theo phía nam xuống Thanh Đô, đến chỗ Thiền sư lưu gởi kinh luật Tạng lại.

Mới đầu từ Trường An, trải qua sáu năm, Ngài (Pháp Hiển) mới đến nước Trung Ấn Độ, dừng ở lại đó sáu năm. Đến lúc trở về, trải qua ba năm mới đến Thanh Châu. Phàm các xứ đặt chân đến gần ba mươi nước. Từ phía tây Sa Hà đến tận Thiên Trúc, chúng Tăng oai nghi pháp hóa rất tốt lành, chưa thể trình bày rõ ràng hết cả. Trộn nghĩ chỉ vì chư sư chưa được nghe thấy đầy đủ, vì vậy chẳng đoái hoài mạng sống mỏng manh theo biển trong sạch mà trở về, trải qua đủ thứ gian nan, may nhờ oai linh của Tam Tôn, nên tuy gặp hiểm nguy mà được cứu giúp, nên dùng giấy bút để ghi viết lại những nơi đã trải qua, muốn khiến các bậc Hiền giả cùng đồng thấy nghe. Lúc đó là năm Giáp Dần (năm bốn trăm mười bốn) tức năm nghĩa Hy thứ mười hai thời Đông Tấn ( ). Ngài đã đến tuổi mừng thọ.

Đến cuối mùa Hạ an cư, nghinh đón ngài, các Đạo nhân đã đến dừng ở lại cùng chung suốt trai hội mùa đông, nhân những lúc giảng tập rảnh rỗi, lại hỏi đến những gì trong chuyến du lịch. Người ấy cung kính vâng thuận, nói liền y như thật. Do đó trước kia lược trình bày, lại khuyên khiến ghi tả rõ ràng. Ngài lại tự thuật đầy đủ từ đầu đến cuối. Và tự nói rằng: “Trông nhìn lại kinh Phật tìm cầu được, bất chợt

tim rung động toát đổ mồ hôi, bởi vì giã trải qua mọi thứ nguy hiểm, chẳng tiếc hình hài thân mạng, do vì chỉ có còn được chuyên sự ngu thẳng nên ném mạng vào chỗ chết để đạt được ước mong trong muôn một. Do đó mà cảm thán.” Người ấy cho là xưa nay hiếm có, từ khi Phật pháp lưu truyền đến Trung Hoa, chưa có người nào vì mong cầu giáo pháp mà quên thân mạng như Ngài, sau đó mới biết thật điều cảm chẳng cùng chẳng mà chẳng thông, điều giúp đỡ của chí nguyện không công nghiệp mà chẳng thành. Thành đạt công nghiệp đâu chẳng do quên mất điều trọng, trong điều quên mất ấy ư?





BDK ENGLISH TRIPITAKA



# The Journey of the Eminent Monk Faxian

(Taisho Volume 51, Number 2085)

*Translated by*  
**Li Rongxi**



**The Journey of the  
Eminent Monk Faxian**

Translated from the Chinese of Faxian  
(Taishō Volume 51, Number 2085)

by

Li Rongxi





## Translator's Introduction

*The Journey of the Eminent Monk Faxian*, also known as *A Record of Buddhist Countries*, is an account of the travels of Faxian, who began his journey to India by land in 399 C.E. and returned to China by sea in 414. As he mentions at the beginning of this work, Faxian's purpose was to acquire and bring back texts on the Buddhist monastic rules and precepts (Vinaya) for Chinese monks.

When Buddhism was first introduced to China, in the first century C.E., missionaries from India and Central Asia brought texts consisting of the fundamental teachings of the Buddha, but not those concerning the monastic rules, the Vinaya. The monastic rules were considered important only for those who had renounced secular life to become monks and form an organized sangha (community of monks). But there were not yet many monastics or would-be monastics in the early stages of the propagation of Buddhism in China. Much later, during the third century C.E., the Central Indian monk Dharmakāla introduced the Vinaya to China. Dharmakāla came to Luo-yang in the Jia-ping period (249–254), during the reign of Prince Qi of the Wei dynasty (220–265). He was learned in both Mahayana and Hinayana canonical works and Vinaya texts.

Though there were at the time some who had decided to lead a religious life according to Buddhist teachings, they could hardly be called *bhikṣus* (monks) in the strict sense of the term. These unordained recluses shaved their hair to distinguish themselves from the laity. But as they had not studied the Vinaya, which provided rules for the monks' daily activities and ordination ceremonies, and spelled out how to form a legitimate sangha, they knew nothing of the proper lifestyle of a *bhikṣu*. These renunciants asked Dharmakāla to translate the Vinaya texts into Chinese.

Dharmakāla thought that the *Vinaya-piṭaka*, the entire corpus of Vinaya texts, was too voluminous to be translated into Chinese, and that other doctrinal texts, rather than Vinaya texts, should be introduced first. So he translated only a short text, the *Mahāsāṃghika-vinaya-hṛdaya*. He also initiated the ceremony of ordination for Chinese monks. This constituted the introduction of the Vinaya to China.

At about the same time in Loyang, from 254–256, Dharmakīrti, a monk from Parthia, translated the *Dharmagupta-karman* into Chinese. The *Bhikṣuprātimokṣa* must have also been translated into Chinese around this time as well, for an extant record indicates that Sun Hao, the ruler of Wu (r. 264–280), wished to read the *Bhikṣuprātimokṣa* but was not allowed to do so, as the text was written exclusively for monks and was not for laypeople.

This, then, is the historical situation that inspired Faxian to undertake a perilous journey to India in order to seek more Vinaya texts. He departed from Chang-an in 399.

A few years later, on the seventeenth day of the tenth month in 404, Puṇyatara, a monk from Kaśmīra (present-day Kashmir), began the work of translating into Chinese a more complete Vinaya text, the *Sarvāstivāda-vinaya*, in cooperation with the monk Kumārajīva. But Puṇyatara died before completing the work, having translated only about two-thirds of the text, and the work was suspended. Dharmaruci, a monk from Kucha, who arrived in the Chinese capital in 405, was asked to continue the translation with Kumārajīva, who died in 409 (or 412, according to some sources). The translation of this important text was begun while Faxian was traveling in India. Had such a comprehensive Vinaya text been available in Chinese a few years earlier, Faxian would probably not have risked his life to go to India.

In 410, Buddhayaśas translated into Chinese the *Dharmagupta-vinaya*, in sixty fascicles. This Vinaya text was later studied and followed by the majority of Chinese Buddhist monks. Faxian also obtained the original Sanskrit version of this text in India.

But, after returning to China, he did not translate the text, perhaps because it had already been translated by Buddhayaśas.

Faxian's major contribution was his translation of the *Mahā-sāṃghika-vinaya*, in forty fascicles. He completed this work around 418 with the help of Buddhabhadra, a native of Kapilavastu. Around the same time, Buddhabhadra translated the *Avatamsaka-sūtra* at Jiankang (present-day Nanjing).

Faxian also brought back to China the Sanskrit text of the *Mahīśāsaka-vinaya*, but did not translate it. In 424, four years after Faxian's death, Buddhajīva, a monk from Kaśmīra, translated this text into Chinese in an edition of thirty fascicles.

Faxian appears to have been a man of iron will. At the age of sixty-five he faced the hardships of travel and returned home an old man of seventy-nine. He had only seven years remaining in which to fulfill his ambition of propagating the Vinaya in China. But he was able to bring back many Vinaya texts that were then unknown in China, so his journey was a success. Furthermore, he has given to posterity an account of his travels to India and to the countries of Central Asia that describes not only the state of Buddhism at the time, but also the cultures and customs of the people he met during his fourteen years abroad.

Faxian had three elder brothers, all of whom died young. Fearing that Faxian might suffer the same fate as his brothers, his father sent him to a monastery to become a novice at the tender age of three. His father believed that monastic life would ward off premature death. Faxian died a monk at the ripe old age of eighty-six at Xin Monastery in Jinzhou, in the present-day province of Hupei.

Several editions of this work have appeared in different collections of the Tripiṭaka and separate editions have been published by individuals. It is therefore inevitable that variant readings may appear. Texts were hand-copied and it was very easy for scribes to make mistakes. Because most Chinese characters are similar in structure, they may be easily misread by a careless scribe. There

are ambiguous sections in the text due to errors of transcription, and readers of later generations must correct them through comparative studies and textual research.

Some mistakes are obvious. For instance, at the beginning of this work, Faxian is said to have started his journey “in the second year of Hong-shi, the cyclical year of Ji-hai.” This is a self-contradictory statement—the second year of Hong-shi falls in the cyclical year of Geng-zi (400), not Ji-hai. If it were Ji-hai, then it would have to have been the first year of Hong-shi (399). The Chinese characters for “Ji-hai” are more complicated in structure and hence less liable to be miswritten than the character for “one,” which is simply a short horizontal stroke. A careless transcriber may add another short horizontal stroke to it and create the character for “two” (or second). Thus the character indicating the cyclical year of Ji-hai is more likely to be correct than the simple character for the number “two.” This is proved by collateral evidence provided by other works, such as the *Biographies of Eminent Monks* compiled by Huijiao of the Liang dynasty. The third fascicle of that work relates that Faxian left Chang-an in the third year of the Long-an period (397–401) of the Jin dynasty, which corresponds to 399 C.E.

In this translation, I followed the text contained in the Taishō edition of the Tripitaka, with a few exceptions where the context required me to follow the readings given in the footnotes rather than those in the text itself.

In the epilogue to his edition of the *The Life of Faxian*, Hu Zhenheng, a scholar who flourished during the Wan-li period (1573–1620) of the Ming dynasty (1368–1644), pointed out some editorial inconsistencies in the text. Since they do not affect the contents of this work as a whole, I will refrain from going into detail about his remarks.

**THE JOURNEY OF THE  
EMINENT MONK FAXIAN**

A Record of the Journey to India of Shi Faxian,  
a Śramaṇa of the Eastern Jin Dynasty (317–420)



While Faxian was living in Chang-an, he deplored the fact that the *Vinaya-piṭaka* was incomplete. Thus, in the second year of Hong-shi, the cyclical year of Ji-hai, he set out for India with his intimate friends Huijing, Daozheng, Huiying, and Huiwei to seek Vinaya texts.

857a4

Beginning the journey in Chang-an, they crossed the Long Mountains and reached the country governed by Qifu Quiangui. There they spent the summer in retreat. After the summer retreat, they proceeded to the country ruled by the Tufa Rutan and crossed the Yang-lou Mountains before reaching the garrison town of Zhang-ye, which was then in great turmoil. The roads were impassable. Out of hospitality, the Prince of Zhang-ye invited them to stay and acted as their supporter. Thus they met [the monks] Zhiyan, Huijian, Sengshao, Baoyun, and Sengjing. Pleased to learn that they were all traveling for the same purpose, the monks stayed together to observe the summer retreat.

When the summer retreat was over, they proceeded to Dun-huang, where there was a fortified region about eighty *li* from east to west and forty *li* from south to north. They stayed there for over a month, then Faxian and his group, five persons in all, parted from Baoyun and the others and resumed the journey with a messenger. Li Hao, the governor of Dun-huang, provided them with the necessities required to sustain life when crossing the desert. In the desert there were many evil spirits and frequent hot winds. Those who encountered them all died; none could hope to escape with a whole skin. Not a bird flew above, nor any beast roamed below. As far as the eye could see, there was no road anywhere on which to cross the desert. Only the skeletons of dead persons served as road markers.

After traveling for seventeen days, covering a distance of about fifteen hundred *li*, the group reached the country of Shan-shan. It was a rugged and barren land. The laypeople dressed in roughly the same manner as the Han people, except that their garments were made of felt or coarse cloth. The ruling prince professed the Dharma, and there were about four thousand monks,



all belonging to the Hinayana school. All the laypeople and monks of the various countries practiced the Dharma of India, some of them more strictly and some less so. From here westward, all the countries [of Central Asia] were similar in that while the indigenous languages differed from country to country, all the monks studied the old Indian texts and languages.

Having stayed there for one month, the group then continued their journey to the northwest. After fifteen days, they reached the country of Agni. In this country there were also about four thousand monks of the Hinayana school who observed the Dharma in a perfect manner. Monks from China were not accepted as members of the sangha. With the help of Fu Gongsun, a monk serving in the refectory, Faxian stayed there for more than two months and then rejoined Baoyun and the others.

857b The people of Agni lacked training in the rules of courtesy and treated their guests inhospitably. So Zhiyan, Huijian, and Huiwei returned to Gao-chang with the intention of procuring necessities for the journey, while Faxian and his group proceeded directly southwest with the supplies provided by Fu Gongsun. There were no inhabitants along the way and the journey was very difficult. The hardships they experienced were beyond human understanding.

After one month and five days' travel, they managed to reach Khotan. In this rich and happy country the people lived in prosperity and believed and took delight in the Dharma. The monks numbered in the tens of thousands and most of them studied Mahayana Buddhism. Adequate food was given to the community of monks. The people of this country were as numerous as the stars in the sky. Each house had a small stupa erected in front of the door, the smallest ones being about twenty feet in height. There were dwellings to provide lodgings and other requisites for guest monks from the four quarters.

The lord of the country lodged Faxian and his party in a monastery called Gomati. It was a Mahayana establishment. Three thousand monks partook of their meals together at the sound of

a drum. When they entered the refectory, they behaved with sedate propriety and took their seats in due order. All was quiet, and they used their almsbowls without making any noise. When they wished to refill their bowls, they were not allowed to call out, but would simply wave their hands at the attendants.

Huijing, Daozheng, and Huida went on ahead to the country of Khaśa, while Faxian and the others, wishing to witness the image-welcoming procession, remained behind for three months.

In this country, there were fourteen large monasteries, not counting the smaller ones. Starting on the first day of the fourth month, the streets of the city were swept clean and sprinkled with water, and the lanes and roads were decorated. A large canopy was stretched over the city gate, and everything was well adorned. The king and his queen, along with their maidservants, were seated under the canopy at the city gate. The king respected the monks of Gomati Monastery who belonged to the Mahayana school, so they were the first to parade their Buddha image in the procession.

At a distance of three or four *li* from the city, a four-wheeled cart over thirty feet high had been constructed in the shape of a mobile shrine. It was beautifully adorned with the seven kinds of precious stones, silk pennants, and canopies. Attended by two bodhisattvas, the image stood in the middle of the cart, while a retinue of celestial beings carved in gold and silver were suspended in the air.

When the image arrived at a point about a hundred paces from the city gate, the king took off his crown and changed into fresh clothing. Going barefooted and holding flowers and incense in his hands, he went out of the city to receive the image, with his attendants following behind him. He saluted the image's feet, scattered flowers, and burned incense. When the image was entering the city, the queen and her maidservants on the tower of the city gate scattered various kinds of flowers, which rained down in profusion. Such adornments and offered items were different for each cart. Each monastery was assigned one day to parade its images. The procession started on the first day of the fourth month and ended

on the fourteenth day. At the conclusion of the image procession, the king and queen returned to their palace.

Seven or eight *li* to the west of the city, there was a monastery called New Royal Monastery, which had been built eighty years before. Its construction went on through the reigns of three kings. A composite structure made of various kinds of precious substances, the monastery was about two hundred fifty feet in height, decorated with ornamental engravings and hollow carvings, and covered with gold and silver foil. At the back of a stupa, there was a beautiful and magnificent shrine hall for the Buddha's image. All the beams, pillars, doors, and windows of the shrine were adorned with golden foil. Apart from this, there were monks' living quarters, which were also decorated in a manner splendid beyond description. The costly jewels in the possession of the kings of the six countries east of the Pamirs were mostly presented as offerings to the monasteries and seldom used for personal adornment.

857c

After the conclusion of the image procession in the fourth month, Sengshao set out for Kaśmīra with a foreign monk. Faxian and his group proceeded to the country of Kukyar and reached it after a journey of twenty-five days. The king of this country was energetically engaged in Buddhist learning. There were more than a thousand monks, most of whom belonged to the Mahayana. Having stayed here for fifteen days, the group traveled southward into the Pamirs for four days and reached the country of Ladakh, where they sojourned for the summer retreat. When the summer retreat was over, they traveled through the mountains for twenty-five days, reaching the country of Khaśa, where they rejoined Huijing and the others.

At that time, the king of Khaśa was holding the *pañcavārṣika* (quinquennial assembly), to which large numbers of monks from the four quarters were invited. At the assembly, the monks' seats were adorned and canopies were suspended in the air. Gold and silver lotus flowers were placed at the back of their seats. Clean mats were placed on the ground for the monks to sit on.

The king and his ministers made offerings to the monks according to Buddhist tradition for one, two, or three months, usually in the spring. At the conclusion of the assembly, the king advised his ministers to make offerings to the monks for one, two, three, five, or up to seven days. When all offerings had been made, the king himself fitted his own horses with saddles and bridles, and gave them to high-ranking ministers of the country, bidding them to ride them to offer the monks various things, such as white felt, gems, and other things the monks needed. The king and his ministers offered these things, having made their vows. These alms, however, were later exchanged for other items the monks needed.

This country was mountainous and cold, and no grain but wheat could be cultivated there. At the time the monks ended their summer retreat, the mornings would often become frosty. Thus the king usually asked them not to hold their summer retreat until after the wheat had been harvested.

In this country there was a stone spittoon once used by the Buddha. Its color was the same as the Buddha's almsbowl. There was also a tooth of the Buddha, for which the people of the country erected a stupa. There were more than a thousand monks, all belonging to the Hinayana. To the east of these mountains, the garments of the laypeople were like those in China, except that they were of felt and coarse cloth. The monks' religious utensils were so superior that it is impossible to describe them in detail. This country was in the middle of the Pamirs. From here onward the plants, trees, and fruits were all different, except that the bamboo, pomegranate trees, and sugarcane were the same as in the land of the Han people (China).

From here [Faxian and his party] proceeded westward to India. After a month's travel they crossed the Pamirs, where there was snow in summer as well as in winter. There was a venomous dragon which, if angered, would snort out noxious gas or cause rain, snow, or sandstorms. Not one person out of ten thousand who encountered this disaster escaped safely. Local people called this place the Snow Mountains.

858a

After crossing the Pamirs, they reached India. On its borders there was a small country called Darada, where there were also many monks, all learning Hinayana Buddhism. Formerly there was an arhat in this country who, by his supernatural power, led a skillful artisan to the Tuṣita Heaven to observe the height and features of Maitreya Bodhisattva so that after returning to this world the artisan could carve a wooden statue of the bodhisattva. The artisan ascended to the [Tuṣita Heaven] three times to observe before he completed the statue. The statue was eighty feet in height and eight feet wide at the pedestal, and it often emitted light on festival days. The kings of different countries vied with each other in making offerings to the statue. It is still standing there.

From here they traveled southwest along the mountain range for fifteen days on a difficult path that was full of obstacles. The crags rose to a formidable height and there was nothing but precipitous rocks towering high in the mountains. One would feel dizzy when looking down from above, and there was no foothold for proceeding along the way. Below flowed a river called the Indus. The ancients had hewn a stairway-like path out of the rocks that had seven hundred steps. After climbing the stairway, the party crossed the river by walking carefully over a rope suspension bridge. The banks of the river were nearly eighty paces apart. According to the archives about distant countries, even Zhang Qian and Gan Ying did not get as far as this place.

The monks asked Faxian, “When was Buddhism introduced to the East?”

He replied, “I have inquired of the people in the East, and they all said that Buddhism was handed down by people of ancient times. Since the raising of the image of Maitreya Bodhisattva, Indian monks have crossed this river with sutras and Vinaya texts. That image was set up about three hundred years after the Buddha’s *parinirvāṇa*, corresponding to the reign of King Ping of the Zhou dynasty (1122–256 B.C.E.). With this in view, we may say that the dissemination of the Great Religion dates from the time of that image. If Maitreya Bodhisattva had not succeeded to

the Dharma of Śākyamuni Buddha, who else could have spread the Triple Gem and enabled the people of the borderlands to understand the Dharma? We may be sure that the commencement of this mysterious event was not the work of men, and there must be a reason for the dream of Emperor Ming of the Han dynasty” (206 B.C.E. – 220 C.E.).

After crossing the Indus River, the group reached the country of Udyāna. This kingdom was located in Northern India, but all the people spoke the language of Central India, which was known as the Middle Kingdom. The laymen’s dress and food were also the same as in the Middle Kingdom, and Buddhism flourished there. The monks’ dwelling places were called *saṃghārāmas*, and there were altogether five hundred *saṃghārāmas*, all belonging to the Hinayana school.

When a guest monk arrived, the resident monks would host him for three days, after which he would be asked to find his own lodgings. Tradition says that the Buddha came to Northern India and it was this country that he visited. He left his footprints there, and they may be long or short according to who looks at them. It is still so today. The rock on which the Buddha aired his robe and the place where he converted an evil dragon were also there. The rock was fourteen feet high and about twenty feet wide, with one flat side.

Huijing, Huida, and Daozheng continued their journey to the country of Nagarahāra, where there was an image of the Buddha. Faxian and his group stayed behind in Udyāna for the summer retreat. After the summer retreat, they traveled south to the country of Suvastu, where Buddhism also flourished. This was the place where Indra once transformed himself into a hawk and a dove to test the Bodhisattva [Śākyamuni], who cut off a piece of his own flesh to give the hawk in order to save the dove. After he had attained enlightenment, the Buddha once came to this place with his disciples in the course of his travels. The Buddha told the [people of Suvastu], “This is the place where I once cut off my flesh to ransom a dove.” Thus the people of that country came to know

858b

about it. They built a stupa at the spot and adorned it with gold and silver ornaments.

Proceeding eastward down from there for five days, they reached the country of Gandhāra, which was once under the rule of Dharmavivardhana, the son of King Aśoka. When the Buddha was still a bodhisattva, he gave away his eyes as alms to others in this country. There was also a huge stupa adorned with gold and silver ornaments on this spot. Most of the people in this country studied Hinayana teachings.

Seven days' journey to the east, there was a country called Takṣaśilā, meaning "decapitation." When the Buddha was a bodhisattva in a former life, he gave away his head as alms at this place; hence the name. Going further east for two days, they came to the place where the Buddha once gave his body to feed a starving tigress. At both of these places large stupas had been raised and adorned with various precious ornaments. The kings, ministers, and people of different countries vied with one another in making offerings. The practices of scattering flowers and lighting lamps at the stupa never ceased. The people of that land called these two stupas and the two mentioned earlier the Four Great Stupas.

Traveling south from Gandhāra for four days, the group came to the country of Puruṣapura. Once, when the Buddha traveled to this country with his disciples, he said to Ānanda, "After my nirvana, a king by the name of Kaniṣka will build a stupa at this place."

King Kaniṣka later appeared in the world. He once went on a pleasure trip. Indra, intending to enlighten him, transformed himself into a shepherd boy who was making a stupa by the roadside. The king asked him, "What are you doing?"

The boy replied, "I am making a Buddha stupa."

The king remarked, "That is a very good deed."

Then the king built a stupa more than four hundred feet high right over the one made by the shepherd boy. He decorated it with various kinds of precious ornaments. None of the stupas and temples [Faxian and the group] had seen on the way could compare

with this one in magnificence and grandeur. It was generally said that this stupa was the most splendid in all of Jambudvīpa. When the construction of King Kaniṣka's stupa had been completed, the smaller one, which was about three feet high, emerged on the south side of the larger one.

The Buddha's almsbowl was kept in this country. The king of Yuezhi dispatched a great force to attack the country in ancient times, with the intention of acquiring the almsbowl. Having subdued the country, the devout Buddhist king of Yuezhi made rich offerings because he wanted to take away the almsbowl. He presented offerings to the Triple Gem, then caparisoned a huge elephant and placed the bowl upon it. But the elephant crouched on the ground and would not move forward. Then the king made a four-wheeled cart that was hitched to eight elephants, and the bowl was placed on it. But the cart could not move. The king realized that it was not time for him to own the Buddha's almsbowl. With a sense of deep shame and remorse [at his deeds], he built a stupa and a monastery on the spot, and guardians were stationed there to make all kinds of offerings.

There were about seven hundred monks there. They brought out the bowl every day when it was nearly noon to receive the alms offered by the laypeople. Then they partook of their midday meal. In the evening they brought it out at the time of burning incense. The vessel could contain about two pecks and was multicolored, with black predominating. Its four layers were distinctly visible. About a fifth of an inch thick, it has a brilliant luster. It could be filled to the brim with a few flowers offered by a poor man, but a rich man could never fill it even with a hundred, a thousand, or ten thousand bushels of flowers.

858c

Baoyun and Sengjing made offerings to the Buddha's almsbowl, and then started on their return journey. Huijing, Huida, and Daozheng went ahead to the country of Nagarāhāra to make offerings to the Buddha's image, tooth, and skull. Huijing fell ill, so Daozheng stayed behind to attend to him, while Huida went back to Puruṣapura alone to rejoin the others and he then returned



to China with Baoyun and Sengjing. Huijing passed away at the temple of the Buddha's almsbowl. Thus Faxian traveled alone to the temple of the Buddha's skull.

Going west for sixteen *yojanas*, he reached the city of Hiḍḍa on the border of Nagarahāra, where the temple of the Buddha's skull was. The whole temple was covered with golden foil and decorated with the seven precious gems. Out of respect for the skull, and hoping to safeguard it, the king had selected eight noblemen of the country and asked each of them to hold a seal of the temple. Early in the morning, the eight noblemen would gather, each to inspect his own seal. Then they opened the door. After the door was opened, they would wash their hands with scented water, bring out the skull, and place it on a high platform outside the temple.

The skull was set on a circular stand made of the seven precious gems, and covered with a lapis lazuli cup adorned with pearls and gems. Its color was yellowish white, and it was four inches across with a protuberant cranium. Every day when it was taken out, the residents of the temple ascended a lofty tower to beat a large drum, blow a conch, and strike cymbals. Upon hearing the sound, the king went to the temple to offer flowers and incense. Then he and his attendants worshiped the skull in due order and left the temple. The king entered the temple by the eastern gate and left by the western gate.

The king worshiped the skull with offerings in this manner every morning, and did not attend to state affairs until he had done so. The laymen and elders, too, made their offerings before attending to their household duties. The people did this every day, never tiring of it. After all offerings had been made, they returned the skull to the temple and kept it in a stupa called Emancipation, which was made of the seven kinds of jewels. The stupa was about five feet high and it could be opened and closed.

Every morning in front of the gate of the temple, vendors sold flowers and incense. Worshipers purchased them to make offerings. The kings of various countries also constantly sent envoys to make

offerings. The site of this temple, about thirty paces square, never trembled even during thunderstorms or earthquakes.

Proceeding northward for one *yojana*, Faxian reached the capital of Nagarahāra, where the Bodhisattva in one of his former lives had purchased with silver coins five lotuses to offer to the Buddha Dīpaṅkara. In this city there was a stupa in which was enshrined a tooth of the Buddha. The tooth was worshiped in the same manner as the skull.

One *yojana* to the northeast of the city, Faxian came to a valley. There a staff once used by the Buddha was enshrined in a temple. The staff was made of red sandalwood, about sixteen or seventeen feet long, and was kept in a wooden tube, which even a hundred or a thousand men could not move.

859a

At a place four days' journey toward the west of the valley, there was a *saṃghāṭī* robe of the Buddha, which was enshrined in a temple. Whenever a drought occurred in this country, the people would bring out the robe to worship it and make offerings to it, and then rain would come down in torrents.

Half a *yojana* south of the city of Nagarahāra, in a mountain facing southwest, there was a grotto in which the Buddha had left his image. Viewed from a distance of about ten paces, it looked just like the Buddha's true form with golden features issuing brilliant light. But the nearer one went to it, the less distinct it became. It looked like a dim shade. The kings of various countries had sent skillful artists to copy it, but none could succeed in doing so. It was said by the people of that country that all the thousand Buddhas had left their images [in this grotto].

About four hundred paces to the west of the image was a place where the Buddha, when he was in this world, once shaved his hair and pared his nails. With their own hands, the Buddha and his disciples built a stupa that was seventy to eighty feet high. The stupa was still standing there as a model for future stupas. Beside it there was a monastery with over seven hundred monks living in it. This monastery had as many as a thousand stupas that were built in memory of various arhats and *pratyekabuddhas*.

Faxian and two others stayed [at that place] for three months during the winter, then headed south across the Lesser Snow Mountains, which were covered with snow in summer as well as in winter. While they were passing through the shaded northern side of the mountains, a sudden icy blast swept down and made them shiver in the bitter cold. Huijing could proceed no further. White foam oozed from his mouth. He said to Faxian, "I am done for. You should leave me now. Don't perish with me." Thereupon he passed away.

Faxian held him and cried out, "You have died without attaining your goal. What can we do about it?"

Faxian gathered his strength to forge ahead and succeeded in crossing the mountains to go south to the country of Lakki. [In that place] there were nearly three thousand monks who studied both the Mahayana and the Hinayana. Faxian stayed in this country for the summer retreat, then went south and reached the country of Varāṇa after ten days' travel. There were also about three thousand monks there, all of whom belonged to the Hinayana school.

Proceeding from [Varāṇa] eastward for three days, he again crossed the Indus River, where the land was flat on both banks. Beyond the river was a country called Bhiḍa, where Buddhism flourished and both the Mahayana and Hinayana teachings were studied.

On seeing a monk coming from China, the people were greatly moved and remarked, "How is it that a man of the borderland could have become a monk to practice the Way and come so far to seek Buddhism?" They provided Faxian with all he needed and treated him with courtesy.

In the course of traveling southeast for nearly eighty *yojanas*, Faxian passed by a great number of monasteries inhabited by some ten thousand monks. Having passed through these places, he came to the country called Mathurā, where he again crossed the Yamunā River. On both sides of the river were twenty monasteries with about three thousand monks. Buddhism flourished there.

All the kings of the Indian countries west of the desert were devout believers in the Buddha-Dharma. When they offered alms to the monks, they would take off their crowns. Together with their relatives and ministers, they would serve food to the monks with their own hands. When the meal was over, they would spread a carpet on the ground to sit on in front of an elder monk. In the monks' presence they dared not sit on couches. The manner in which a king made offerings during the Buddha's lifetime has been handed down to the present time.

859b

The region to the south of this country was known as the Middle Kingdom. There the climate was temperate, without frost or snow. The people were well off and happy; they were not placed under household registration or official restrictions. Those who tilled the king's land were asked only to pay land rent and were free to quit or stay as they pleased. The kings ruled without recourse to capital punishment. Offenders were only obliged to pay a penalty according to the nature of the offense. Even those who plotted high treason only had their right hands cut off [as punishment].

The king's guards and attendants received regular provisions and compensation. All the people in this country refrained from slaughtering living creatures, drinking intoxicants, and eating onion and garlic, with the exception of the *caṇḍālas* (outcasts), who were considered "evil men" and were segregated from the others. Whenever, they entered a town or a marketplace, they would strike a piece of wood to identify themselves, so that other people might know [they were coming] and avoid encountering them. In this country no pigs and fowl were raised and no living creatures were sold [at market]. There were no butchers or winesellers in the markets. For trading the people used cowrie [shells] as money. Meat was sold only by *caṇḍāla* fishermen and hunters.

After the Buddha's *parinirvāṇa*, the kings, elders, and lay Buddhists constructed monasteries for monks and provided them with fields, houses, gardens, husbandrymen, and farm cattle, all of which were specified in title deeds inscribed on iron sheets. Those iron sheets were handed down from king to king. As none had

dared to nullify these deeds, they were still in force. The resident monks were furnished with living quarters, beds and bedding, food, drink, and garments; nothing was wanting or in short supply. Such was the case everywhere.

The monks always practiced virtuous deeds as their duty. They recited scriptures or sat in meditation. When a guest monk arrived, the resident monks would receive him cordially, carry his robes and almsbowl for him, bring water for washing his feet and oil for anointing them, and provide him with a non-mealtime beverage. After [the guest had] rested briefly, they would inquire as to how many years he had been a monk. Then, according to his seniority, they arranged a room furnished with bedding and other things for him. They did these things according to the Vinaya.

At the places where the monks dwelled, there were stupas built in honor of Śāriputra, Maudgalyāyana, or Ānanda, and stupas in honor of the Abhidharma, the Vinaya, and the Sutras (the three divisions of the Tripiṭaka). One month after the summer retreat, those families who wished to accumulate merit would collect alms for the monks and distribute a collection for a special occasion. The monks would meet in a great assembly to preach the Dharma. When the preaching was over, various flowers and incense were offered to the stupa of Śāriputra. Lamps were kept burning throughout the night.

Actors were employed to reenact the story of Śāriputra who, when he was a brahman, had gone to seek permission from the Buddha to become his disciple. The stories of Mahāmaudgalyāyana and Mahākāśyapa were also staged in the same way. Many nuns made offerings to the stupa of Ānanda, as he had asked the Buddha to permit women to join the sangha. Many novices made offerings to the stupa of Rāhula; Abhidharma teachers, to the stupa of Abhidharma; and Vinaya teachers, to that of the Vinaya. Each group made offerings once a year on its specific day. The Mahayana Buddhists made offerings to Prajñāpāramitā, Mañjuśrī, and Avalokiteśvara.

At the conclusion of the summer retreat, when the monks added one more year to their monastic age, the elders, lay Buddhists, brahmins, and others brought all kinds of robes and other things needed by the monks and presented them as offerings. The monks shared these gifts among themselves. Since the Buddha's nirvana, such rules of conduct as those observed by the holy monks had been handed down.

859c

After [Faxian and his party] crossed the Indus River and entered Southern India, they traveled forty or fifty thousand *li* to the sea in the south. All the land was flat without large mountains and valleys. It had only rivers and streams.

At a distance of eighteen *yojanas* to the southeast, there was a country called Sāṅkāśya. This was the place where the Buddha descended from the Trāyastriṃśa Heaven after going up there to preach the Dharma to his mother for three months. The Buddha ascended to heaven by his spiritual power, without letting his disciples know about it. But after seven days he showed his miraculous power of flight, and Aniruddha, with his power of clairvoyance, saw the World-honored One from a great distance. He said to the Venerable Maudgalyāyana, "Please go and salute the World-honored One."

Maudgalyāyana went to worship the Buddha. He fell at his feet and exchanged greetings with him. The Buddha said, "After seven days, I shall descend to Jambudvīpa." Then Maudgalyāyana returned to earth.

Now the great kings, ministers, and people of the eight countries (i.e., countries of the eight directions, everywhere) had not seen the Buddha for a long time and were eager to see him. They assembled in this country to wait for the World-honored One.

A nun named Utpalā thought, "Today all the kings and people will meet the Buddha. But I am a woman. How can I see him first?" Thereupon she transformed herself by supernatural power into a holy *cakravartin* (universal monarch) to worship the Buddha before all the others.

When the Buddha descended from the Trāyastriṃśa Heaven, there appeared in the air three jewel-ladders. The Buddha walked down the central one, which was made of the seven kinds of gems. The heavenly king Brahmā also caused a white silver stairway to appear at the right side, on which he attended the Buddha with a white whisk in his hand. Indra created a purple golden stair on the left side, on which he attended the Buddha with a canopy made of the seven kinds of gems. Innumerable heavenly beings followed the Buddha down to earth.

When the Buddha had come down, all three ladders, with the exception of seven steps, sank into the ground. King Aśoka later wished to learn the depth of those steps and commanded men to dig in the ground. But they could not reach the base even though they had dug down to the Yellow Spring, the deepest place in the earth. Thus the king's faith was strengthened and he had a temple built over the steps. On the middle ladder, a sixteen-foot statue of the standing Buddha was raised. Behind the temple a stone pillar was planted. It was twenty cubits tall and had a lion carved on its top. On the four sides of the pillar were engraved images of the Buddha, as lustrous and transparent as glaze.

Once a heretical teacher came to contend with the monks for the right to live there. When the monks were defeated in argument, they swore in unison that if that place was really a dwelling for monks, there should be a miracle to prove it. When these words were spoken, the lion on top of the pillar roared aloud to prove it. The heretic was frightened and withdrew in humiliation.

860a As the Buddha had received heavenly food for three months, his body effused a celestial fragrance unlike that of earthly men. He bathed himself and at that spot people of a later time constructed a bath that was still standing there. A stupa was also built at the place where the nun Utpalā first worshiped the Buddha. In addition, stupas were built to enshrine the Buddha's hair and nails, which he had cut while he was living in this world, and to mark the places where three former Buddhas and Śākyamuṇi

Buddha had engaged in sitting or walking meditation and the places where there were images of various Buddhas. All these stupas remained intact. Stupas were also built at the places where Indra and Brahmā had descended with the Buddha.

At this place there were about a thousand monks and nuns who shared the food provided by the public and studied both Mahayana and Hinayana teachings. At their dwelling places a white-eared dragon served as their supporter. It brought about rich harvests and caused rain in the proper seasons, preserving the country from all calamities and enabling the monks to live in peace. Being grateful for its favor, the monks built a house for the dragon with a seat in it, and also prepared sacrificial food for the dragon. Every day three monks were selected to separately take meals into the dragon's house. At the end of each summer retreat, the dragon assumed the form of a little serpent with white ears. Recognizing it, the monks would put it in a copper vessel full of curd and carry it in procession from the seat of the highest monk to that of the lowest, as if to pay respects to it. After that [the serpent] would disappear. It came out once every year.

This country was rich and fertile, and the people were prosperous and happy. People coming here from other countries were looked after and provided with all they needed.

Fifty *yojanas* north of this monastery, there was a temple called Agnigocara, which was the name of an evil spirit. At the spot where Buddha had converted the evil spirit, people of a later time built a temple and offered it to an arhat. Once the arhat washed his hands and spit some water on the ground, the traces of which were still there and could always be seen in spite of constant sweeping.

There was another Buddha stupa at this place, which was always swept clean by a good spirit, without the help of men. An evil king said, "Since you can clean everything, I will station a large number of soldiers here, who will pile up filth and excrement. Will you be able to clear all that away?" The spirit then caused a gale and cleaned the place.



At this place there were about a hundred small stupas. Even if one tried to count the exact number of these stupas for a whole day, one could not do it. Those who insisted on knowing the number placed a man at each stupa and counted the men. But the number of men was sometimes more and sometimes less, and it was impossible to determine the exact number of stupas.

There was another monastery with six or seven hundred resident monks. In this monastery there once was a place where a *pratyekabuddha* took his meal and entered nirvana. The place is the size of a cartwheel. There was grass growing all around but not on that spot. Nor did any grass grow on the place where the *pratyekabuddha* had aired his robes. The traces left by the stripes of his robes were still there on the ground.

860b Having spent a summer retreat at the Dragon Temple, Faxian traveled southeast for seven *yojanas* to Kanyākubja, a city on the Ganges. It had two monasteries, both belonging to the Hinayana school. Six or seven *li* west of the city, on the northern bank of the Ganges, was a place where the Buddha once preached the Dharma to his disciples. Tradition says that he expounded the teachings of impermanence, suffering, and emptiness, and compared the human body to a bubble or foam. A stupa was built at the spot, and it was still there.

Crossing the Ganges and proceeding south for three *yojanas*, Faxian came to a village called Hari. Here stupas were built at places where the Buddha once preached the Dharma and engaged in sitting and walking meditation.

Traveling ten *yojanas* toward the southeast, he arrived at the great country of Vaiśākha. On the east side of a road, outside the southern gate of this city, there was a willow tree. After chewing a piece of willow twig to clean his teeth, the Buddha inserted it into the ground. There it grew into a tree exactly seven feet high, neither increasing nor decreasing in size. Out of jealousy, heretical brahmins often chopped down the tree, or pulled it out and threw it away. But each time another tree grew up at the same place as before. In this village stupas were also built at the spots where the

four Buddhas engaged in walking and sitting meditation. The ruins were still there.

Going southward from there for eight *yojanas*, Faxian reached the city of Śrāvastī in the country of Kosala. This city was sparsely populated, having only about two hundred houses. It was once ruled by King Prasenajit. In this city stupas were constructed by people of later times near the ruins of the *vihāra* of Mahā-prajāpatī, at the old residence of the elder Sudatta, and at the spot where Aṅgulimāla's remains were cremated after he had attained arhatship and entered *parinirvāṇa*. Out of jealousy, the heretical brahmans of the city attempted to demolish these stupas, but the heavens sent thunder and lightning so that they could not destroy the stupas after all.

On the west side of the road, twelve hundred paces from the southern gate of the city, there was a monastery built by the elder Sudatta. Facing east, the door of the monastery was flanked by two stone pillars. The capital of the left pillar was carved in the shape of a wheel, and on the top of the right one stood a statuette of an ox. The water flowing in the stream was clear on both sides of the monastery and there were many trees. Flowers of different colors made the place a lovely sight. This was known as the Jetavana Vihāra.

When the Buddha ascended to the Trāyastriṃśa Heaven to preach the Dharma to his mother for ninety days, King Prasenajit, eager to see his features, had an image of him carved out of ox-head sandalwood and put it on the place where the Buddha usually sat in meditation. When the Buddha returned to the *vihāra*, the image left its seat and went out to meet him. The Buddha said to it, "Go back to your seat. After my *parinirvāṇa*, you may serve as a model from which the four groups of my followers can make images." The image returned to the seat. This was the first image ever made of the Buddha, and it served as a model for Buddha images for people of later generations. Then the Buddha moved to a smaller *vihāra* twenty paces to the south of the one occupied by the image.

Originally the Jetavana Vihāra had seven stories. The kings and people of different countries vied with one another in making offerings to this *vihāra*. Silk pennants and canopies were hung in the *vihāra*, flowers were scattered, and incense was burned. Lamps were lit every day, [and they burned] continually without interruption. Then it happened that a rat carried off in its mouth the wick of a lamp, which ignited the flowers, pennants, and canopies, and reduced the seven-storied *vihāra* to ashes. The kings and the people of different countries lamented and thought that the sandalwood image must also have been consumed by the fire. But four or five days later, when they opened the door of the smaller *vihāra* on the east, they discovered, to their great delight, that the image was intact. They rebuilt the *vihāra* as a two-story [building] and returned the image to its former place.

860c Upon arriving at the Jetavana Vihāra, Faxian and Daozheng reflected that this was the place where the World-honored One had lived for twenty-five years. They felt sad. They and their friends had been born in a far-off country and had traveled together through many lands, and some had passed away [during the journey]. As they gazed at the place where the Buddha was no more to be seen, they were deeply moved and their hearts were filled with sorrow.

The monks of the *vihāra* came out to ask Faxian and his friend, “Where have you come from?”

They replied, “We have come from China.”

The monks remarked with amazement, “How wonderful it is that men from a far-off country have come all this way to seek the Dharma!” Then they said among themselves, “None of the teachers in our line of succession has ever seen a Chinese monk come here.”

Four *li* to the northwest of the *vihāra*, there was a wood called Sight Recovery. There were once five hundred blind men near the *vihāra*. They had all recovered their sight when the Buddha preached the Dharma to them. Overwhelmed with delight, they thrust their staffs into the ground and prostrated themselves to pay homage to the Buddha. The staffs took root in the ground and

grew up to be trees. Out of respect, nobody ventured to fell them. Thus the place became the wood with that name. After taking their midday meals, the monks of the Jetavana Vihāra often went to the wood to sit in meditation.

Six or seven *li* to the northeast of the Jetavana Vihāra, there was a place where the matron Viśākhā had built a *vihāra* for the Buddha and his monks. The ruins were still there.

The spacious compound of the Jetavana Vihāra had two gates, one facing east and the other north. This was the garden in which the elder Sudatta had covered the ground with gold coins to purchase the site to build a *vihāra*. The *vihāra* stood at the center. This was where the Buddha had stayed longer than at any other place. Stupas were built at the spots where he had preached the Dharma for the salvation of human beings, and where he had engaged in sitting and walking meditation. Each of these stupas had a specific name. This was also the place where sinister plotters had murdered Sundarī with the intention of putting the blame on the Buddha.

On the west side of the road, seventy paces outside the eastern gate of the Jetavana Vihāra, was a place where the Buddha had once debated with the followers of ninety-six non-Buddhist sects. The king, together with his ministers, lay Buddhists, and others, assembled to listen to their debate. Out of jealousy, a non-Buddhist woman named Ciñcāmāṇavikā fastened a bundle of clothes to her belly to appear as if she were with child. She planned to come before the congregation and accuse the Buddha of evil conduct. Indra assumed the form of a white mouse and nibbled through her sash, so that the bundle fell to the ground. The earth gaped at once, and the woman sank into hell alive. There was also a spot where Devadatta attempted to murder the Buddha with his poisoned fingernails. At that very spot he fell alive into hell. Both these places had been marked by later generations. At the place where the debate took place, a *vihāra* about sixty feet tall was built with a sitting statue of the Buddha in it.

861a

On the east side of the road, there was a non-Buddhist *deva* temple called Overshadowed. It was also about sixty feet tall and stood opposite to the *vihāra* built at the place of the debate. It was so named because when the sun was in the west, the shadow of the Buddhist *vihāra* always overshadowed the *deva* temple; but when the sun was in the east, the shadow of the *deva* temple always fell northward and never overshadowed the Buddhist *vihāra*. The non-Buddhists always sent men to look after the *deva* temple. They swept the ground and sprinkled water on it, burned incense, and lighted lamps. But at dawn the lamps were always found in the Buddhist *vihāra*.

The brahmans said resentfully, “The Buddhist monks are stealing our lamps to offer them to the Buddha.” Since [the transfer of the lamps] did not cease, the brahmans kept watch at night. They saw the *deva* they worshiped take the lamps, circumambulate the Buddhist *vihāra* thrice, and offer the lamps to the Buddha. Then the *deva* suddenly disappeared. Realizing that the Buddha’s spiritual power was great, the brahmans left their homes and became Buddhist monks. It was said that this event had only recently occurred.

[In the vicinity of] the Jetavana Vihāra there were eighteen monasteries, of which all but one were occupied by monks. In the Middle Kingdom there were ninety-six non-Buddhist teachers, who knew not only the present but the future. Each teacher had his own disciples, who also lived on alms but did not use begging bowls. In order to seek merit, they built welfare facilities along the roadsides. They provided shelter, bedding, food, and drink for wayfarers, monks, and travelers. But they did so with different expectations. Followers of Devadatta made offerings to three former Buddhas but not to Śākyamuṇi Buddha.

Four *li* southeast of the city of Śrāvastī was the place where the Buddha stood by the roadside when King Virūḍhaka set out to attack the kingdom of the Śākya clan. A stupa was erected to mark the spot.

Fifty *li* to the west of this city, [Faxian's] party arrived at a town named Tadwa, which was the birthplace of Kāśyapa Buddha. Stupas had been built at the sites where he met his father and entered nirvana. A great stupa had also been raised to entomb the whole body of Kāśyapa Buddha.

Traveling twelve *yojanas* southeast from the city of Śrāvastī, [the group] came to a town named Napika, which was the birthplace of Krakucchanda Buddha. Here, stupas had also been built at the places where he met his father and entered nirvana.

From here, going north for less than a *yojana*, they came to a town which was the birthplace of Kanakamuni Buddha. Again, there were stupas at the places where he met his father and entered nirvana.

From here, after going east for less than a *yojana*, [Faxian's party] reached the city of Kapilavastu. It was completely deserted, without king or citizens. There were only some monks and few dozen lay families. At the ruins of King Śuddhodana's palace, there was an image of Prince [Siddhārtha]'s mother, depicting the Prince entering his mother's womb on a white elephant. A stupa was built at the spot where the Prince had gone out of the city by the east gate, saw a sick man, and ordered his charioteer to drive him back to the palace.

There were also the places where Asita read the physiognomical marks of the Prince; where the Prince and Nanda hauled an elephant away from the road; and where [the Prince] competed in archery. His arrow flew thirty *li* and pierced the ground, causing a fountain to spring up. People of later times made a well at the spot so that wayfarers might drink water from it.

Stupas had also been built at the places where the Buddha, after attaining enlightenment, returned home to see his father; where the earth quaked in six ways when five hundred youths of the Śākya clan became monks and saluted Upāli; where the Buddha preached the Dharma to celestial beings and the four heavenly kings guarded the four gates of the hall, so that the king, his father,

861b

could not enter; where the Buddha sat in meditation facing east under a *nyagrodha* (banyan) tree—which is still growing—while Mahāprajāpati offered him a piece of *saṃghāti* robe; and where King Virūdhaka slaughtered the descendants of the Śākya clan, all of whom, after death, attained the stage of *srotaāpanna*.

Several *li* northeast of the city was the royal farm where Prince Siddhārtha once sat under a tree and watched farmers plowing. Fifty *li* east of the city was the royal garden named Lumbinī, in which Queen Māyā entered a pond to bathe. After bathing she came out of the northern side of the pond and walked twenty paces. Holding the branch of a tree, she gave birth to the Prince while facing toward the east. As soon as the Prince was born, he took seven steps. Two dragon kings bathed him, and a well had been made at the place where they bathed him. The monks now drew drinking water from it as well as from the pond.

All Buddhas always have four places, namely: the place where they attain enlightenment, the place where they first turn the Wheel of the Dharma, the place where they preach the Dharma and subjugate heretics through argumentation, and the place where they descend from the Trāyastriṃśa Heaven after preaching the Dharma to their mothers. They have other places, too, according to the circumstances of different times.

The country of Kapilavastu was extremely desolate, with only a few scattered people living there. The roads were frightening. There were white elephants and lions. Nobody should travel there without taking precautions.

Five *yojanas* east of the Buddha's birthplace, there was a country called Rāmagrāma. The king of this country obtained a share of the Buddha's relics, brought them home, built a stupa, and named it Rāmagrāma. Beside the stupa was a pond in which a dragon lived. The dragon kept constant watch over the stupa and made offerings to it day and night. When King Aśoka was in this world, he intended to demolish eight stupas and construct eighty-four thousand new ones. He had already pulled down seven stupas and had come to destroy this one. The dragon appeared, took the

king to its palace, and showed him all its offerings. The dragon then said to the king, “If your offerings are better than mine, then destroy this stupa and take away the relics. I will not quarrel with you.” Realizing that the dragon’s offerings were not of this world, King Aśoka returned to his home.

As it was a deserted place with no one to keep it clean, a herd of elephants often came with water in their trunks to sprinkle on the ground. They also offered various kinds of flowers to the stupa. Once a monk came from another country to worship the stupa and was frightened by the sight of the elephants. Hiding behind a tree, he saw that the elephants presented offerings in a proper way. He deplored the fact that because there was no monastery with monks to look after the stupa, the elephants had to keep it clean. Thus he renounced the status of fully ordained monk and became a novice. He cut weeds and plants, leveled the ground, and made the place clean and tidy. He exhorted the king to build a monastery there and volunteered to be its abbot. Monks were now living in this monastery. This event occurred recently, and since then the abbots of this monastery have always been novices.

Three *yojanas* to the east was the place where Prince Siddhārtha ordered [his servant] Chandaka to return home with his white horse. A stupa had also been built there.

861c

Going four *yojanas* further east, the party came to the Charcoal Stupa, where there was also a monastery.

Continuing east for twelve *yojanas*, they came to the city of Kuśinagara. Between two *śāla* trees by the side of the Hiranyavati River to the north of the city, the Buddha entered *parinirvāṇa* with his head toward the north. There were the places where Subhadra, the Buddha’s last disciple, attained arhatship; where the World-honored One, lying in a golden coffin, received homage for seven days; where the *vajra* guardians laid down their diamond maces; and where the eight kings divided the Buddha’s relics. Stupas had been erected at all these places, and a monastery was also standing there. This city was also scarcely populated, having only a few monks and some lay devotees.



Traveling twelve *yojanas* to the southeast, [Faxian's] party reached the place where the Licchavis wished to follow the Buddha to the spot where he was going to enter *parinirvāṇa*, but the Buddha did not allow them to do so. Since they refused to go away, the Buddha caused a deep ditch to appear, which the Licchavis could not cross. After giving them his almsbowl as a testament to their faith, the Buddha sent them home. A stone pillar with inscriptions had been erected at this spot.

After going eastward from here for ten *yojanas*, the party reached the country of Vaiśālī. In the large wood to the north of the city of Vaiśālī, there was a storied *vihāra* which had once been the dwelling place of the Buddha. There was also a stupa containing half of Ānanda's relics. This city was originally the hometown of Lady Āmrapālī, who constructed a stupa for the Buddha, the ruins of which are still there. On the west side of the road, three *li* to the south of the city, was the garden that Lady Āmrapālī offered to the Buddha for his dwelling place.

When the Buddha was about to enter *parinirvāṇa*, he left the city of Vaiśālī through the western gate with his disciples. Turning right to look back at the city, he said to his disciples, "This is the last place I will stay in my life." A stupa was built at this spot by the people of a later time.

Three *li* to the northwest of the city, there was a stupa by the name of Bows and Lances Laid Down. The name was derived from the following story. Once a king lived in the upper reaches of the Ganges [River], and one of his concubines gave birth to an immature fetus. Out of jealousy, the queen said [to her], "You have given birth to an inauspicious omen." So the fetus was put in a wooden box and thrown into the Ganges.

Now it happened that another king was taking a pleasure trip in the lower reaches of the Ganges and saw the wooden box floating in the river. He had the box opened and found one thousand unusually handsome infants in it. The king raised them, and they grew up to become brave warriors who subdued every country they attacked. Then they started to attack their [real] father's kingdom.

The king, their father, was so greatly worried that his concubine asked what was the cause of his anxiety. The king replied, “The king of the neighboring kingdom has a thousand sons of incomparable valor, and they are coming to invade our kingdom. That is why I am worried.”

The concubine said, “Don’t worry, my dear king. Just raise a tall pavilion at the east corner of the city and place me on top of it when the invaders come. I will be able to make them retreat.”

The king did as she suggested. When the invaders approached, the concubine stood on the pavilion and said to them, “You are all my sons. Why are you rebelling?”

The invaders retorted, “Who are you? Why do you claim to be our mother?”

The royal lady said, “If you don’t believe me, just look up and open your mouths.”

862a

Then she squeezed her breasts with both hands. Five hundred jets of milk gushed out of each breast and spurted into the mouths of her thousand sons. Realizing that she really was their mother, the invaders laid down their bows and lances. Meditating on this event, the two kings became *pratyekabuddhas*. Two stupas were built for them, which are still there.

Later, when the World-honored One attained enlightenment, he told his disciples, “This is the place where in a former life I laid down my bow and lance.” Thus the people came to know of the matter and built a stupa there, and it was so named. The one thousand sons were actually the one thousand Buddhas of the *bhadra kalpa* (the present age).

It was beside the Stupa of Bows and Lances Laid Down that the Buddha passed away. The Buddha told Ānanda, “After three months, I will enter *parinirvāṇa*.” As Ānanda had been bewitched by Māra the Evil One, he could not beseech the Buddha to remain longer in the world.

Three or four *li* to the east there stood another stupa. One hundred years after the Buddha’s *parinirvāṇa*, a monk of Vaiśālī advocated the ten acts. He had misinterpreted the Vinaya to argue

that the Buddha's teaching supported him. [Editor's note: This refers to the events now known as the Second Council, which was associated with the first schism of the Buddhist sangha.] Then the arhats and Vinaya-abiding monks, seven hundred in all, gathered at this place to check and review the Vinaya. People of a later time built the stupa, which is still standing on the spot.

Going eastward from here for four *yojanas*, the party came to the confluence of five rivers. When Ānanda was traveling from Magadha to Vaiśālī, where he intended to enter *parinirvāṇa*, the *devas* informed King Ajātaśatru of his intention. The king himself adorned a chariot and, leading his troops, pursued Ānanda to the bank of the river. Then the Licchavīs of Vaiśālī, hearing that Ānanda was coming to their country, also came out to welcome him on the other side of the river. Ānanda reflected that if he proceeded on his way, King Ajātaśatru would grieve, while if he turned back, the Licchavīs would feel unhappy. So he went to the middle of the river, where he burned himself with the flames of the fire *samādhi* and entered *parinirvāṇa*. His relics were divided into two portions, one for each side of the river. Thus each king had half of Ānanda's relics and they built stupas for them after returning home.

After crossing the river, [Faxian's group] went south for one *yojana* and reached the city of Pāṭaliputra, which was the capital of King Aśoka in the county of Magadha. The royal palaces in the city had all been built out of stone by celestial beings and deities. The walls and watchtowers, the ruins of which still remain, had all been decorated with carved designs and ornamental engravings that were not produced by human hands.

King Aśoka's younger brother, having attained arhatship, lived on Mount Gr̥dhra-kūṭa, where he enjoyed serenity and quietude. The king respectfully invited him to live at his home and offered to support him. But the arhat took delight in the quiet surroundings of the mountain and he declined the invitation. The king said to his younger brother, "If you accept my invitation, I will make a mountain for you in the city."

Then the king prepared food and drink and summoned the spirits and deities. He said to them, “May all of you please accept my invitation for tomorrow. But as there are no seats, each of you must bring one for yourself.” On the following day each of the great spirits and deities came with a huge boulder, four or five paces square [in dimension]. After they had used the boulders as seats for the feast, they were asked to pile them up to form a large hill. At the bottom a chamber about thirty feet in length, twenty feet wide, and over ten feet high was built with five boulders.

862b

In this city there lived a follower of the Mahayana by the name of Rājasvāmin, the son of a brahman, who was wise and intelligent. He excelled in everything. He lived a life of purity. The king respected him as his teacher. Whenever the king paid him a visit, he never dared to sit indiscreetly in the presence of the brahman. If the king held his hands to show affection or respect, the brahman would always wash himself afterward. When he reached fifty years of age, he was revered by the whole country. It was due to his presence alone that Buddhism was disseminated and the heretics could gain no advantage over the Buddhist monks.

Besides the stupa built by King Aśoka, there was a magnificent Mahayana monastery. There was also a Hinayana monastery, where six or seven hundred monks lived in a most orderly manner with perfect decorum. Monks of high virtue and scholars from the four quarters came to this monastery to seek knowledge and truth. The brahman’s teacher, who was named Mañjuśrī, was honored by the virtuous monks and Mahayana monks. He also lived in this monastery.

In the whole of [the country of] Madhyadeśa, the capital was the largest city. The people were rich and prosperous and vied with each other in performing benevolent and righteous deeds. On the eighth day of the second month every year, they held an image procession. A four-wheeled cart with a five-story bamboo structure resembling a stupa was constructed, complete with such architectural fittings as struts and beam-supporters, and about twenty feet in height. It was covered with white felt on which various

celestial beings were painted in color. It was decorated with gold, silver, and glaze, and silk pennants and canopies were hung on it.

On the four sides of the structure were niches in which sitting images of the Buddha were enshrined. These images were attended by standing figures of bodhisattvas. Twenty such carts were each adorned in a different way. On the day of the procession, the monks and laymen of the country assembled to play music and make offerings of flowers and incense. The brahman came out to receive the Buddha images, which were brought into the city one after another. Those images were kept there for the night. Lamps burned throughout the night and music was performed in honor of the images. In all [the] countries this image procession was conducted in the same way.

The elders and householders of this country established facilities for welfare and medical care in the city. The poor, the homeless, the disabled, and all kinds of sick persons went to the facilities to receive different kinds of care. Physicians gave them appropriate food and medicine to restore their health. When cured, they left those places.

After demolishing seven stupas, King Aśoka built eighty-four thousand new ones. He built the first great stupa at a spot about three *li* to the south of this city. In front of the stupa was a footprint of the Buddha. A *vihāra* had been constructed there with its door facing north. To the south of this stupa, there was a stone pillar, fourteen or fifteen feet in diameter and more than thirty feet tall. It was carved with the following inscription: “King Aśoka offered Jambudvīpa as a gift to the monks of the four quarters and then redeemed it with money. He did so three times.”

862c Three or four hundred paces north of the stupa was the site where King Aśoka built the city of Niraya. In the middle of this site stood a stone pillar, also more than thirty feet tall, with the figure of a lion on its top. An inscription on the pillar gave an account of the reason for the building of the city of Niraya and the dates of the construction.

Traveling from here southeast for nine *yojanas*, [Faxian's] party came to a small, solitary, rocky hill. On the top of the hill was a stone cell facing south. Once when the Buddha sat in this cell, Indra sent Pañcaśikha, a celestial musician, to play the harp to amuse him. There Indra made inquiries of the Buddha on forty-two points and marked a rock with his finger for each question. The marks were still there. There was also a monastery.

One *yojana* to the southwest, [the group] reached the village of Kālapināka, the birthplace of Śāriputra, who had returned to this village to enter *parinirvāṇa*. A stupa was built at the place where he died and it was still standing there.

One *yojana* to the west, they arrived at the new city of Rājagṛha, which was built by King Ajātaśatru. There were two monasteries in the city. Three hundred paces from the western gate of the city, there stood a gigantic and magnificent stupa built by King Ajātaśatru to enshrine his share of the Buddha's relics.

Traveling southward out of the city for four *li*, [Faxian's party] entered a valley surrounded by five hills. They felt as if they were encircled by a city wall. This was the site of the old city of King Bimbisāra. It was five or six *li* from east to west and seven or eight *li* from south to north. This was where Śāriputra and Maudgalyāyana first met Aśvajit, where Nirgranthaputra made a fiery pit and prepared poisoned rice for the Buddha, and where King Ajātaśatru intoxicated a black elephant with the intention of murdering the Buddha.

In the garden of Āmrāpālī at the northeast corner of the city, some venerable people of repute had built a *vihāra*. They invited the Buddha and his twelve hundred fifty disciples there and made offerings to them. The ruins were still there, but the city was in a state of desolation without inhabitants.

After entering the valley and climbing the hills for fifteen *li* toward the southeast, [the group] came to Mount Gṛdhrakūṭa. Three *li* from the summit, there was a cave facing south in which the Buddha used to sit in meditation. Thirty paces to the northwest

was another cave. Once, when Ānanda sat in meditation in this cave, Māra Pāpiyas turned himself into a vulture and stayed in front of the cave to frighten him. With his supernatural power, the Buddha stretched his hand through the rock and patted Ānanda on the shoulder to allay his fear. The traces left by the bird and the hole made by the hand of the Buddha were still there. Thus this place was called the Mountain of the Vulture Cave.

In front of the cave was a place where the four Buddhas had sat. Each of the arhats had a cave for himself to sit in meditation. There were several hundred in all.

Once, when the Buddha walked in meditation from east to west in front of his cave, Devadatta viciously rolled down a rock from the precipice to the north and hurt the Buddha's toe. The rock was still there. The Buddha's preaching hall had fallen into ruin. Only the foundations of the brick walls remained. The peaks of this mountain were beautiful and majestic, and it was the highest of all the five mountains.

863a

In the new city [of Rājagṛha], Faxian bought incense, flowers, and oil for lamps. He asked two local monks to guide him to Mount Gṛdhrakūṭa, where he offered the flowers and incense and refilled the lamps to keep the flames burning. He cried in deep sorrow at the place where the Buddha had taught the *Śūraṅgama[-samā-dhi]-sūtra*. Then he said, "Faxian, who was not yet born at the time of the Buddha, was able to see nothing more than the ruins and monuments left by him." He recited the *Śūraṅgama[-samā-dhi]-sūtra* in front of the cave. After spending the night there, he returned to Rājagṛha.

On the west side of the road, about three hundred paces north of the old city, was the Veluvana Kalandaka Monastery. The monastery was still there and was kept clean by the monks living there. About two or three *li* to the north, there was a *śmaśāna* (burial ground). Three hundred paces to the west along the southern hill was the Pippala Cave, where the Buddha used to sit in meditation after his meals.

Five or six *li* further west was the Saptaparṇa Cave on the shady northern side of the mountain. This is the place where five hundred arhats assembled to chant and compile the sutras after the Buddha's nirvana. At the time of the recital, three high seats were prepared with graceful adornments. Śāriputra took the left seat and Maudgalyāyana the right. Mahākāśyapa presided over the assembly. One of the five hundred arhats was absent from the congregation. Ānanda was not allowed to enter the cave and was outside the gate. A stupa built at this spot was still standing there. Along the mountainside, there were many caves used by the arhats for meditation.

Three *li* east of the northern part of the old city was the cave of Devadatta. Fifty paces from the cave there was a huge square rock of black color. Once a monk paced on it and meditated on the impermanence, suffering, and emptiness of the human body. Thus he understood that the human body was impure. Despising his own body, he wanted to kill himself with a knife. Then he remembered that the World-honored One had made a rule forbidding suicide. However, since he hoped to put an end to the three poisons, he started to cut himself. When he first slashed his flesh, he attained the stage of *srotaāpanna*. When his body was half severed he realized the stage of *anāgāmin*. When it was completely cut in two, he achieved arhatship and entered *parinirvāṇa*.

Traveling west from here for four *yojanas*, the party reached the city of Gayā, which was deserted and without inhabitants. Going toward the south again for twenty *li*, they came to the place where the Bodhisattva practiced asceticism for six years. There was a wood at that place. Going three *li* to the west, they visited a spot where the Buddha once bathed himself in a pool and a heavenly being lowered the branch of a tree to help him out of the pool.

Traveling two *li* to the north, they reached the place where the maiden named Mekā offered milk porridge to the Buddha. Two *li* further to the north, under a big tree, was a rock on which the Buddha sat facing east and ate the porridge. Both the tree and the



rock were still there. The rock was about six feet square and two feet high. As the climate in the Middle Kingdom is temperate, there are some trees that are several thousand or even ten thousand years old.

863b From here they proceeded northeast for half a *yojana* till they came to a cave. Once the Bodhisattva entered this cave and sat cross-legged facing the west, reflecting that if he were going to attain Buddhahood, there should be some divine signs to prove it. Then the shadow of a Buddha about three feet high, which is still distinctly visible, appeared on the rock wall. At that moment heaven and earth quaked and celestial beings proclaimed in the air, "This is not the place for a Buddha of the past and future to attain Buddhahood. Less than half a *yojana* to the southwest is a place under a pipal tree. That is the place for Buddhas of the past and future to attain Buddhahood."

Having said this, the celestial beings led the way, singing, and the Bodhisattva rose and followed them. Thirty paces from the tree, the heavenly beings offered him some *kuśa* grass, which he accepted. When he had proceeded another fifteen steps, five hundred bluebirds came flying toward him, encircled him three times, and flew away. When the Bodhisattva reached the pipal tree, he spread the *kuśa* grass on the ground underneath and sat down facing the east. At that moment, Māra the Evil One sent three charming women from the north to tempt the Bodhisattva, while Māra himself came from the south to attack him. But the Bodhisattva just pressed the ground with his toes, and the troops of Māra retreated in confusion, while the three girls turned into three old women.

At the above-mentioned place where the Buddha practiced asceticism for six years, and at the other places, stupas with Buddha images had been built by people of later times and still exist now.

Stupas were also built at the following sites: the place where the Buddha enjoyed the bliss of emancipation and gazed at the pipal tree for seven days after his enlightenment; where he paced eastward and westward for seven days under the tree; where

celestial beings created a chamber of seven jewels for the Buddha to use for seven days; where the blind *nāga* Mucilinda coiled around the Buddha for seven days; where Brahmā came to make a request of the Buddha, who was sitting on a square rock facing east under a *nyagrodha* tree; where the four heavenly kings offered him an almsbowl; where five hundred merchants presented him with baked flour and honey; and where he converted the Kāśyapa brothers together with their one thousand disciples.

At the place of the Buddha's enlightenment, there were three monasteries; monks resided in all of them. The local people provided the monks with daily necessities in abundance, and nothing was insufficient for their needs. The monks strictly observed the Vinaya rules and their decorum in regard to personal behavior in sitting, standing, or joining an assembly was exactly like that of the holy monks during the Buddha's lifetime.

Since the time of the Buddha's *parinirvāṇa*, Four Great Stupas have been well kept from generation to generation. These four stupas were at the places where the Buddha was born, where he achieved enlightenment, where he first turned the Wheel of the Dharma, and where he entered *parinirvāṇa*.

Once King Aśoka, as a child in a former life, was playing on a road. He met Kāśyapa Buddha going round for alms. Delighted, the child offered Kāśyapa a handful of soil, which the Buddha took with him and scattered over the ground where he used to engage in walking meditation. As a result of this good deed, the child became a king of the iron wheel (*cakravartin*) and ruled over Jambudvīpa. Once, while riding in a chariot of iron wheels and making an inspection tour of Jambudvīpa, King Aśoka saw the hell between two iron-encircled hills where the wicked were punished.

He asked his ministers, "What is this place?"

They replied, "This is where Yama, the King of the Dead, punishes the wicked."

On hearing this, King Aśoka reflected, "If the King of the Dead can make a hell to punish the wicked, why should not I, a ruler of men, make a hellish place to punish criminals?" So he inquired of

863c

his ministers, "Which of you will act as the warden of a prison to punish criminals for me?"

The ministers said in reply, "None but the most wicked of men will do that."

Thereupon King Aśoka sent his ministers out in all directions to search for a wicked man. They came upon a vicious man beside a pond. He was tall, strong, and swarthy, with yellow hair and blue eyes. He could catch fish with his feet. He called to birds and beasts and when they came, he shot them. Not a single one escaped. Having found this man, the ministers took him to the king.

The king instructed him secretly, saying, "Build a square enclosure with high walls. Plant all sorts of flowers and fruit trees, and make a nice bathing pool inside it. Decorate the place with beautiful ornaments to make it attractive to the people. Make the gate strong. Should anyone enter the gate, arrest him, put him to all kinds of torture, and never allow him to come out again. Even if I should enter the place myself, you must torture me as well and never let me go. Now I appoint you the lord of this hellish prison."

Then a monk entered the gate while begging for food from door to door. At the sight of him, the warden prepared to torture him. The terrified monk pleaded with the warden to let him have a midday meal first. Meanwhile another man came into the gate, and the warden put him into a mortar and pounded him till red froth appeared. On seeing this, the monk contemplated the fact that this corporal body is impermanent, painful, and empty, just like a bubble or foam. Thus he attained arhatship. Then the warden seized [the monk] and cast him into a boiling cauldron, but he was tranquil in mind and serene in countenance. The fire went out and the water cooled. A lotus flower grew out of the water and the monk was sitting upon it.

The warden immediately went to tell the king, "Something strange has happened in the prison. Please, Your Majesty, come and see."

The king said, "We made an agreement before, and I dare not go."

The warden said, “This is no small matter. It befits Your Majesty to go promptly. We may alter our former agreement.”

So the king followed the warden to the prison, where the monk expounded the Dharma to King Aśoka. The king understood the Dharma. He demolished the prison and repented all the evils he had committed. From that time he respected the Triple Gem and often went to a pipal tree under which he repented his transgressions, reproached himself, and observed the eight precepts.

When the queen inquired of the ministers where the king went away to so frequently, they told her that the king went to the pipal tree. The queen sent men to have the tree cut down when the king was away from the tree. When the king saw what had happened he fainted and fell to the ground. His ministers sprinkled water on his face and, after a long while, he regained consciousness. The king then piled up bricks around the stump of the tree and irrigated the roots with a hundred pitchers of milk. He prostrated himself on the ground and vowed, “If the tree does not grow again, I will never rise from the ground.”

As he uttered this vow, the tree began to grow from its roots to its present height of nearly a hundred feet.

From here the party traveled three *li* to the south and reached a mountain called Kukkuṭapada. Mahākāśyapa still lives in this mountain. He split the mountain to enter it, and the opening was so small that it was hardly possible for a man to pass through. Extremely deep in the mountain, there was a hole on a crag in which Mahākāśyapa’s whole body was preserved. Outside the hole was the earth that he used to clean his hands. Whenever the local people suffered from a headache, they would rub their heads with the earth to effect a cure.

864a

Even in that day arhats lived in the mountain and monks of various countries went there every year to make offerings to Mahākāśyapa. If someone who had a mind full of devotion arrived, an arhat would come at night to have a discussion with him. When his doubts were cleared up, the arhat would vanish all of a sudden. The mountain was covered with trees and plants and is infested

with lions, tigers, and wolves. No one should go there without taking precautions.

Faxian headed toward Pāṭaliputra. Going west along the Ganges for ten *yojanas*, he reached a *vihāra* named Wilderness, where the Buddha had once lived. There are monks residing in it now.

Again proceeding west along the Ganges for twelve *yojanas*, he arrived at the city of Vārāṇasī in the country of Kāśī. About ten *li* to the northeast of the city was the Deer Park. Formerly a *pratyekabuddha* lived in this park and wild deer often came there for shelter. When the World-honored One was about to achieve enlightenment, heavenly beings announced in the air, “The son of King Śuddhodana, who renounced home to attain the Way, will become a Buddha in seven days.” On hearing this announcement, the *pratyekabuddha* entered nirvana. Thus this place was called the Deer Park Vihāra of the Ascetics. After the World-honored One had attained Buddhahood, people of later times built a *vihāra* there.

The Buddha wished to convert the five persons, Kauṇḍinya and the others, who said among themselves, “This *śramaṇa* Gautama practiced asceticism for six years, living on one grain of sesame and one grain of rice each day, yet he did not realize the Way. Now he has entered worldly life without any restraints of body, speech, and mind. What truth can he have attained? If he comes here today, be sure not to speak to him.”

There was a place where the five had risen and saluted the Buddha when he approached them. Sixty paces further to the north was the spot where the Buddha sat facing east and delivered his first sermon to convert Kauṇḍinya and his companions. Twenty paces to the north was the place where the Buddha predicted the future of Maitreya, and fifty paces to the south was a place where the *nāga* Elāpattra asked the Buddha when he could get rid of his *nāga* form. At all these places stupas had been built which are still standing. In the park there were two monasteries; monks resided in both.

Thirteen *yojanas* northwest of the Deer Park *vihāra* was the country of Kauśāmbī. The *vihāra* in that country was named the Garden of Ghoṣira and the Buddha once lived in it. Most of the monks residing at the *vihāra* belonged to the Hinayana school.

Eight *yojanas* to the east from there was a place where the Buddha converted an evil demon. There was also a place where the Buddha used to engage in sitting and walking meditation while he lived there. Stupas had been built at those spots. There stood a monastery with over a hundred resident monks.

Two hundred *yojanas* to the south of this place was the country named Dakṣiṇa, where the monastery of the past Kāśyapa Buddha was located. It was hewn out of a huge rocky mountain. It had five stories. The first floor was cut in the shape of an elephant and had five hundred cells; the second was in the shape of a lion and had four hundred cells; the third was in the shape of a horse and had three hundred cells; the fourth was in the shape of a cow and had two hundred cells; and the fifth was in the shape of a dove and had one hundred cells. On the top there was a spring. Water flowed down from it in a circuitous channel in front of the cells until it reached the lowest floor, and, meandering by the cells, issued at last through the door.

864b

In all the cells windows were hewn through the rock to let in daylight, so that it was bright inside and no corner was dark. At the four corners of this monastery, steps were chiseled on the rock to serve as a ladder. Since people of the present time are short, they [have to] climb the ladder to get to the place that people of old times could reach in one step. This monastery was called Pārāvata, meaning “dove” in the Indian language. Arhats always lived in this monastery. The land was deserted without inhabitants. There was a village located far away from the mountain, where all the people held heterodox views and knew nothing of the Buddha-Dharma. There were *śramaṇas* as well as brahmins and other heretics [there].

The people of that country often saw men flying to the monastery. When monks from different countries came to worship

at this monastery, the villagers would ask them, “Why don’t you fly?” They would answer, expediently, “Our wings are not yet fully grown!”

In Dakṣiṇa the roads wound among perilous mountains and travel was difficult. Those who wished to go to a place that was hard to reach had to present money or gifts to the king of the country, who would then appoint guides to lead them from one post to the next. Faxian could not afford to go to that [remote] monastery. Thus he relates here what he heard from local people.

Going eastward from the country of Vārāṇasī, Faxian returned to Pāṭaliputra. He had come for the purpose of acquiring the Vinaya texts. But in the countries of Northern India there was no Vinaya text to copy, because it was transmitted orally from teacher to pupil. He had to travel as far as Central India, where he obtained a copy of the *Mahāsāṃghika-vinaya* from a Mahayana monastery. This was the Vinaya observed by the first congregation of monks during the Buddha’s lifetime, and it had been handed down from the Jetavana Vihāra.

The eighteen schools of Buddhism had their own respective Vinaya traditions. They were not variant in major points but differed in minor points, having more or less strict regulations. The *Mahāsāṃghika-vinaya* was the most extensive and complete text of the Vinaya. Faxian also obtained another copy of the Vinaya in seven thousand stanzas, the *Sarvāstivāda-vinaya*, which was the one observed by the monks in China. It had also been transmitted orally from teacher to pupil without being committed to writing.

From that monastery he also obtained the *Samyuktābhidharma-hṛdaya-sāstra* in six thousand stanzas, a sutra in twenty five hundred stanzas, the *Vaipulyaparinirvāṇa-sūtra* in five thousand stanzas in one fascicle, and the *Mahāsāṃghikābhidharma-sāstra*. Faxian stayed [at that place] for three years, studying Sanskrit texts and the Sanskrit language and copying the Vinaya texts.

After he arrived in Central India and observed that the monks' rules of conduct and decorum of behavior were so admirable, Daozheng lamented the incompleteness of the Vinaya rules observed by the monks in the remote country of China. He swore not to be reborn in a far-off country until he achieved Buddhahood. So Daozheng remained in India and never returned home. Faxian's intention in undertaking the journey was to propagate the Vinaya in China, so he returned home alone.

Eighteen *yojanas* eastward down the Ganges, on the southern bank, was the great country of Campā. There stupas were built at the sites where the Buddha's *vihāra* existed, where the Buddha used to engage in walking meditation, and where the four Buddhas meditated in a monastery. Monks live in the monastery now.

Going further east from there for nearly fifty *yojanas*, Faxian reached the country of Tāmralipa, which had a seaport. In this country there were twenty-four monasteries, all of which were occupied by monks. Buddhism flourished there. He stayed in this country for two years, copying scriptures and images of the Buddha.

Then he sailed on a large trade ship southwest across the sea. Helped by the favorable dry monsoon wind of early winter, the vessel reached the Land of the Lion after fourteen days and nights. The people of this country said that the distance of the voyage was about seven hundred *yojanas*. This country was on an island [spanning] fifty *yojanas* from east to west and thirty from north to south. To its right and left there were about one hundred small islands, ten or twenty or even two hundred *li* apart. All these small islands were under the domination of the main island.

Many gems and pearls were produced on this island. There was a district about ten *li* square where *maṇi* pearls were found. The king sent men to guard the pearls and took a levy of three-tenths of the pearls collected there.

There were originally no inhabitants of this country except for spirits, deities, and *nāgas*. Merchants of different countries came here to trade. At the market the spirits and deities would not



appear in person but would simply display their valuable commodities with prices marked on them. The merchants would pay the marked prices and take the goods away directly. As the traders traveled to and fro or settled on the island, people of various countries heard about the pleasant conditions of this country and came there, too. In this way it gradually became a large kingdom.

The climate was temperate without any differences between winter and summer. Plants and trees always grew luxuriantly. The people could sow seeds in their fields at any time of the year and there was no fixed season for farming.

Once the Buddha came to this country to convert a vicious *nāga*. With his supernatural powers, the Buddha set one foot north of the royal city and the other on top of a mountain fifteen *yojanas* away. A great stupa four hundred feet tall had been built over the Buddha's footprint north of the royal city. It was of gold and silver and was decorated with ornaments consisting of various kinds of jewels. Next to this stupa was a monastery named Mount Fearless in which five thousand monks lived. A shrine for the Buddha's image had been built with gold and silver and carvings of different precious stones. A green jade image about thirty feet tall was installed in the shrine. The whole statue sparkled with the brilliance of the seven precious substances. Its magnificent features were so awe-inspiring that they were beyond description. In its right palm was a priceless pearl.

865a Many years had passed since Faxian left China, and he had associated only with people of foreign lands. All the mountains, rivers, plants, and trees that met his eyes were strange to him. Moreover, his companions had parted from him; some had remained behind and others had passed away. Looking at his lonely shadow, Faxian often felt sad. When he was standing beside the jade image and saw a Chinese white silk fan that had been offered by some merchants, he could no longer refrain from shedding tears of homesickness.

A former king of this country had dispatched a messenger to Central India to fetch a seed of the pipal tree. He had planted it

beside the shrine hall. The seed grew into a tree about twenty feet tall that inclined toward the southeast. Fearing that it might fall, the king had a huge pillar set up to support the trunk. The pillar was so large that eight or nine men could extend their arms around it. At the place where the pillar supported the pipal tree, a new branch grew out from the trunk and pierced through the pillar down to the ground, taking root in the earth. This side branch had grown to such a large size that four men could extend their arms around it. Although the pillar had been cleft in two, it had not been removed, as it still supported the tree by clasping the branch.

Under this tree there was a *vihāra* in which a sitting image of the Buddha was enshrined. Monks and laypeople constantly worshiped the image. In the city there was also the Temple of the Buddha's Tooth, made of the seven precious substances. The king led a life of purity and observed the Buddhist precepts. The citizens also had a deep respect for Buddhism. No famine or turbulence had ever occurred in this kingdom from the time of its establishment.

The monks had large amounts of jewels, gems, and *maṇi* pearls in their storehouses. Once the king went to inspect these storehouses. On seeing the *maṇi* pearls, he coveted them and wanted to seize them for himself. After three days, however, he repented and went to the monks to pay homage to them and confess his sins. He said to the monks, "From now on let it be a monastic rule not to allow kings to inspect the storehouses. Only those monks who have been fully ordained for no less than forty years may be admitted into them."

In this city there were many rich people, elders, and merchants of all trades. The houses were beautifully adorned. The streets and roads were level and well laid out. At the crossroads there were preaching halls. When the high seats were prepared on the eighth, fourteenth, and fifteenth days of each month, the four groups of Buddhist followers, both clergy and laity, gathered to listen to the sermons. The people of this country said that the public provided food for sixty thousand monks. The king also supported five or six

thousand monks in the royal city. The monks who lived on food provided by the public went with their almsbowls to collect it and returned with as much food as their vessels could contain.

865b The Buddha's tooth was usually brought out in the middle of the third month. Ten days before it was shown, the king had a huge elephant decorated and an eloquent person dressed in royal robes. This person rode on the elephant and made the following announcement as he beat a drum:

The Bodhisattva practiced for the incalculably long time of three *asaṃkhyeya* (immeasurable) *kalpas*, never sparing his own life. He gave up his kingdom, his wife, and his child. He even tore out his eyes to give them to others. He cut his own flesh to ransom a dove, gave his head as alms, offered his body to feed a famished tigress, and did not begrudge his marrow and brain. Having suffered these pains, he achieved Buddhahood at last for the sake of all living beings. While he was in this world he preached the Dharma and edified the people for forty-five years, giving rest to the weary and saving the unsaved. When his karmic relationship with living beings had come to an end, he entered nirvana. Since his *parinirvāṇa*, one thousand four hundred ninety-seven years have passed. Because the Eye of the World closed, all living beings were left in perpetual grief. Ten days from now, the Buddha's tooth will be brought out and carried to the Abhayagiri Vihāra. All monks and laymen who wish to accumulate merit, [you should] level the streets, decorate the roads, and prepare all kinds of flowers, incense, and other offerings.

After this announcement was made, the king set up on both sides of the road [images of] the various transmigratory forms of the Bodhisattva in his past five hundred incarnations, such as Sudāna, Śyāmaka, the elephant king, a deer, and a horse. All these forms, true to life, were painted in colors and richly adorned. Then the Buddha's tooth was brought out and carried in the middle of the

road. Offerings were made to it all along the way until it reached the shrine hall of the Abhayagiri Vihāra. There monks and laymen assembled to burn incense, light lamps, and perform all kinds of religious ceremonies day and night without stopping. After ninety days the tooth was carried back to the *vihāra* inside the city. This *vihāra* was open on fast days, when the tooth was worshiped according to tradition.

On a hill forty *li* to the east of the Abhayagiri Vihāra stood a *vihāra* by the name of Caitya with some two thousand monks living in it. Among them was a monk of great virtue named Dharmakīrti, who was venerated by all the people of the country. He had lived in a cave for more than forty years and always cherished such a mind of compassion that under his spiritual inspiration snakes and mice lived together in the cave without one harming the other.

Seven *li* to the south of the city there was a monastery named Mahāvihāra, in which three thousand monks lived.

A *śramaṇa* of high virtue observed the Vinaya rules so perfectly that the people of the country suspected him to be an arhat. When he was on his deathbed, the king came to see him. According to Buddhist custom, the king assembled some monks and asked them, “Has this monk achieved arhatship?”

They truthfully answered, “He is an arhat.”

After his death, the king had his remains cremated in a funeral ceremony befitting an arhat, in accordance with the rules laid down in the scriptures and Vinaya texts. At a spot four or five *li* east of the *vihāra*, five large logs were piled up to make a pyre about thirty feet square and nearly thirty feet in height. Sandalwood, aloeswood, and other aromatic woods were placed on the top. Steps were made at the four sides. The top part of the pyre was covered with pure and fine white felt all around. A large bier was made, resembling the hearses used in China but without dragon and fish adornments.

At the time of the cremation, the king, the countrymen, and the four types of Buddhists assembled to make offerings of flowers and incense. Then they followed the bier to the crematorium. There

the king again made his personal offering of flowers and incense. When this had been done, the bier was placed on the pyre, butter was poured over it, and it was burned. As the bier was burning, those in attendance respectfully took off their upper garments and, together with their feather ornaments and parasols, cast them into the flames from a distance as additional fuel for the cremation. When the cremation was over, the ashes were collected and a stupa was built for them. Faxian did not arrive in time to see the saintly monk in the flesh, but he witnessed his funeral ceremony.

The king, a devout believer in Buddhism, desired to build a new *vihāra* for the monk. First he invited the monks to a grand assembly. After offering food to them, he selected a pair of his best oxen and adorned their horns with gold, silver, and other precious objects. He had a fine golden plow prepared, and personally furrowed the four sides of a piece of land to mark the boundaries. Then he endowed the monks with the inhabitants, fields, and houses on the land. The transfer was incised on an iron title deed, so that it could be handed down from generation to generation and nobody would dare to alter or annul it.

865c

While sojourning in this country, Faxian heard an Indian monk, seated on a high pulpit, reciting the following scripture:

The Buddha's almsbowl, which was originally kept in Vaiśālī, is now in Gandhāra. After several hundred years (*Faxian's note: At the time of recitation, Faxian heard the monk mention the exact number of years, but he has since forgotten it.*), it will go to the country of Western Yuezhi. After several more centuries, it will go to the country of Khotan. After several more centuries, it will go to the country of Kucha. After several more centuries, it will go the Land of the Lion. After several more centuries, it will go to China. After several more centuries, it will return to Central India and ascend to the Tuṣṭa Heaven, where Maitreya Bodhisattva will see it and exclaim, "The almsbowl of Śākyamuni Buddha has arrived!" Then he, together with heavenly beings, will

offer flowers and incense to it for seven days. After the seven days, it will return to Jambudvīpa, where the *nāga* king of the sea will carry it to his *nāga* palace. When Maitreya is about to achieve Buddhahood, the bowl will be redivided into four parts and returned to its original place on Mount Vinataka.

When Maitreya has realized Buddhahood, the four heavenly kings will venerate him in the same way as they did former Buddhas. The thousand Buddhas of the *bhadra kalpa* all use this same almsbowl. When the bowl has vanished, Buddhism will gradually disappear. After the disappearance of Buddhism, the lifespan of human beings will diminish to become as short as five years. By that time there will be no more rice and butter in the world, and men will become so wicked that even pieces of wood in their hands will turn into weapons for harming each other. Those who have done meritorious deeds will escape to the mountains to avoid the calamity and come out again when all the evil men have killed each other. They will say to each other, “Men’s lives were once very long, but as they were very wicked and committed all sorts of evil actions, our lives too have been shortened to five years. We should now do good together, have compassion in our minds, and cultivate sincerity and righteousness.” Then human life will be gradually lengthened to become as long as eighty thousand years.

When Maitreya appears in the world and starts to turn the Wheel of the Dharma, he will first save the followers of the Dharma who have not yet been saved by Śākyamuni Buddha, including monks and the laypeople who take the Three Refuges, observe the five or eight precepts, and make offerings to the Triple Gem. The second and third groups to be saved will be those who are karmically connected with him.

Faxian wished to copy this sutra, but the person said, “There

is no written text of this sutra. I just recite it from memory.”

Faxian stayed in this country for two years and obtained the texts of the *Mahīśāsaka-vinaya*, the *Dirghāgama*, and the *Samyuktāgama*, as well as some texts of the *Kṣudraka-piṭaka* (*Miscellaneous Collection*), all of which were unknown in China.

866a Having acquired these Sanskrit texts, he set sail on a large merchant ship which carried about two hundred passengers. A small boat was towed behind for use in case the large vessel should be wrecked, as sailing on the sea was hazardous. They had sailed eastward with a favorable tradewind for only three days when the ship was caught in a typhoon. It sprang a leak and water rushed in. The merchants wanted to take the small boat but those already in it hacked off the cable for fear that too many people might overload the boat. The terrified merchants, fearing that they might meet their ends at any moment, began to throw their bulky merchandise overboard to prevent the ship from taking on water.

Faxian also cast his pitcher, washbasin, and some other personal articles into the sea. Fearing that the merchants might throw away his sacred texts and images, he invoked Avalokiteśvara with his whole heart and prayed to the monks in China: “I have come so far to see the Dharma. May your spiritual power carry me back to my destination!”

The typhoon lasted thirteen days and nights. They reached the shore of an island. When the tide ebbed, they found the cause of the leak in the ship and repaired it then sailed on again. The sea was swarming with pirates from whom no one escaped alive after encountering them. The great sea stretched on without limit. One could not tell east from west. Only by observing the sun, moon, and stars could they navigate. On rainy days, the ship simply drifted aimlessly before the wind. On dark nights all they could see were giant billows of waves beating one against the other and shimmering like lambent flames, with huge turtles, sea monsters, and other strange creatures in them.

The merchants were at a loss and could not tell directions. As the sea was fathomless, there was nowhere to cast anchor. It was not until the weather turned fine that they could determine the directions and get on the right course. If they had happened to strike a reef, they would have been dead. Having voyaged in this manner for about ninety days, they reached a country named Yavadvīpa.

In this country the heretical teaching of Brahmanism flourished and there was almost no trace of Buddhism. After staying there for five months, Faxian embarked on another large merchant ship, which also carried some two hundred men. With provisions for fifty days, the ship set sail on the sixteenth day of the fourth month. He observed the summer retreat on board ship, which sailed north-east, bound for Guang-zhou.

They had been sailing for about a month when one night, during the second watch, they encountered a black cyclone with torrential rain. All the merchants and traders were terror-stricken. At that moment Faxian again wholeheartedly invoked Avalokiteśvara and the monks in China. Thanks to the protection of their spiritual power, the voyagers survived the night until daybreak. At dawn the brahmins discussed the matter and said among themselves, "It is because we have a Buddhist monk on board our ship that we have been so unlucky and suffered such great trouble. We should drop the monk on an island. We should not risk our lives because of one man."

Faxian's patron said, "If you want to put the monk ashore, you will have to put me down, too, or kill me first. If you make him get off the ship, I will certainly report the matter to the king on our arrival in China. The king of China also believes in Buddhism and honors Buddhist monks." The merchants faltered and dared not put Faxian ashore.

Because the weather was continuously cloudy or rainy, the pilot charted a wrong course. Consequently the ship sailed for more than seventy days. Their provisions and fresh water were nearly exhausted. They used salty seawater to cook their food and



866b

shared the fresh water among themselves, each person getting about two liters. The [supply of water] was almost exhausted, too. The merchants considered the matter together, saying, "Usually it takes just fifty days to reach Guang-zhou. But we have been sailing now for many more days than that. Have we taken a wrong course?" So they steered northwest to look for land.

After sailing for twelve days and nights, they reached the southern shore of Laoshan in Changguang Prefecture, where they obtained fresh water and vegetables. They had passed through dangerous and difficult days with fear and anxiety. When they arrived at the shore they saw the familiar vegetable goosefoot and they realized that they had landed on Chinese soil. But they did not see any people. Not knowing where they were located, some said they had not yet reached Guang-zhou, and others said that they might have already passed it. Nobody could tell exactly where they were. Then some of them rowed a small boat into the harbor to look for people to ask what place it was. They met two hunters, whom they brought back to the ship so that Faxian could act as interpreter to make inquiries. Having reassured the hunters of his goodwill, Faxian asked them slowly, "Who are you?"

They replied, "We are Buddhist believers."

He then asked, "What are you looking for in these mountains?"

They replied, "Tomorrow is the fifteenth day of the seventh month. We are trying to get peaches to offer to the Buddha."

Faxian further inquired, "What country is this?"

The hunters said, "This is Changguang Prefecture in Qingzhou, under the rule of the House of Jin."

Having heard this, the merchants became delighted and begged some men to send their goods to Changguang Prefecture. On hearing that a monk had crossed the sea and arrived with Buddhist scriptures and images, Li Yi, the Buddhist prefect of Changguang, came with his men to the seaside to receive the scriptures and images with due honor and carry them to the prefectural city. The merchants returned to Yangzhou, leaving Faxian behind in Qingzhou, where he was invited to stay for a winter and a summer.

When the summer retreat was over, Faxian, having been away from his fellow monks for such a long time, wanted to proceed immediately to Chang-an. But as the duty he had taken upon himself was so important, he instead went south to the capital. There, with the cooperation of a *dhyāna* master, he translated the sutras and Vinaya texts into Chinese.

Faxian started his journey from Chang-an and spent six years to reach Central India, where he stayed for six years. Then it took another three years for his return to Qing-zhou. He had traveled through nearly thirty countries, from west of the Sha River to the land of India, where the dignified deportment of the monks and the excellence of their teachings could not be described in detail. Because his fellow monks in China were not well informed in these matters, he risked his humble life to return home by sea through many difficulties. Under the protection of the Triple Gem, he was saved from dangerous situations. He wrote down this sketch of his travels so that his learned fellow monks might share his experiences.

This was written in the twelfth year of Yi-xi (417) of the Jin dynasty, the cyclical year of Jia-yin, dominated by the star Canopus.



It was at the end of the summer retreat that we welcomed Faxian. When the eminent monk arrived, we invited him to stay with us to partake of the feast of the winter solstice. We repeatedly asked him about his travels in his spare time after lecturing. He was a polite and affable person who always spoke the truth. We urged him to relate in detail what he had briefly told us before. Thus he once again gave us a complete account, from beginning to end.

He said, “When I look back on what I have been through, my heart begins to pound and I start sweating. I bravely undertook a perilous journey, not sparing my body, because I had a purpose and I foolishly and singlemindedly devoted my life to it. That was why I cast my life into the journey in which death seemed almost

certain, in the hope that I might have one chance out of ten thousand of surviving.”

866c

We were quite moved by what he had said. Such men as this person are rare, whether in ancient times or in the present day. Since the Great Religion spread to the east there has been no one equal to Faxian in his selfless search for the Dharma. From this we know that no obstacle can impede the progress of a man who has a mind of sincerity, and no meritorious deed will end in failure if one is determined to achieve it. Is it not true that he succeeded in his praiseworthy pursuit because he disregarded what others valued and valued what others disregarded?

End of *The Journey of the Eminent Monk Faxian*

